



Champaka 7

សិក្សា អង្កេត ប្រវត្តិ ប្រជាជន ក្នុង ឆ្នាំ ១៩៧៥
Nghiên cứu lịch sử và nền văn minh Champa

Từ FLM đến FULRO

Cuộc đấu tranh của dân tộc thiểu số miền nam Đông Dương
(1955-1975)



Pgs. Ts. **Po Dharma**

Ấn hành bởi
International Office of Champa, 2007

Tái bản dùng cho hệ thống mạng Web
Champaka.info, 2012



Hiệu kì Fulro (Mặt Trận Thống Nhất
Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức)



Hiệu kì
Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa

Sách này ra đời cũng nhờ một số người cùng tham gia trong một tổ chức cung cấp cho chúng tôi kho tàng tư liệu vô cùng quý giá của Fulro, tên tắt của Front Unifié de Lutte des Races Opprimées (Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức). Đây là một phong trào đấu tranh vũ trang đã diễn ra vào thời đệ nhị chiến tranh Đông Dương đã từng làm đảo lộn bàn cờ chính trị ở Việt Nam thời đó mà thông tin đại chúng thường nói đến như là một tổ chức huyền thoại li kỳ.

Đây là một công trình nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ lại nguồn gốc hình thành Fulro cũng như cương lĩnh chính trị, chiến lược quân sự và ngoại giao của tổ chức này. Tác phẩm này cũng đưa vấn đề Fulro vào bối cảnh lịch sử đã qua nhằm chứng minh rằng Fulro không phải là biến cố chính trị nhất thời mà là một truyền thống đấu tranh vũ trang của dân tộc Champa đã từng xảy ra từ thế kỷ thứ XVII, lúc nào cũng dựa vào chính quyền Campuchia để thực hiện mục tiêu của mình.

Champaka

Tập san nghiên cứu lịch sử và nền văn minh Champa

Hình thành vào năm 1999

Sáng lập viên

Hassan Poklaun, Po Dharma

Tổng biên tập

Pgs. Ts. Po Dharma (Viện Viễn Đông Pháp)

Ban biên tập

Pgs. Ts. Danny Wong Tze-Ken (Đại học Malaya, Mã Lai)

Ts. Nicolas Weber (Viện INALCO, Paris)

Ts. Shine Toshihiko (Đại học Ngoại Ngữ Tokyo, Nhật Bản)

Pgs. Ts. Liu Zhi Qiang (Đại học Dân Tộc, Quảng Tây)

Pts. Emiko Stok (Đại học Nanterre, Paris)

Abdul Karim (Viện Bảo Tàng Quốc Gia, Mã Lai)

Musa Porome (IOC-Champa)

Trụ sở

56 Square des Bauves

95140 Garges Les Gonesse, France

Email: champaka1999@aol.com

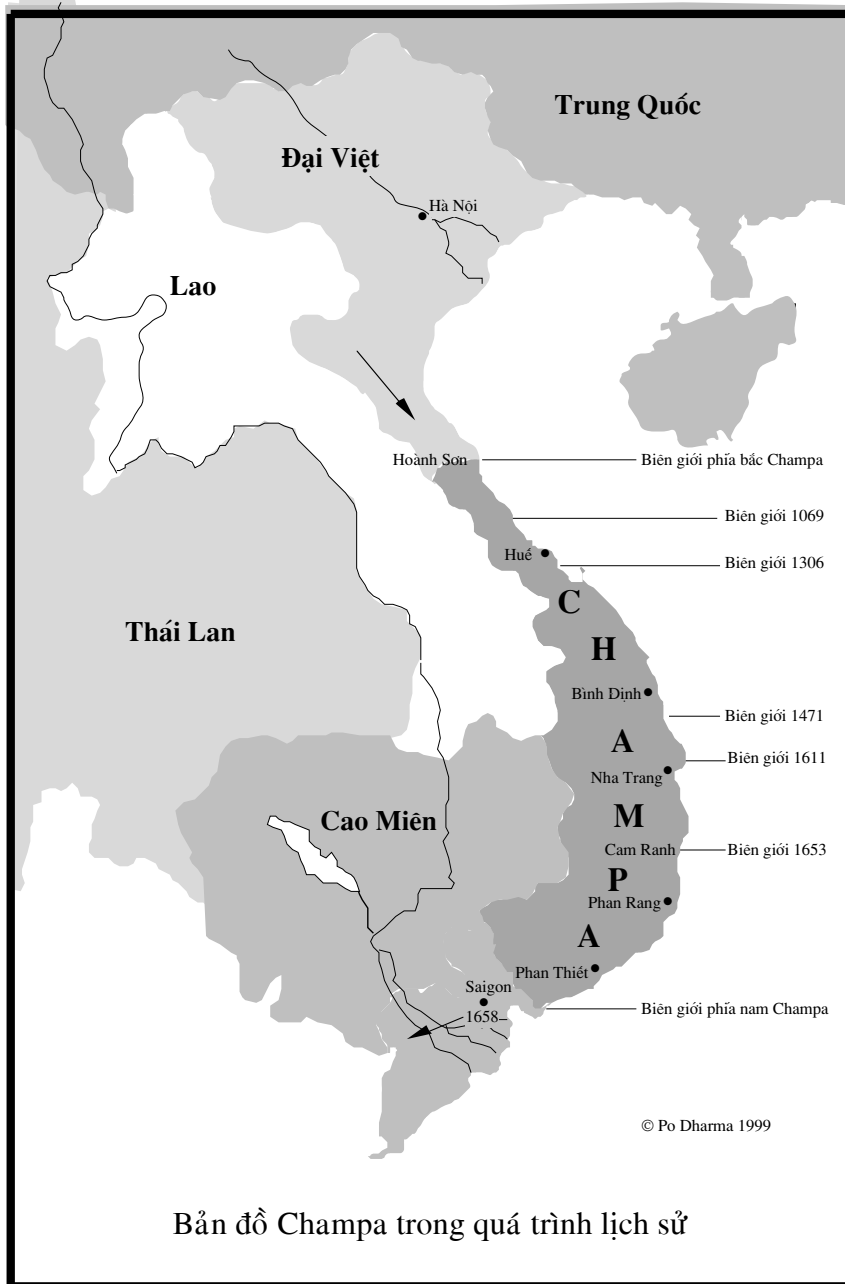
Web: www.champaka.info

Cơ quan ấn hành

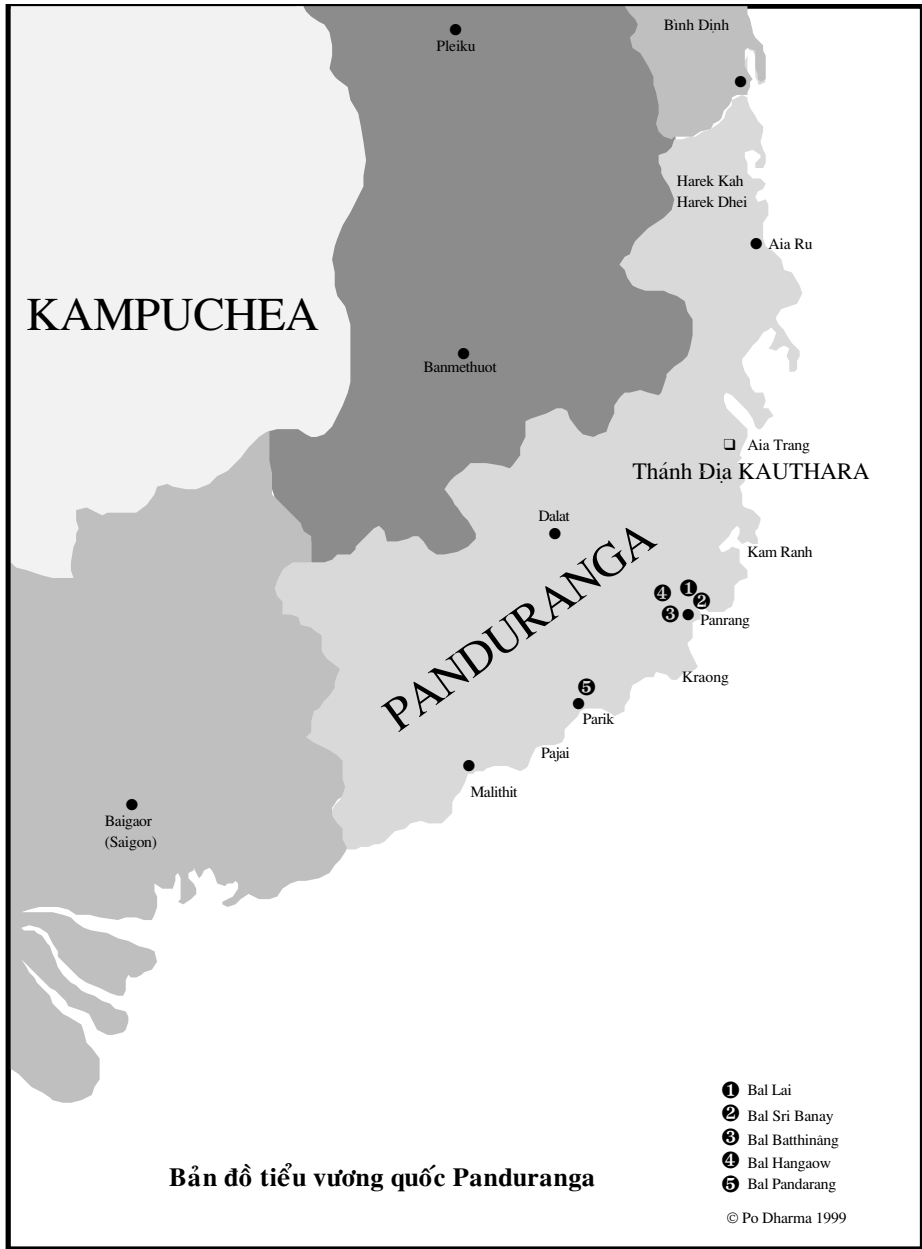
International Office of Champa (IOC-Champa)

© Champaka – 2012

Hình bìa: Thiều tướng Les Kosem và Y Bham Enuôl



Bản đồ Champa trong quá trình lịch sử



Tập san Champaka: 14 ấn phẩm nghiên cứu về Champa

Champaka là tập san nghiên cứu được ấn hành bởi International Office of Campa (IOC-Campa), do Trung tá, PGS.TS. Po Dharma làm Tổng Biên tập. Từ khi ra đời cho đến khi Po Dharma qua đời tại Pháp vào ngày 22 tháng 2 năm 2019, tập san Champaka đã xuất bản tổng cộng 14 số, được đặt tên từ Champaka 1 đến Champaka 14.

Trong thời gian 12 năm công tác và học tập tại Thailand, Singapore và Malaysia, TS. Putra Podam đã có nhiều dịp cộng tác nghiên cứu với TS. Po Dharma. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện nghiên cứu Tiến sĩ lần thứ hai chuyên ngành Công nghệ Giáo dục, TS. Po Dharma đã tham gia với vai trò người hướng dẫn thứ hai, phụ trách chuyên đề liên quan đến tiếng Cham cổ.

Website Kauthara.org, được thành lập tại Malaysia do TS. Putra Podam làm Trưởng Ban Biên tập, đã nhận được sự ủng hộ và khuyến khích từ TS. Po Dharma ngay từ những ngày đầu hoạt động.

Sau 10 năm hoạt động, website Kauthara.org đã được đổi tên miền và nâng cấp thành website Champa.one, nhằm mở rộng nội dung và phạm vi phục vụ độc giả. Website Champa.one hiện chuyển tải nhiều chuyên mục liên quan đến văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo và công nghệ của cộng đồng Cham.

Trong khuôn khổ hoạt động này, Champa.one sẽ giới thiệu đầy đủ 14 tập san Champaka trên website để phục vụ độc giả quan tâm đến nghiên cứu Champa.

Toàn bộ 14 tập san Champaka sẽ được TS. Putra Podam biên tập và kết nối các nội dung rời rạc thành các tệp PDF hoàn chỉnh, giúp độc giả thuận tiện trong việc tra cứu và tiếp cận.

TS. Putra Podam

Chịu trách nhiệm biên tập và phát hành bản PDF của tập san Champaka.



Thiếu tướng Les Kosem, sáng lập viên phong trào Fulro

Y Bham Enuôl, phó chủ tịch Fulro kiêm chủ tịch Mặt
Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa



Thay lời tựa

Ts. P-B Lafont
(Giáo sư đại học Sorbonne, Paris)

Năm 1954 đánh dấu ngày chia đôi đất nước Việt Nam. Phía bắc vĩ tuyến 17 là Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam theo chế độ xã hội chủ nghĩa, thủ đô là Hà Nội. Phía nam là Cộng Hòa Việt Nam, thủ đô là Sài Gòn, một quốc gia được tồn tại chỉ nhờ sự hiện diện của quân đội Mỹ. Sau ngày chia đôi hai miền nam bắc, đất nước Việt Nam lại rơi vào cuộc nội chiến, biến lãnh thổ miền nam thành bãi chiến trường mà người ta thường gọi là chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

Lúc ban đầu, lãnh thổ của Cộng Hòa Việt Nam chỉ giới hạn ở khu vực miền nam và đồng bằng miền trung, sau đó mới mở rộng ra đến vùng Tây Nguyên. Trong thời kỳ đó, ngoại trừ thành phố KonTum và Dalat, toàn bộ khu vực Tây Nguyên từ tỉnh KonTum đến tỉnh Đồng Nai Thượng là đất đai của những sắc dân bản địa Đông Dương (proto-indochinois), thường gọi là “Người Thượng”, một khu vực mà dân tộc Việt không được quyền định cư. Sự vắng bóng người Kinh trong khu vực này phát xuất từ chính sách của Pháp thuộc nhằm bảo vệ biên giới lãnh thổ của các dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam và ngăn chặn người Việt lên lập nghiệp trên Tây Nguyên, khu vực miền cao mà chính quyền Pháp thuộc lập thành Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương (Pays montagnard du Sud Indochinois, viết tắt là P.M.S.I). Nhằm duy trì chính sách bảo hộ ấy, Hoàng đế Bảo Đại quyết định ngày 15 tháng 4 năm 1950 biến lãnh thổ Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương thành Hoàng Triều Cương Thổ đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của Ngài, chứ không phải dưới quyền quản lý của chính phủ Việt Nam thời đó. Theo qui chế

Vài lời giới thiệu

này, Xứ Thượng Miền Nam bao gồm khu vực Đồng Nai Thượng, Lang-Bian (bao gồm Dalat), Darlac, Pleiku và Kontum.

Ngày 26 tháng 10 năm 1955 đánh dấu một khúc quanh mới trong lịch sử cận đại của sắc dân thiểu số ở miền trung Việt Nam. Tình hình kinh tế và xã hội của dân tộc này hoàn toàn thay đổi sau khi Ngô Đình Diệm đưa 850.000 người Việt tị nạn, đa số là thiên chúa giáo ở miền bắc di cư, vào khu vực Tây Nguyên. Sau khi tổ chức cuộc trưng cầu ý dân gian lận với lá phiếu của người Kinh tị nạn này, Ngô Đình Diệm biến miền nam Việt Nam thành Việt Nam Cộng Hòa mà ông ta là vị tổng thống đầu tiên.

Vừa nắm được chính quyền, Ngô Đình Diệm bắt đầu tịch thu những đất đai màu mỡ của người Thượng để phân phối lại cho những người Kinh miền bắc di cư. Dựa vào quyền lực của chính quyền địa phương Việt Nam vừa mới thành lập trong khu vực Hoàng Triều Cương Thổ, người Kinh di cư này biến dân tộc bản địa thành một tập thể nô lệ và xem họ như những người hạ cấp. Để trả lời cho sự đối xử tồi tệ đó, dân tộc Êđê là sắc dân tiến bộ nhất ở Tây nguyên, đứng ra tổ chức trong tỉnh Đắc Lắc vào năm 1955 một phong trào để bảo vệ quyền lợi của họ dưới danh nghĩa là Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng (Front de liberation des Montagnards-F.L.M.). Được sự hỗ trợ của các sắc dân khác ở Tây Nguyên, Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng thay đổi danh xưng thành mặt trận Bajaraka (tên viết tắt của Bahnar + Jarai + Radhé + Kaho) vào tháng 5 năm 1955, một tổ chức chính trị đã lôi cuốn hầu hết các giới trí thức dân tộc ở vùng cao và đã ghi một dấu ấn sâu đậm trong lịch sử cận đại của Tây Nguyên cho đến 1964.

Lúc ban đầu, hai mặt trận này chỉ đưa ra những yêu sách rất là hạn chế. Họ yêu cầu nhà nước Việt Nam phải tôn trọng nhân phẩm của dân tộc Tây Nguyên và phải trả lại cho họ những đất đã bị người Kinh xâm chiếm sau năm 1955. Nhưng Ngô Đình Diệm cũng như những vị thủ lãnh kế vị ông ta

Vài lời giới thiệu

bất bỏ hoàn toàn những lời thỉnh nguyện này. Thêm vào đó, người Kinh di cư đến Tây Nguyên ngày càng đông đúc và đối xử với dân bản địa càng lúc càng tồi tệ hơn, xem dân tộc Tây Nguyên chỉ là nhóm người “man rợ”, chưa nói đến quân đội Việt Nam trấn giữ khu vực này càng có thái độ kỳ thị chủng tộc và bạo tàn đối với dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam. Trước sự áp bức đó, một số người Tây Nguyên chạy theo phong trào kháng chiến của cộng sản, số khác còn lại nghiêng về phía chính quyền Cao Miên, một quốc gia đang kích thích dân tộc thiểu số ở Việt Nam vùng dậy chống chính quyền Sài Gòn. Kể từ đó, dân tộc Tây Nguyên từ bỏ chiến lược đòi hỏi quyền lợi mà pháp lý cho phép để dẫn thân vào cuộc đấu tranh vũ trang bằng cách liên kết phong trào Bajaraka vào Mặt Trận Giải Phóng Champa (Front de libération du Champa), một trong ba tổ chức của Fulro, tức là chữ viết tắt của Front Unifié de Lutte des Races Opprimées (Mặt trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức).

Một khi đã kết nạp dân tộc Tây Nguyên vào tổ chức, Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro bãi bỏ mô hình tổ chức “bí mật” để hành thành một phong đấu tranh vũ trang nhằm giải phóng Champa, làm đảo lộn tình hình chính trị ở Đông Dương thời đó và kích động cơ quan ngôn luận nước ngoài, nhất là báo chí Mỹ cũng như báo chí Việt Nam viết rất nhiều về cuộc nổi loạn của người Tây Nguyên và Fulro. Tiếc rằng, đa số tác giả của cơ quan báo chí này không hiểu một cách chính xác thế nào là nguồn gốc của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro. Họ cũng không nắm được mục tiêu chính trị và quân sự của tổ chức này, vì nội dung bài viết của họ hoàn toàn dựa vào quan điểm của từng đối tượng đó là chính quyền Sài Gòn, quân đội Mỹ và vương quốc Cao Miên. Một thí dụ điển hình, sau năm 1964, chính quyền ở Sài Gòn không bao giờ đồng quan điểm với giới quân sự Việt Nam đang trấn giữ khu vực Tây Nguyên, về mục tiêu của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro.

Vài lời giới thiệu

Năm 1975 đánh dấu sự sụp đổ của chế độ Saigon, một số chuyên gia đã từng theo dõi những biến cố đã xảy ra ở vùng Tây Nguyên vẫn tiếp tục nói đến Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro, với nội dung không xác thực. Họ chỉ bày tỏ tầm nhìn cục bộ về mặt trận này. Họ thường cắt xén và định giá lại lịch sử Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro theo quan điểm riêng tư của họ.

Vì thiếu tư liệu, các nhà nghiên cứu chỉ dừng lại ở đó từ mấy năm qua và không có hy vọng để viết lại một cách trung thực lịch sử Fulro. Cũng nhờ sự đồng ý của một số thành viên Fulro nắm giữ kho tàng tài liệu của mặt trận này – tài liệu hàm chứa một phần lịch sử của Mặt Trận Giải Phóng Champa, còn phần khác liên quan đến Bajaraka –, Po Dharma, Pgs. của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, có cơ hội tham khảo và sử dụng tài liệu này.

Chính những tài liệu đó đã giúp Po Dharma phát họa lại một bức tranh rất là trung thực những biến cố đã đánh dấu sự hiện hữu của Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng (Front de Libération des Montagnards-F.L.M), Bajaraka và Mặt Trận Giải Phóng Champa (sau năm 1965 đổi thành Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa). Cũng nhờ tài liệu này, người ta mới hiểu được Fulro không phải là một tổ chức vũ trang duy nhất mà là một “liên minh” của các phong trào đấu tranh do người Khmer tạo ra. Trái ngược hoàn toàn với quan điểm của các phóng viên báo chí và nhà nghiên cứu hăng tin tưởng, mặt trận Fulro giữa các năm 1964 và 1975, không ám chỉ một mặt trận đồng nhất của dân tộc Tây Nguyên, mà là 3 tổ chức vũ trang khác nhau không hình thành cùng một lúc, cũng chẳng cùng một nơi, không có khuynh hướng và dự án chính trị giống nhau.

Lúc ban đầu, các báo chí địa phương và quốc tế thường sử dụng tên gọi Fulro để ám chỉ phong trào đấu tranh của dân tộc «Thượng» từ 1964 đến 1968 nhằm bảo vệ nhân phẩm và

Vài lời giới thiệu

quyền được sống của họ. Đối với chính quyền Nam Vang, tổ chức Fulro, kể từ năm 1969, chỉ là mặt trận vũ trang có tổng hành dinh đặt trên lãnh Kampuchea và phong trào này không có ảnh hưởng lớn nữa trên các tổ chức đấu tranh của dân tộc Tây Nguyên, bởi vì nó chỉ là một đơn vị quân đội tập trung đa số những người Chăm hồi giáo Kampuchea thân cận với thống tướng Lon Nol, tổng thống Cộng Hòa Khơ Me. Ngược lại, một số người khác cho rằng, Fulro là ký hiệu để ám chỉ một vài nhóm du kích Thượng và Chăm liên kết với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, đặt căn cứ ở Tây Nguyên vào những năm 1973-1975.

Sự công bố tài liệu chính thức của Fulro mà Po Dharma đã thực hiện đã góp phần bổ xung vào những khiếm khuyết khác trong lịch sử của tổ chức này. Chính nhờ tác phẩm này mà độc giả biết được không phải Fulro với danh nghĩa là ba tổ chức “liên minh vũ trang” (Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Krom, Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Nord, Mặt Trận Giải Phóng Champa) đã từng vùng dậy chống chính quyền Sài Gòn giữa các năm 1964 và 1968 trên Tây Nguyên, mà là Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro, một lực lượng vũ trang hùng mạnh hơn hết đã từng gây bao sóng gió với chính quyền Sài Gòn. Sự lầm lẫn này đã xảy ra trong dư luận ở Việt Nam cũng như trên thế giới chỉ là một chiến lược mà chính quyền Sài Gòn và Đại tá Lès Kosem, sáng lập viên Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro, đã thổi phồng ra mà thôi. Tác phẩm của Po Dharma còn cho biết dân tộc Tây Nguyên là một tập thể có vai trò quan trọng nhất trong mọi tổ chức đấu tranh chống lại chính phủ Sài Gòn suốt các năm 1964-1968. Một yếu tố khác mà chưa một người nào đề cập tới, đó là trong suốt 5 năm hoạt động của Fulro, các thành viên gốc dân tộc Tây Nguyên thường bày tỏ quan điểm đối ngược với mục tiêu của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro do Lès Kosem sáng lập. Họ cho rằng, Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro chỉ buộc họ phục vụ cho mục tiêu không liên hệ

Vài lời giới thiệu

đến quyền lợi của họ, vì Champa là vương quốc của người Chăm mà thôi. Sự bất đồng quan điểm này đã nảy sinh bao sự khủng hoảng giữa thành viên Fulro gốc dân tộc Tây Nguyên và đại Tá Les Kosem, để rồi dẫn đến sự suy yếu của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro kéo theo sự trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn của nhiều thành viên Fulro gốc Tây Nguyên vào năm 1969.

Tác phẩm của Po Dharma cũng tiết lộ thêm những người lãnh đạo Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro và những viên chức của chính quyền Sài Gòn thường xuyên tiếp xúc với nhau trong nhiều trường hợp rất là đặc biệt, trong lúc đó, trên bình diện ngoại giao chính thức, hai bên vẫn là hai thế lực thù địch không đội trời chung. Quyển sách còn cho thấy, những mặt trận vũ trang này có những quan hệ rất phức tạp với quân đội Mỹ và C.I.A., mà chính phủ Hoa Kỳ đã gửi đến Tây Nguyên để bảo vệ miền trung Việt Nam chống lại quân xâm lược từ miền bắc. Đó là sự kiện quan trọng mà các nhà quan sát chẳng bao giờ đề cập đến vào thời kỳ đó. Thêm vào đó, quân đội Mỹ và C.I.A. hiện diện trên Tây Nguyên, thường phân tích tình hình Fulro dưới góc độ của chiến lược quân sự hoàn, toàn khác hẳn với độ nhìn của chính quyền Sài Gòn. Chính vì thế, quân đội Mỹ và C.I.A. không do dự nhượng bộ để làm thỏa mãn những yêu sách của tổ chức Fulro ở Tây Nguyên, một tập thể chiến đấu chống lại Việt Nam Cộng Hòa mà các lực lượng Mỹ có nghĩa vụ phải bảo vệ. Những trang sách này còn tiết lộ, bên cạnh những lực lượng vũ trang nằm trong mặt khu của Fulro ở Kampuchea, tổ chức Bajaraka cũng như Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro còn có thêm một “lực lượng bí mật” nằm ngay trong tổ chức quân đội của Việt Nam Cộng Hòa. Chính vì thế, một số người Tây Nguyên phục vụ trong những đơn vị “Bảo Vệ Sơn Thôn” do C.I.A. thành lập vào năm 1961, hay “Lực lượng Đặc Biệt” (Special Forces) do Lực Lượng Mũ Xanh (Green Berets) huấn luyện, trang bị và bồi dưỡng, thường là những

Vài lời giới thiệu

thành viên bí mật của Fulro. Một khi là thành viên “bí mật” của tổ chức, đương nhiên họ phải tuân hành những chỉ thị mà Fulro đã đưa ra. Mặc dù có sự phản đối nhiều lần từ các tướng lãnh Việt Nam, quân đội Mỹ đã thành công che dấu trước thông tin đại chúng và quốc tế, sự hiện diện của “lực lượng bí mật” này trong tổ chức quận đội của Việt Nam Cộng Hòa.

Lần đầu tiên, tác phẩm Po Dharma cho biết vai trò của tổ chức Fulro tại Campuchia, đúng hơn là tại Phnom Penh, giữa 1969 và 1972, nhất là biến cố chính trị vào tháng 3 năm 1970 đã dẫn đến sự sụp đổ chính quyền Norodom Sihanouk và chiến tranh bùng nổ trên đất nước Khơ Me. Cuối cùng tác phẩm này cũng mang đến cho độc giả nhiều thông tin về một số tổ chức du kích lẻ loi, từ tháng 12 năm 1973 đến tháng 4 năm 1975, tìm cách phát động phong trào chống chính quyền Sài Gòn, dù phong trào này chỉ diễn ra trong một thời ngắn ngủi tại địa phương, nhưng đã làm sống lại huyền thoại Fulro, trước khi tổ chức này này sụp đổ hoàn toàn vào năm 1975.

Đứng trên bình diện lịch sử của biến cố mà phân tích, tác phẩm này đã trả lời được một số yếu tố chính trị lu mờ mà nhiều độc giả đã thắc mắc cho đến hôm nay và cũng đặt ra bao câu hỏi khúc mắc khác mà chưa ai nghĩ đến. Câu hỏi thứ nhất, thế nào là mục tiêu thật sự của đại tá Lès Kosem vào những năm 1960 và 1975 nhằm thành lập nhiều mặt trận và sử dụng rất là khôn khéo những mặt trận này để chống lại quân đội Mỹ, chiến đấu với chính quyền Sài Gòn và cả vương quốc Khơ Me. Là một nhân vật có tư tưởng chính trị rất là huyền bí, chứa đựng bao vấn đề mâu thuẫn và bí mật, thành ra người ta đã gặp phải bao khó khăn khi muốn biết Les Kosem là ai? Một câu hỏi khác được đặt ra, tại sao vào tháng sáu năm 1964, mặt trận Bajaraka là một tổ chức quan trọng của dân tộc Tây Nguyên lại chấp nhận đột ngột hủy bỏ danh xưng Bajaraka này để sáp nhập vào Mặt trận giải phóng Champa, một tổ chức vào thời đó chỉ là một bóng hình chính trị. Sau bốn mươi năm đấu tranh đã qua và

Vài lời giới thiệu

sau ngày sụp đổ toàn bộ tổ chức Fulro cho đến hôm nay, không ai có thể trả lời được tại sao Bajaraka phải liên kết với Mặt trận giải phóng Champa. Cuối cùng, người ta cũng không biết nhiều về sự thật của Y Bham Enuôl, một nhân vật rất là bí ẩn, một vị lãnh đạo trọng yếu trong cuộc kháng chiến của dân tộc Tây Nguyên. Người ta cũng không tìm ra nguyên nhân tại sao mục tiêu đấu tranh, cách cư xử và thái độ của Y Bham Enuôl đối với chính phủ Sài Gòn và Lès Kosem thường hay thay đổi giữa năm 1958 và 1975. Sau cùng cái chết của Y Bham Enuôl vào năm 1975 dưới bàn tay của Khơ Me Đỏ và sự tiêu hủy các giấy tờ của ông ta càng không giúp chúng ta một tia sáng nào để giải thích những nghi vấn này.

Tác phẩm của Po Dharma đã mang lại cho độc giả một kiến thức thêm về Fulro, đồng thời trả lời một số câu hỏi đã đặt ra về mặt trận này, một tổ chức đã làm chấn động tình hình chính trị ở Việt Nam trong đệ nhị chiến tranh ở Đông Dương. Mặc dù Po Dharma đã đem lại một số ánh sáng về tổ chức này, mặt trận Fulro vẫn còn để lại cho hậu thế nhiều vấn đề bí ẩn khác đây khó khăn và phức tạp.

Lời mở đầu

Những ai đã từng sinh sống ở Việt Nam hay ở Kampuchea vào thời buổi chiến tranh Đông Dương lần thứ hai hay những ai đã từng theo dõi cuộc chiến này từ Châu Âu hoặc Châu Mỹ đều nghe nói đến Fulro. Nhưng rất ít người am hiểu thế nào là nguồn gốc của Fulro mà báo chí chí thường giới thiệu như là một lực lượng đấu tranh vũ trang đầu tiên chống Việt Nam đã bùng nổ ở cao nguyên miền trung Việt Nam, trong khi đó có hai phong trào khác cũng chống chế độ Sài Gòn đã xảy ra trước khi Fulro ra đời, đó là Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng giữa năm 1955 và 1958 và mặt trận Bajaraka từ năm 1958 đến 1964.

Ai cũng thừa nhận rằng, các nhà nghiên cứu biết rất nhiều về tình hình chính trị ở bán đảo Đông Dương, nhưng hầu hết họ không có tài liệu Fulro để đem lại ánh sáng cho tổ chức này. Chính vì thế, đã hơn 25 năm trôi qua sau cuộc chiến đã chấm dứt ở Đông Dương, người ta vẫn không biết được ai là người đang lưu trữ những hồ sơ này.

Sự quyết định giao tài liệu Fulro cho một nhà nghiên cứu triển khai kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2001 phát xuất từ cuộc biểu tình lớn lao của dân tộc Tây Nguyên ở miền trung Việt Nam, biến cố mà chính phủ Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa đã ra lệnh đàn áp thẳng tay và cho rằng có sự nhúng tay của thành viên Fulro từ nước ngoài. Chính vì thế, những thành viên Fulro còn sống sót, dù không đồng ý cho lắm, đã phản đối sự tố cáo của nhà nước Việt Nam mà họ cho là xúc phạm đến danh dự của họ. Đối với họ, Fulro đã biến mất vĩnh viễn từ khi Khơ

Lời mở đầu

Me Đỏ xâm chiếm Phnom Penh vào tháng 4 năm 1975. Nếu họ quyết định phổ biến tư liệu chính thức của phong trào này, là vì họ muốn chứng minh rằng lực lượng Fulro đã bị tiêu diệt gần một phần tư thế kỷ rồi. Sự kiện này cũng nhằm nói lên không ai có khả năng xây dựng lại mặt trận Fulro từ nước ngoài hay ở Việt Nam, một quốc gia đặt trong sự kiểm soát của tổ chức công an rất là tinh vi và gây gắt nhất.

Vì lòng tin đối với nhà nghiên cứu chuyên về dân tộc thuộc ngôn ngữ các nước Đa Đảo (autronésien), một số thành viên cũ của Fulro chấp nhận giao cho chúng tôi tư liệu Fulro để tra cứu và khai thác. Sau những cuộc thảo luận lâu dài với những người nắm giữ tài liệu này hiện đang sinh sống tại nước Mỹ, Kampuchea và Mã Lai, họ chấp nhận cho chúng tôi dùng tài liệu trên để viết lại một đề tài dưới mô hình «tiến trình những biến cố chính trị và quân sự của mặt trận Fulro» chứ không phải «lịch sử của mặt trận Fulro» theo nghĩa rộng của nó. Dàn bài như vậy cũng là phương cách nhằm né tránh một số dị ứng có thể xảy ra vì đối tượng chính trị khác nhau hay khai trừ đi ý niệm cho rằng chúng tôi viết bài này chỉ có mưu đồ nhằm bảo vệ quan điểm của tổ chức Fulro. Để bù lại sự dung hòa ấy, những người giao tư liệu yêu cầu chúng tôi phải giữ bí mật về xuất xứ và địa chỉ của họ. Sau cùng, họ đòi hỏi chúng tôi phải tham khảo tài liệu tại chỗ, được quyền ghi chép nhưng không được chụp ảnh những bản văn nguyên gốc. Họ cũng lưu ý rằng là họ sẽ không đưa ra một tư liệu nào liên quan đến nguồn tài chánh hay kế toán của mặt trận Fulro.

Sau sự thỏa thuận đó vào cuối năm 2001, chúng tôi bắt đầu kiểm tra những tài liệu trên, có tổng cộng hơn 8.000 trang giấy chồng chất trong tủ sách, trong các thùng bằng giấy hay bằng nhựa có hình dáng và kích thước khác nhau. Những tư liệu này không có thư mục và mang mã số. Một số hồ sơ củ rích, có lúc không còn nét chữ nữa, nhất là những hồ sơ từ tổng hành dinh của Fulro ở mặt khu Mondulkiri (Kampuchea). Những hồ

Lời mở đầu

sơ đề cập đến Mặt Trận Giải Phóng Champa hay Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa cả hai đều được xếp dưới ký hiệu Fulro. Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo thêm một số hồ sơ khác liên quan đến Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng và Bajaraka, hai phong trào ra đời trước Fulro trên sân khấu chính trị ở Đông Dương.

Tất cả những tài liệu ấy được ghi trên đủ loại giấy: giấy học sinh, giấy thường, giấy đánh máy. Phần nhiều là hồ sơ đánh máy, một số khác được viết bằng tay. Hầu hết các văn bản đều viết bằng tiếng Pháp hay Êđê, nhưng có một vài văn bản lại viết bằng tiếng Việt, tiếng Miên, tiếng Anh và tiếng Chăm.

Những hồ sơ mang mã số Fulro tập trung những tư liệu của Mặt Trận Giải Phóng Champa hay Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa, chia làm ba loại:

– Hồ sơ hành chánh đề cập đến những công việc thông thường, như vấn đề tiếp tế, bổ nhiệm, thuyên chuyển, thăng cấp, tranh chấp, v. v.

– Hồ sơ chính trị, liên quan đến sự liên hệ giữa Fulro và chính quyền Việt Nam cũng như những nhà ngoại giao hiện tại chức ở Sài Gòn và Phnom-Pênh. Trong tập hồ sơ này còn có những bản thảo qui chế chính trị ở Tây Nguyên mà Hội Đồng Tối Cao Fulro đã phát họa trong các hội nghị, những hiệp định hay quyết định đã được chấp nhận trong những cuộc thương thuyết với chính quyền Việt Nam.

– Hồ sơ quân sự tập trung những công văn công tác, bản kế hoạch tấn công, bản đồ điều tra địa thế, bản báo cáo tình hình quân sự hay hoạt động tình báo Fulro, v. v.

Sau khi tham khảo xong tài liệu này, chúng tôi bắt đầu sắp xếp nó lại theo thời gian bằng cách ghi mã số cho mỗi tập hồ sơ với chủ đề mang tên là “Tài liệu Fulro” sau đó là tháng và năm ghi trên hồ sơ. Như thế, khi người ta tìm thấy trong ghi chú: “Tài liệu Fulro: 9-64”, có nghĩa là hồ sơ của Fulro đề tháng 9 năm 1964.

Lời mở đầu

Trong số tư liệu này, người ta nhận thấy có một số hồ không được cập nhật hóa, lý do là những hồ sơ đó không được lưu giữ tại một nơi duy nhất mà là nằm trong tay của một số thành viên của tổ chức này. Tiếc rằng, một số thành viên đã chết vì lý do gì đó mà không kịp chuyển giao hồ sơ này lại cho trung ương và một số tài liệu khác thường bị các gia đình của thành viên này tiêu hủy vì sợ liên lụy. Những người khác di cư sang nước ngoài sau năm 1975 trước chính sách diệt chủng tộc của Khờ Me Đỏ, cũng không mang theo những đồ vật gì liên quan đến tổ chức Fulro. Một số người đã mang tài liệu Fulro ra nước ngoài và sau đó trở lại Kampuchea, thú nhận rằng họ cũng đánh mất nhiều tư liệu của họ trong những ngày tản mác ở hải ngoại.

Tài liệu Fulro là một kho tàng quý giá đã giúp độc giả có thể hiểu được thế nào là nguồn gốc của Fulro, những hoạt chính trị và quân sự cũng như lai lịch các nhà người lãnh đạo của tổ chức này. Đó là những sự kiện mà chưa ai khám phá cho đến hôm nay.

Để đưa công trình biên soạn này thành một tác phẩm khoa học, trước hết chúng tôi phải đối chiếu những tài liệu Fulro với các hồ sơ của quân đội Mỹ và chính quyền Việt Nam đã đề cập đến phong trào này trong những năm 1964 và 1969. Trên bình diện chính trị, những hồ sơ do quân đội Mỹ và chính quyền Sài Gòn thường có những quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, các tư liệu của Mỹ đáng được tin cậy hơn so với tư liệu cung cấp bởi chính quyền Sài Gòn. Mặt khác, tư liệu của quân đội Mỹ, nhất là hồ sơ của cục tình báo, có nội dung rất gần gũi với tư liệu Fulro mà chúng tôi đã tham khảo. Nếu một số biến cố không được đề cập trong tư liệu Fulro, chúng tôi cũng nêu ra những biến cố này dựa vào chi tiết do tài liệu Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa cung cấp. Đó cũng là phương pháp nhằm đảm bảo sự liên tục của biến cố đã xảy ra, bổ sung thêm những phần thiếu sót hay những khúc mắc chưa được đề cập trong các tư liệu này, hoặc

Lời mở đầu

giải quyết những yếu tố mâu thuẫn giữa tài liệu Fulro và những hồ sơ của quân đội Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa. Thử lấy một ví dụ điển hình, sự gặp gỡ vào ngày 6 tháng 6 năm 1965 giữa W. Beachner, cố vấn chính trị của sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn và đại diện Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro ở Ban Đôn không được ghi trong tài liệu của Fulro, nhưng chúng tôi cũng đưa ra trong tác phẩm này, vì Gerald C. Hickey của cơ quan Rand Corp. có đề cập trong tác phẩm của ông ta (1982b: 133). Một ví dụ khác, sự trở về hợp tác với chính phủ Sài Gòn vào tháng 10 năm 1966 của một số thành viên Fulro mà tư liệu Fulro không nói đến. Ngược lại vấn đề này đã được trình bày rất chi tiết trong tư liệu Việt Nam (xem, Nguyễn Trắc Dĩ 1969a: 41,45) và hồ sơ quân đội Mỹ (xem, Gerald C. Hickey, 1982b: 155), nhưng con số của những người về hợp tác hoàn toàn trái ngược nhau.

Tài liệu Fulro tập trung rất nhiều đề tài, lắm lúc nhiều sự kiện không quan trọng, như chỉ thị cho các đơn vị quân sự để thực hiện những công việc thông thường hay việc tiếp tế cho các cơ quan quân sự v.v... Vì thế, chúng tôi chỉ quan tâm đến các biến cố quân sự, những mâu thuẫn chính trị, sự bất đồng quan điểm trong nội bộ của mặt trận này, v.v., hay nói một cách khác, những hồ sơ có liên quan đến những biến cố đã xảy ra trong những năm 1955 và 1975 có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình ở miền trung và miền nam của bán đảo Đông Dương.

Vì tài liệu Fulro thường mang nhiều dữ kiện không chính xác với lối hành văn hết sức rườm rà, chúng tôi phải xem xét lại toàn bộ nội dung của tài liệu này hầu sắp xếp lại để đưa mỗi biến cố vào đúng vị trí không gian và thời gian của nó. Một thí dụ điển hình, chúng tôi chỉ nói sơ qua đến biến cố ở Buôn Brieng vào tháng 7 năm 1965, vì đó chỉ là sự tấn công của Fulro chống lại trại lính Việt Nam Cộng Hoà có sự hiện diện của một phái bộ quân sự Sài Gòn. Ngược lại, chúng tôi lại dành nhiều trang giấy để bàn về sự tấn công của Fulro ở Buôn Sarpa vào

Lời mở đầu

tháng 9 năm 1964. Vì sự vùng dậy này đã trở thành một vấn đề nóng bỏng trên mặt báo chí thời đó, một vấn đề mà quốc tế rất quan tâm vì nhiều sĩ quan Mỹ bị Fulro bắt làm tù binh và nhất là cuộc vùng dậy này đã đưa tình hình chính trị và quân sự ở Tây Nguyên đi vào một khúc quanh mới.

Lịch trình biến cố của Fulro là nội dung chính của tác phẩm này. Thêm vào đó, chúng tôi bổ sung thêm một chương phụ lục, gồm hai bài viết. Bài thứ nhất là bài khảo luận của chúng tôi (có phần sửa chữa) đã được công bố trong ngày hội thảo ở Moscou (Nga Sô) vào năm 1993 đăng trong một quyển sách đã bán hết trên thị trường. Bài thứ hai là bài khảo luận của Ts. Mak Phoeun, giám đốc nghiên cứu ở Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp (CNRS-Paris). Bản phụ lục này rất cần thiết vì hai bài viết đó cho phép chúng ta đưa lịch sử Fulro đúng trong vị trí của nó mà nhiều người đã hiểu sai lệch cho đến hôm nay. Cả hai bài viết đều nói lên rằng những cuộc chiến mà Fulro đã gây ra ở Tây Nguyên giữa những năm 1955 và 1975 không phải là đặc thù của thời đại hôm nay, nhưng là một truyền thống đấu tranh của dân tộc Champa đã bắt nguồn trong nhiều thế kỷ đã qua.

TÌNH HÌNH NĂM 1955-1963

Biến cố 1954-1955

Ngày 21 tháng 7 năm 1954 là ngày kí kết hiệp định Geneve. Dưới sự áp lực của Mỹ, hoàng đế Bảo Đại đã đề cử ngày 17 tháng 6 năm 1954 một vị quan lại thiên chúa giáo rất bảo thủ là Ngô Đình Diệm làm thủ tướng. Ngày 11 tháng 3 năm 1955, vị thủ tướng mới này quyết định sát nhập lãnh thổ mà người Pháp gọi là Pays Montagnard du Sud Indochinois-PMSI (Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương) vào đơn vị hành chính Việt Nam và bãi bỏ qui chế tự trị của Hoàng Triều Cương Thổ được thành lập vào tháng 4 năm 1950 qua nghị quyết của hoàng đế Bảo Đại¹. Cùng vào thời điểm ấy, ngày 11 tháng 3 năm 1955, Ngô Đình Diệm bổ nhiệm Tôn Thất Hội làm đại biểu chính phủ đặc trách vấn đề sắc dân Thượng có trụ sở tại Đà Lạt và ở mỗi tỉnh vừa thành lập ở Tây Nguyên một ông tỉnh trưởng gốc người Kinh².

Trong thời gian đó, khoảng 5.000 dân thiểu số miền trung và miền nam Việt Nam gia nhập phong trào Việt Minh được lệnh di chuyển về miền bắc Việt Nam. Trong nhóm 5.000 người này, có 400 thành viên được tuyển chọn vào trường dân tộc thiểu số, được xem như là trung tâm chính trị và tư tưởng đầu tiên dành riêng cho những người Thượng và Chăm tập kết. Trường này đặt tại làng Gia Lâm gần Hà Nội mà Chủ tịch Hồ

¹ Qui chế áp dụng cho các “tỉnh và lãnh thổ” của Xứ Thượng Miền Bắc Đông Dương (viết tắt là PMNI) và Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương (PMSI) được kê trong điều 1 của quyết định.

² Gerald C. Hickey, 1982b: 8; N. C. La Brie, 1971: 60.

Tình hình năm 1955-1963

Chí Minh và các lãnh tụ khác của cộng sản đã từng viếng thăm³.

Cũng vào tháng 3 năm 1955 ấy, Hà Nội còn thành lập một trường sư phạm cho các dân tộc thiểu số miền nam và miền bắc. Một học sinh Êđê rất xuất sắc của trường này là Y Ngông Nie Kdam, thành viên của Việt Minh từ năm 1945, được gửi đến Liên Xô để học ngành y khoa. Khi trở lại Việt Nam, ông ta được đề cử vào những chức vụ quan trọng của trung ương đảng cộng sản Việt Nam. Vào năm 1975, ông ta trở thành chủ tịch hội đồng dân tộc tại quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam⁴.

Đầu năm 1955, Ngô Đình Diệm biến Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương thành một thuộc địa Việt Nam⁵. Vì không còn đất đai để canh tác, bị xua đuổi vào vùng đất đai cằn cỗi và nhất là bị người Việt định cư và binh lính Sài Gòn ngược đãi, nhiều người Tây Nguyên phải đứng ra lên tiếng từ chối sự cưỡng đoạt và hiếp đáp này. Nhưng kết quả là họ phải vào tù vì tội phản động. Trước cuộc sống bị đe dọa, một số trí thức người Tây Nguyên quyết định thành lập một phong trào đấu tranh bí mật đặt dưới quyền điều hành của Ythih Eban, nhân vật gốc dân tộc Rađê sinh năm 1932 và tốt nghiệp trung học Sabatier tại Ban Mê thuật. Trong cuộc họp đầu tiên do phong trào này tổ chức tại Ban Mê thuật vào năm 1955, những người tham dự quyết định thành lập một tổ chức mang tên là Front de Libération des Montagnards-FLM (Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng) và bổ nhiệm ông Y Mot Niê Kdam (Rađê) làm chủ tịch và Y Thih Eban (Rađê), tổng thư ký⁶.

³ Michigan State...1957: 22; Gerald C. Hickey, 1982b: 14-15.

⁴ Department of State (1) 1981, 29; Gerald C. Hickey, 1982b: 15; Larry Jackson, 1969: 320; Bernard Fall, 1963: 152.

⁵ N. C. La Brie, 1971: 60.

⁶ Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 50. Xem thêm N. C. La Brie, 1971: 61-62 và U.S. Army, 1967: 322.

Tình hình năm 1955-1963

Vào tháng 3 năm 1955, Y Thih Eban đệ trình lên Ngô Đình Diệm một bức thư yêu cầu chính quyền Sài Gòn phải trả lời ba yêu sách của dân tộc Tây Nguyên ở miền trung Việt nam:

1. Tôn trọng phong tục tập quán tín ngưỡng của những dân tộc thiểu số.
2. Áp dụng chính sách bình đẳng giữa dân tộc thiểu số và người Kinh.
3. Trả lại cho người Tây Nguyên những đất đai đã bị chính quyền Sài Gòn tịch thu hay bị các dân định cư người Việt chiếm đoạt bất hợp pháp.

Theo ông G. C. Hickey, nhân viên của Rand Corp., bức thư này còn có nêu ra sự hiện diện ở Tây Nguyên của nhiều người bắc Việt di cư, có thể là những nhân viên tình báo cộng sản được Hà Nội gửi đến⁷.

Vào tháng 6 năm 1955, trong chuyến viếng thăm chính thức Ban Mê Thuột, Ngô Đình Diệm yêu cầu những người Tây Nguyên phải tổ chức một buổi lễ tuyên thệ trung thành với tổng thống Việt Nam cũng như trung thành với chế độ Sài Gòn. Một vài trí thức người Tây Nguyên từ chối tham gia cho rằng nghi lễ này không phù hợp với truyền thống của họ và nhất là họ không chấp nhận phục tùng những người Việt xâm lăng. Thế là Ngô Đình Diệm chỉ thị lập danh sách những người Tây Nguyên ngoan cố này⁸.

Cùng trong thời gian đó, tháng 5 năm 1955, Ngô Đình Diệm cho dời Hành Chánh Quốc Gia Học Viện ở Đà Lạt về Sài Gòn và ba người Tây Nguyên được chấp nhận cho vào viện này là là YDhat Niê Kdam (Radê), Y Chôn MlôDuôn Du (Radê) và

⁷ Gerald C. Hickey, 1982b: 51.

⁸ Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 13; Gerald C. Hickey, 1982b: 10.

Tình hình năm 1955-1963

Re Com Rok (Jarai). Đây cũng là ba nhân vật sẽ nắm nhiều chức vụ quan trọng trong nguồn máy hành chánh Sài Gòn và sau này giữ vai trò chủ chốt trong phong trào Bajaraka⁹

Chính sách đồng hóa dân tộc thiểu số

Vào tháng 8 năm 1955, Ngô Đình Diệm biến qui chế trường trung học Sabatier của Pháp ở Ban Mê Thuột thành trường phổ thông chỉ dạy tiếng Việt. Vì không thông thạo tiếng Việt, đa số học sinh người Tây Nguyên phải bỏ học; một số người khác may mắn hơn, như K'Briuh (Sréc) Y Bun Sur (Mnong Rlam), Y Gum Buôn Ya (Rađê), Nay Bah (Jarai)¹⁰, được chuyển vào trường trung học Pháp (Lycée Yersin) tại Dalat.

Ngày 23 tháng 10 năm 1955, trong cuộc trưng cầu dân ý nhằm truất phế hoàng đế Bảo Đại để thành lập một thể chế cộng hoà, Ngô Đình Diệm tuyên bố rằng kể từ hôm nay, dân tộc «Thượng» và Chăm phải là công dân pháp lý của nước Việt Nam Cộng Hòa và họ phải tuân theo luật pháp của quốc gia này¹¹. Đồng thời, Ngô Đình Diệm cũng quyết định:

1. Bãi bỏ quyền sở hữu chủ đất đai dành cho các người dân tộc thiểu số.
2. Hủy bỏ những tòa án phong tục của dân tộc thiểu số.
- 3- Cấm giảng dạy những tiếng dân tộc thiểu số trong các trường tiểu học.
4. Đóng cửa Nha Giáo Dục Miền Thượng.
5. Chuyển hàng vạn người Kinh lên cao nguyên để khai thác đất đai.

⁹ Nghiêm Dang, 1959: 63-65; Gerald C. Hickey, 1982b: 9.

¹⁰ Gerald C. Hickey, 1982b: 10.

¹¹ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 13; Gerald C. Hickey, 1982b: 10.

Tình hình năm 1955-1963

Song song với quyết định này, Ngô Đình Diệm áp dụng gặt gao chính sách đồng hóa các dân tộc thiểu số, buộc họ phải hấp thụ dần dần nền văn hóa Việt Nam¹².

Sự ra đời của Mặt Trận Giải Phóng Khơ Me

Vì không chấp nhận chính sách đồng hóa do chính quyền Sài Gòn đưa ra kể từ 1955, những người Kampuchea sống trên lãnh thổ củ của họ ở khu vực đồng bằng sông Mékong bị Việt Nam xâm chiếm cũng thành lập một phong trào tự vệ chống lại sự bành trướng của chính sách Ngô Đình Diệm mà họ gọi là *Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Khơ Me* (Front de Libération du Peuple Khmer). Mặt trận này đặt dưới quyền điều khiển của một nhà tu Samouk Seng¹³.

Biến cố 1956-1957

Ngày 23 tháng 1 năm 1956, Ngô Đình Diệm quyết định thành lập Quốc Hội Lập Hiến có trách nhiệm biên soạn hiến pháp cho chính thể cộng hòa miền nam Việt Nam. Quốc Hội gồm 123 dân biểu trong đó 4 ghế dành cho sắc dân Tàyay Nguyên gốc Bana, Radê, Jarai, Sré, Churu và một ghế cho người Chăm. Ngày 26-10-1956, Ngô Đình Diệm công bố sự ra đời của hiến pháp mới này¹⁴

Âm mưu ám sát Ngô Đình Diệm

Ngày 16 tháng 2 năm 1957, chính phủ Hoa Kỳ cùng ký tên với chính quyền Sài Gòn để thành lập một chương trình phát

¹² Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 13-14.

¹³ Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 61.

¹⁴ National Institute...1957-1958: 273; Gerald C. Hickey, 1982b: 5.

Tình hình năm 1955-1963

triển nông nghiệp dành cho người Tây Nguyên kèm theo một ngân khoản là 1.053.070 USD cho niên khóa 1957. Tiếc rằng, sắc dân Tây Nguyên không bao giờ nhận được tiền tài trợ ấy¹⁵.

Ngày 22 tháng 2 năm 1957, tại Ban Mê Thuột, trong dịp lễ khánh thành mở đầu cho chương trình phát triển nông nghiệp trên, Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng ra lệnh ám sát Ngô Đình Diệm. Một thành viên của mặt trận này chĩa súng vào Ngô Đình Diệm nhưng bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp là người bị trúng đạn trong vụ ám sát trên¹⁶.

Sau biến cố này, Ngô Đình Diệm đưa ra một loạt biện pháp chống lại Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng và chỉ thị phải truy nã cho bằng được những tội phạm mưu sát. Y Thih Eban và ban lãnh đạo mặt trận phải lui vào bí mật để tổ chức lại phong trào bằng cách dựa vào một số thân hào Tây Nguyên có uy tín như Y Bam E nuôl, Nay Luett, v.v.¹⁷.

Ngày 3 tháng 7 năm 1957, Ngô Đình Diệm quyết định thành lập Nha Công Tác Xã Hội Miền Thượng có văn phòng đặt tại Đà Lạt và cử trung tá Huỳnh Công Tịnh làm Giám đốc. Sự bổ nhiệm người Kinh đứng đầu cơ quan này đã gây thêm bao bất mãn trong dư luận của dân tộc thiểu số và dẫn đến sự ngờ vực càng to lớn đối với chính sách của chính quyền Sài Gòn¹⁸.

Năm 1957, Ngô Đình Diệm đưa ra một dự luật nhằm khai thác tất cả đất đai vùng Cao Nguyên¹⁹. Để thực hiện mục tiêu ấy, ông ta đưa hàng trăm nghìn người Kinh – cũng như vào

¹⁵ Foreign Operation...1967; Gerald C. Hickey, 1982b: 20.

¹⁶ Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 21.

¹⁷ Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 21.

¹⁸ Gerald C. Hickey, 1982b: 12.

¹⁹ Vào thời kỳ đó, nông nghiệp của sắc dân Tây Nguyên chỉ là làm rẫy. Theo tập quán cổ truyền, một khi khai thác nhiều lần, người ta bỏ hoang rẫy này trong một vài năm để phục hồi lại màu mỡ. Chính quyền Sài Gòn chiếm hầu hết những diện tích rẫy bỏ hoang này (Jean Boulbet, 1966: 77-98; P-B Lafont, 1967: 37-50).

Tình hình năm 1955-1963

năm 1955 – lên Tây Nguyên để xâm chiếm những đất đai mà dân tộc bản địa đã khai phá. Sự hiện diện hàng loạt người Kinh trên Tây Nguyên đặt dưới sự bảo vệ của quân đội Sài Gòn đã làm thay đổi hoàn toàn bản đồ dân cư ở khu vực này. Hơn nữa, những người Kinh giàu có tung ra tiền bạc khai thác các đồn điền rộng lớn để rồi cộng đồng dân tộc Tây Nguyên chỉ còn cách duy nhất là làm thuê cho họ trên những miếng đất trước đây thuộc về sở hữu của những dân thiểu số này. Từ hoàn cảnh kinh tế mới đó đã phát sinh những cuộc xung đột không lối thoát giữa người Kinh vừa đến định cư và dân bản địa²⁰ và càng khuyếch đại thêm sự căm thù trong lòng dân tộc Tây Nguyên.

Biến cố của năm 1958

Sự canh tân của Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng

Đầu năm 1958 Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng tổ chức bí mật một cuộc họp tại Buôn Mê Thuột để bầu một ban lãnh đạo mới. Y Bham Enuôl (Rađê) được cử làm chủ tịch, Y San Niê (Rađê) phó chủ tịch, Y Thih Eban (Rađê) tổng thư ký, Siu Sip (Jarai) tài chánh, Y Ju Eban (rađê) phụ trách liên lạc, trung úy Y Bhan Kpơr (Rađê) đại diện cho quân đội, thiếu tá Tou Prong Ya Ba (Churu) làm tham mưu quân đội, Paul Nưr (Bana) đại diện tỉnh Kontum, Ybih Aleo, đại diện tỉnh Darlac, Tounch Yơh và Tounch Phan (Churu) đại diện tỉnh Lâm Đồng.

Sau ngày hình thành, ban lãnh đạo mới, phần đông là dân tộc Rađê, đưa ra chiến lược nhằm tập trung tất cả dân tộc Tây Nguyên hầu xây dựng một kế hoạch đấu tranh chung trong tương lai²¹.

²⁰ Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 14.

²¹ Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 54.

Tình hình năm 1955-1963

Ngày 1-5-1958, Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng tổ chức một phiên họp bí mật nữa tại Buôn Mê Thuột, đề nghị thay đổi danh xưng của mặt trận này thành *Bajarakaka*, tức là chữ viết tắt của bốn dân tộc Tây Nguyên (Bana + Jarai + Radê + Kaho). Trong dịp, mặt trận *Bajarakaka* đưa ra một nhận định chung về tình hình Tây Nguyên gồm 8 điểm sau đây:

1. Về mặt kinh tế, dân tộc Tây Nguyên chỉ biết làm nô lệ cho những người Kinh định cư, một tập thể nắm giữ hoàn toàn chìa khóa kinh tế ở khu vực cao nguyên.

2. Về mặt chính trị, những người Việt định cư tự tôn họ là dân tộc thắng trận và luôn luôn có thái độ trịch thượng đối với dân tộc Tây Nguyên.

3. Trong bộ máy hành chính, các quan chức gốc dân tộc Tây Nguyên được trả lương lúc nào cũng thấp hơn người Việt định cư.

4. Trong quân đội, những hạ sĩ quan và sĩ quan Tây Nguyên rất ít được thăng cấp so với người Việt. Hơn nữa, dân tộc Tây Nguyên không được nhận vào trường sĩ quan Việt Nam ở Sài Gòn.

5. Tây Nguyên đã trở thành sân khấu của cuộc chiến đẫm máu giữa quân đội Sài Gòn và Việt Cộng mà mục tiêu của cuộc chiến này không liên hệ gì đến dân tộc Tây Nguyên.

6. Trên bình diện pháp lý, dân tộc Tây Nguyên phải cúi đầu tuân theo pháp luật Việt nam, một hệ thống pháp lý hoàn toàn không thích nghi với phong tục, tập quán và tín ngưỡng của dân tộc thiểu số này.

7. Trên bình diện giáo dục, những con em Tây Nguyên không còn quyền để học tiếng mẹ đẻ của mình trong những trường tiểu học.

8. Trên bình diện y tế, có sự bất công rõ rệt về lương bổng. Một y tá người người Tây Nguyên được trả thù lao

Tình hình năm 1955-1963

khoảng 25 đồng một ngày, trong lúc đó, y tá người Việt lãnh 45 đồng²².

Cũng vào tháng 5 năm 1958, mặt trận Bajaraka phân phát kín đáo cho những thành viên của mình bản nghị quyết đầu tiên viết bằng tiếng Radê nhằm giải thích rõ rệt đầu mục tiêu của phong trào. Tiếc rằng, tài liệu này bị lọt vào tay của tổ chức công an Sài Gòn²³. Sau khi nghiên cứu kỹ sơ đồ tổ chức của Bajaraka và nhất là tiểu sử của các nhân vật trong ban lãnh đạo, công an Sài Gòn đưa ra kết luận rằng Bajaraka là một mặt trận được một số nhân vật nước ngoài đỡ đầu, đặc biệt là ông De Francis Sherry, nhân viên tình báo CIA của Mỹ có mặt tại Sài Gòn. Kể từ đó, chính quyền Sài Gòn đưa ra một chiến lược nhằm dập tan cho bằng được phong trào đấu tranh này²⁴.

Hoạt động chính trị của Bajaraka

Ngày 25-7-1958, Y Bham Enuôl với tư cách là chủ tịch mặt trận Bajaraka, nhờ ông viện trưởng đại học Michigan của Mỹ nhân dịp sang viếng Việt nam, mang đến ông đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn một bức thư với chữ ký của 16 thành viên thường trực của phong trào. Trong bức thư này, ông Y Bham Enuôl yêu cầu sứ quán Mỹ can thiệp với chính phủ Việt Nam hủy bỏ lại qui chế đặt biệt dành cho dân tộc thiểu số mà nội dung tương tự với qui chế Hoàng Triều Cương Thổ. Trong một bức thư khác, ghi cùng ngày tháng, ông Y Bham Enuôl gửi đến tổng thư ký Liên Hiệp Quốc. Trong bức thư này ông ta nhấn mạnh về số

²² Extraits de l'histoire...1956: 7-10; Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 14; N. C. La Brie, 1971: 64-67 và Gerald C. Hickey, 1982, 54.

²³ Vĩnh Lộc, 1965: 36-37; Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 5-10.

²⁴ Gerald C. Hickey, 1982b: 56.

phận hẩm hiều của dân tộc Tây Nguyên, một tập thể trên đà bị diệt vong²⁵.

Vào tháng 8 năm 1958, Y Bham Enuôl thành lập các ban ngành của Bajaraka ở từng địa phương²⁶ và gửi một văn thư bằng tiếng Pháp cho một số nhà ngoại giao hiện đang tại chức ở Sài Gòn, như đại sứ toàn quyền Pháp, Anh, Ấn độ, Lào, vv... yêu cầu họ can thiệp với chính quyền Sài Gòn nhằm tái lập trên lãnh thổ Cao Nguyên một qui chế đặt biệt tương tựa như qui chế Hoàng Triều Cương Thổ đã được hoàng đế Bảo Đại ban hành vào năm 1951²⁷.

Nay Luett (Jarai) và Y Ju (Radê) được giao trách nhiệm mang văn thư ấy đến các nhà ngoại giao hiện có mặt ở Sài Gòn. Dù rằng cơ quan tình báo Sài Gòn theo dõi gắt gao, hai thành viên này vẫn tìm cách gặp được các đại sứ, đặc biệt là ông Elbridge Durbow, đại sứ toàn quyền Hoa Kỳ, để giải thích nguyện vọng của dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Trong dịp này đại sứ toàn quyền Hoa kỳ hứa sẽ can thiệp với Ngô Đình Diệm trong khuôn khổ mà qui chế ngoại giao cho phép²⁸.

Ngày 8-9-1958, Y Bham Enuôl gửi một văn thư chính thức cho Ngô Đình Diệm yêu cầu nhà nước Việt Nam phải có một chính sách thích đáng đối với dân tộc Tây Nguyên. Y Dhor Adrong và Y Môt Niê được giao nhiệm vụ mang văn thư đến Sài Gòn. Bản sao của văn thư được gửi đến các tỉnh trưởng ở khu vực Tây Nguyên²⁹.

Trong tác phẩm của chuẩn tướng Vĩnh Lộc, tổng tư lệnh quân đoàn II của quân đội Sài Gòn, xuất bản vào năm 1965,

²⁵ Vĩnh Lộc, 1965: 37-38; Jean Lartéguy, 1965: 150-151; N. C. La Brie, 1971: 66.

²⁶ Được xác nhận bởi Vĩnh Lộc, 1965: 42.

²⁷ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a :15.

²⁸ Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 66 và Gerald C. Hickey, 1982b: 57.

²⁹ Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 66 và Vĩnh Lộc, 1965: 43.

Tình hình năm 1955-1963

Ông ta đưa ra luận điệu rất là mỉa mai, cho rằng Bajaraka chỉ là một nhóm người “Thượng” man rợ, bất tài và vô học, tìm cách gây rối chống phá nhà nước Việt Nam chứ không phải là một tổ chức chính trị theo đúng nghĩa của nó. Ông ta đưa ra bằng chứng rằng trong những biến cố đã xảy ra từ tháng 9 năm 1957 đến tháng 5 năm 1958, mặt trận Bajaraka chỉ biết viết một bức thư mà nội dung chỉ chứa đựng “những yêu sách mơ hồ không mục đích, vô căn cứ, núp sau lưng của một nhóm người nước ngoài nhằm phá hoại Việt Nam, tìm cách tái lập lại chế độ thực dân ở quốc gia này. Mặt trận Bajaraka còn tuyên bố rằng dân tộc Tây Nguyên là những sắc dân có phong tục và nguồn gốc văn hóa riêng biệt không có liên hệ gì với văn hóa người Việt. Khốn thay, ở Việt Nam chỉ có khoảng 500.000 người Thượng, nhưng họ chia thành 34 bộ lạc khác nhau, thế thì làm sao mà những kẻ “man rợ” (sauvage) ấy đòi hỏi thành lập một quốc gia độc lập trên Cao Nguyên?”³⁰.

Ngày 8 tháng 9 năm 1958, Ngô Đình Diệm ra lệnh đàn áp thẳng tay mặt trận Bajaraka, bắt những người lãnh đạo của tổ chức này như Y Bham Enuôl, Paul Nư, Y Thih Eban, Y Ju Eban, Nay Luett, Y Bih Aleo, v.v. đưa vào nhà giam ở Đà Lạt. Riêng Y Bih Aleo được nhanh chóng trả lại tự do, vì cơ quan an ninh Việt Nam không xem ông này là thành viên tích cực của phong trào Bajaraka³¹.

Để giải thích sự bất ổn này, chuẩn tướng Vĩnh Lộc viết rằng người “Thượng” là những đối tượng phải giam giữ, vì phong trào Bajaraka là một tổ chức bất hợp pháp thu thập nhiều nguồn tài trợ bất chính³².

³⁰ Vĩnh Lộc, 1965: 43-44.

³¹ Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 15; N. C. La Brie, 1971: 69 và Gerald C. Hickey, 1982b: 58.

³² Vĩnh Lộc, 1965: 44.

Tình hình năm 1955-1963

Cuộc xuống đường của dân tộc Tây Nguyên ở Buôn Mê Thuột

Ngày 12 tháng 10 năm 1958, Y Dươn Adrông và Y Bih Aleo (sau này là thành viên Việt Cộng), gửi đến Ngô Đình Diệm một đơn khiếu nại kèm theo một ngàn chữ ký của dân tộc Tây Nguyên yêu cầu chính phủ Sài Gòn phải trả tự do cho tất cả những thành viên Bajaraka đang bị giam giữ tại nhà tù Đà Lạt. Cùng thời gian đó, khoảng hai ngàn người Tây Nguyên tụ tập tại Buôn Mê Thuột hô hào khẩu hiệu chống chính sách đàn áp của chế độ Sài Gòn. Ngô Đình Diệm ra lệnh cho sư đoàn 23 bộ binh tiến vào thành phố này để dập tắt cuộc biểu tình này³³.

Vì tình hình quá căng thẳng, Ngô Đình Diệm chỉ thị cho tỉnh trưởng Darlac triệu tập những đại diện của Bajaraka trong một hội nghị tại Ban Mê Thuột vào ngày 27-10-1958 để tìm cách giải quyết cuộc khủng hoảng chính trị này. Tiếc rằng hội nghị không đem lại kết quả gì vì chính phủ Sài Gòn nhất quyết khước từ trao trả tự do cho những thành viên Bajaraka bị bắt từ ngày 8 tháng 9 năm 1958. Sự thất bại của hội nghị này càng đưa khu vực Tây Nguyên vào tình trạng mất ổn định³⁴.

Ngày 26 tháng 11 năm 1958, có những tin đồn về sự vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên nhằm tấn công các nhà tù và giải phóng những thành viên Bajaraka bị bắt giam. Ngô Đình Diệm liền ra lệnh chuyển ông Y Bam Enuôl về trại giam ở Huế và những người khác ở Sài Gòn.

Theo thông tin của một vài nhân chứng, chính quyền Sài Gòn ra lệnh tra tấn dã man những người Tây Nguyên bị giam giữ để buộc họ phải khai sự thật³⁵. Sau biến cố này, Ngô Đình Diệm ra lệnh chuyển tất cả công chức và công nhân

³³ Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 58.

³⁴ Gerald C. Hickey, 1982b: 58.

³⁵ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 58.

Tình hình năm 1955-1963

người Tây Nguyên ngỡ vực là cảm tình viên của Bajaraka về vùng duyên hải nơi chỉ có dân cư gốc người Việt nhằm cắt đứt mọi mối quan hệ giữa họ và khu vực Tây Nguyên³⁶.

Sài Gòn tìm cách kiểm soát dân tộc Tây Nguyên

Nhằm thực thi cho bằng được chính sách trưng dụng đất đai Tây Nguyên mà chính quyền Sài Gòn xem đó là yếu tố thiết thực nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn sắc dân bản địa, ngày 12 tháng 12 năm 1958, Ngô Đình Diệm quyết định áp dụng đợt di dân lần thứ 3 lên cao nguyên và ban hành sắc lệnh bãi bỏ quyền sở hữu đất đai của người Tây Nguyên. Chính sách tước quyền sở hữu đất đai này để phân phối lại cho cư dân Việt sang lập nghiệp ở Tây Nguyên đã đưa đẩy dân tộc này vào nạn nghèo đói và khốn cùng để rồi họ trở thành một tập thể hoàn toàn lệ thuộc, trên phương diện kinh tế, vào cộng đồng người Việt sinh sống trong khu vực này³⁷.

Biến cố năm 1959

Ngày 23 tháng 01 năm 1959, chính quyền Sài Gòn quyết định thành lập một tỉnh mới là Quảng Đức trong vùng Đồng Nai nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chương trình định cư người Việt miền bắc di cư. Trụ sở hành chánh của tỉnh Quảng Đức là Gia Nghĩa, khu vực của dân tộc Mnong³⁸.

Nhân dịp bầu cử mới của quốc hội Việt Nam vào ngày 30 tháng 7 năm 1959, Ngô Đình Diệm quyết định giảm ghế dân biểu của người Tây Nguyên từ 4 đến 2 đại biểu. Dân tộc Tây Nguyên đứng ra phản đối quyết định này. Ngô Đình Diệm trả

³⁶ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 58.

³⁷ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 58.

³⁸ Gerald C. Hickey, 1982b: 58.

Tình hình năm 1955-1963

lời rằng nhà nước Việt Nam không thể đặt ân quá nhiều đối với những người «Thượng» phản động. Thêm vào đó, chính quyền Sài Gòn chọn Hia và Y Ut Niê (Buôn Rit) làm đại diện cho dân tộc Tây Nguyên trong quốc hội vì họ không phải là thành viên của mặt trận Bajaraka³⁹.

Một tháng sau, tức là vào tháng 9 năm 1959, Ngô Đình Diệm trả tự do cho Y Bham Enuôl và Paul Nưt. Vừa ra khỏi trại giam, hai người này tìm cách xây dựng lại cơ cấu tổ chức của phong trào Bajaraka. Một vài tháng sau, Ngô Đình Diệm, vì xét thấy không thuận lợi để hai người này được sống tự do, liền ra lệnh bắt giam trở lại⁴⁰.

Cũng vào tháng 9, chính quyền Sài Gòn phát triển mạnh chính sách Việt Nam Hóa chương trình giáo dục trong các trường tiểu học của dân tộc thiểu số nhằm hòa nhập họ vào cộng đồng Việt Nam⁴¹.

Biến cố của năm 1960

Vào tháng 12 năm 1960, Hà Nội thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (Front National de Libération–F.N.L.) ở miền nam Việt Nam. Từ đó, Tây Nguyên, được xếp vào vùng du kích của cộng sản, trở thành sân khấu sôi động cho những hoạt động quân sự và địa bàn tuyên truyền về ý thức hệ chính trị. Chính quyền Sài Gòn và Hà Nội, mỗi bên, tìm cách lôi kéo người Tây Nguyên về phía của mình. Trước sức ép nặng nề này, dân bản địa ở miền trung Việt Nam bị phân tán thành hai

³⁹ Bộ Kinh Tế...1959: 18-2.

⁴⁰ Tài liệu Fulro: 1-63. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982: 9.

⁴¹ Gerald C. Hickey, 1982: 9.

Tình hình năm 1955-1963

thế lực: một phần của các sắc dân ấy quay lưng theo cộng sản và một phần khác theo chính quyền Sài Gòn⁴².

Vào cuối năm 1960, người ta cũng chứng kiến sự ra đời tại Phnom-Pênh hai phong trào đấu tranh chống chính sách thực dân của Ngô Đình Diệm, đó là:

– Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Krom (Front de Libération du Kampuchea Krom–F.L.K.K.) với mục đích giải phóng đất đai Nam Việt (Cochinchine) là lãnh thổ của vương quốc Khơ Me bị nhà Nguyễn chiếm đóng⁴³.

– Mặt Trận Giải Phóng Champa (Front de Libération du Champa–F.L.C.) do đại tá Lès Kosem sáng lập. Les Kosem là sĩ quan nhảy dù của quân đội Khờ Me, gốc người Chăm ở Cao Miên⁴⁴.

Biến cố năm 1961

Ngày 19 tháng 5 năm 1961, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (cộng sản) tổ chức một hội nghị tập trung 23 đại biểu của các dân tộc thiểu số miền nam Việt Nam. Trong dịp này, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thành lập một Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị (Mouvement pour l'Autonomie des Hauts Plateaux) mà Y Bih Aleo được đề cử làm chủ tịch. Trước kia, Y Bih Aleo⁴⁵ là cảm tình viên của mặt trận Bajaraka bị công an Sài Gòn bắt ngày 08-9-1958. Sau khi được trả tự do, ông ta rời

⁴² Tài liệu Fulro: 1-63. Được xác nhận bởi Vĩnh Lộc, 1965: 46 và Gerald C. Hickey, 1982b: 47.

⁴³ Người ta không biết là có sự liên hệ gì giữa mặt trận này và Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Khờ Me thành lập vào năm 1955 của tu sĩ Samouk Seng.

⁴⁴ Tài liệu Fulro: 12-60. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969b: 19-20 và Gerald C. Hickey, 1982b: 62.

⁴⁵ Theo Ngôn Vĩnh (1995: 17), Abih Aleo được đề cử làm phó chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Tình hình năm 1955-1963

Ban Mê Thuột vào tháng 9/1958⁴⁶ để hợp tác với quân cách mạng (cộng sản).

Theo chuẩn tướng Vĩnh Lộc, sự hiện diện của Y Bih Aleo trong hàng ngũ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là một minh chứng rõ ràng để kết luận rằng kể đầu từ năm 1961 «những cuộc nổi dậy của người Thượng không phải là nguyện vọng của dân tộc bản địa mà là công cụ của cộng sản để tiến hành ý đồ lật đổ chế độ Sài Gòn»⁴⁷.

Đầu năm 1961 đánh dấu năm gia tăng tích cực của chiến tranh du kích do Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ đạo. Nhằm đối phó với tình hình quân sự này, giới quân sự Mỹ và cơ quan tình báo CIA đề nghị giải pháp làm thế nào để cho người Tây Nguyên không còn tiếp cận với Việt Cộng nữa bằng cách tập trung họ lại trong những “ấp chiến lược” bên cạnh đường xá bao bọc xung quanh làng bằng dây kẽm gai và được phòng vệ bởi lực lượng nghĩa quân trang bị những súng nhẹ. Cơ quan tình báo CIA Mỹ đề nghị thành lập một lực lượng “Cán Bộ Trường Sơn” người Tây Nguyên nhằm bảo vệ thôn xóm và kiểm soát chặt chẽ quần chúng tập trung trong “ấp chiến lược” này. Trước sức ép của Hoa Kỳ, Ngô Đình Diệm phải chấp nhận dự án với bao sự do dự, vì ông ta lo ngại rằng ảnh hưởng của CIA Mỹ trên cao nguyên có thể khuếch đại thêm ý chí dân tộc thiểu số vùng dậy đòi qui chế tự trị trên cao nguyên⁴⁸.

Năm 1961 là năm khởi đầu của sự hiện diện quân đội Mỹ trên Tây Nguyên. Mục tiêu của các đơn vị quân sự Mỹ trong khu vực này là tổ chức phòng vệ “ấp chiến lược”. Lợi dụng cơ hội đó, trí thức Tây Nguyên tìm cách thắt chặt mối quan hệ trực tiếp với những sĩ quan của quân đội Mỹ.

⁴⁶ Tài liệu Fulro: 12-60. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969b: 19-20 và Gerald C. Hickey, 1982b: 62.

⁴⁷ Vĩnh Lộc, 1965: 45.

⁴⁸ N. C. La Brie, 1971: 71-72; Gerald C. Hickey, 1982b: 74.

Tình hình năm 1955-1963

Cùng năm ấy, Châu Dara⁴⁹, chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Krom đưa ra một số yêu sách chính trị như sau:

– Yêu cầu Ngô Đình Diệm áp dụng chính sách bình đẳng giữa những người Khờ Me sinh sống ở Nam Việt và dân tộc Kinh.

– Yêu cầu Ngô Đình Diệm công nhận dân tộc Khờ Me ở Nam Việt là công dân của chính quyền Nam Vang⁵⁰.

Cũng vào năm 1961, đại tá Lès Kosem sáng lập viên Mặt Trận Giải Phóng Champa được chính quyền Khờ Me giao nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho thủ tướng Trung Quốc là Chu Ân Lai trong cuộc viếng thăm chính thức ở Kampuchea. Lợi dụng cơ hội này, đại tá Les Kosem giải thích với Chu Ân Lai về nguyện vọng của dân tộc Champa cũng như mục tiêu của Mặt Trận Giải Phóng Champa mà ông ta là sáng lập viên. Tiếp theo sự viếng thăm ấy, Lès Kosem được thăng chức tổng tư lệnh quân sự thủ đô Nam Vang, chỉ huy tình báo quân sự và chỉ huy phó bộ tham mưu quân đội Khờ Me⁵¹.

Biến cố năm 1962

Vào tháng 2 năm 1962, tướng Trần Văn Đôn chủ tọa tại Buôn Mê Thuột ngày ra mắt khóa đầu tiên “Cán Bộ Trường Sơn” do CIA chủ xướng. Trong bài diễn văn, tướng Trần Văn Đôn không do dự đặt lại câu hỏi đầu là mục tiêu của CIA nhằm thành lập đơn vị “Cán Bộ Trường Sơn” này và có chăng lực

⁴⁹ Ngôn Vĩnh (1995: 10) cho rằng Châu Dara là biệt hiệu của đại tá Um Savuth, sĩ quan quân đội Khờ Me.

⁵⁰ Tài liệu Fulro: 12-61. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 61.

⁵¹ Ngôn Vĩnh, 1995: 9.

Tình hình năm 1955-1963

lượng này sẽ trở thành công cụ của mặt trận Bajaraka trong tương lai để phát triển thêm phong trào chống đối Việt Nam⁵².

Ngày 16 tháng 2 năm 1962, Hội nghị đầu tiên của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (cộng sản) đã diễn ra tại Kampuchea. Y Bih Aleo được bầu làm chủ tịch của Hội Đồng Dân Tộc Thiểu Số trong mặt trận này⁵³. Từ mấy năm qua, đại tá Lès Kosem luôn luôn nuôi hoài bão đưa Y Bham Enuôl ra khỏi trại giam ở Huế để về hợp tác với ông ta ở Kampuchea. Lợi dụng hội nghị này, Les Kosem gặp Abih Aleo tại thủ đô Nam Vang để trao đổi với ông ta về tình hình ông Y Bham Enuôl⁵⁴.

Ngày 1 tháng 5 năm 1962, Y Thih Eban từ phòng giam của mình đã gửi một văn thư cho ông Frederic E. Nolting, đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, yêu cầu ông ta can thiệp với chính phủ Việt Nam nhằm trả tự do cho các thành viên Bajaraka đang bị cầm tù. Sau bức thư đó, ông Frederic E. Nolting có trao đổi với Ngô Đình Diệm về vấn đề này⁵⁵.

Ngày 18 tháng 8 năm 1962, Ngô Đình Diệm chỉ thị trao trả tự do cho 5 thành viên Bajaraka, đó là Y Thih Ebhan (Radê), Nay Luett (Jarai), Tou Neh Yôh (Churu), Siu Sip (Jarai) Y Ju Eban (Radê). Tiếc rằng, chính quyền Sài Gòn từ chối giải quyết hồ sơ của hai nhân vật quan trọng đó là Y Bhan Enuôl (Radê) và Paul Nư (Ba Na). Sau ngày tìm được tự do, Y Thih Eban và Nay Luett được tuyển làm thông dịch viên cho quân đội Mỹ ở Ban Mê Thuột và Quảng Nam⁵⁶.

⁵² Gerald C. Hickey, 1982b: 80-81.

⁵³ Wilfred Burchett, 1963: 103-104.

⁵⁴ Tài liệu Fulro: 2-62.

⁵⁵ Gerald C. Hickey, 1982b: 83.

⁵⁶ Gerald C. Hickey, 1982b: 83.

Tình hình năm 1955-1963

Vào tháng 10 năm 1962, Y Thih Ebhan xin gặp một số sĩ quan quân đội Hoa kỳ để khiếu nại về việc Y Bham Enuôl và Paul Nửr vẫn bị giam giữ. Trong dịp này, Y Thih Eban tuyên bố rằng mặt trận Bajaraka sẵn sàng chấm dứt tất cả những hoạt động chống đối đối chính quyền Sài Gòn nếu tất cả thành viên *Bajaraka* được trả tự do⁵⁷.

Cuối năm 1962, Y Thih Eban tập họp những thành viên Bajaraka tại Buôn Enao đưa ra đề nghị một chiến lược đấu tranh ôn hòa nhằm yêu cầu chính quyền Sài Gòn trao trả tự do cho YBham Enuôl và những người Tây Nguyên khác hiện đang bị giam giữ. Thế nhưng, chính phủ Ngô Đình Diệm lại ra lệnh đàn áp thẳng tay nhóm Y Thih Eban⁵⁸.

Biến cố năm 1963

Vào tháng 2 năm 1963, dựa vào bài báo cáo của CIA, quân đội Mỹ cho rằng phong trào Bajaraka sẽ bắt tay với tổ chức của Việt Cộng trong tương lai. Khi nhận được hồ sơ ấy, Gilbert Layton, nhân viên CIA phụ trách về cao nguyên, yêu cầu Y Thih Eban cho biết ý kiến về bài báo cáo này. Để trả lời câu hỏi có chăng YBham Enuôl muốn kết hợp với cộng sản hay không, Y Thih Eban và Gilbert Layton đến Pleiku để gặp tướng Nguyễn Khánh, chỉ huy trưởng quân đoàn II. Sau đó tướng Nguyễn Khánh liền ra lệnh đưa Y Bham Enuôl và Paul Nửr ra khỏi trại giam để gặp ông ta, Y Thih Eban và Gilbert Layton tại tổng hành dinh chỉ huy quân đoàn II. Trong phiên họp này, Y Bham Enuôl và Paul Nửr, hai vị lãnh đạo Bajaraka, tuyên bố rằng hai ông ta không hay biết gì về dự án liên kết giữa mặt

⁵⁷ Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 83.

⁵⁸ Tài liệu Fulro: 2-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 84.

Tình hình năm 1955-1963

trận Bajaraka và cộng sản. Sau đó, Nguyễn Khánh liền đưa họ trở lại nhà giam⁵⁹.

Ngày 1 tháng 2 năm 1963, trong một bức thư gửi cho Y Thih Eban, ABih Aleo, phó chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tiết lộ rằng nếu Y Bham Enuôl đích thân khuyên giải thì ông ta sẽ từ bỏ hàng ngũ cộng sản để trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn. Lợi dụng cơ hội này, Y Thih Eban, Gilbert Layton (CIA) và vài nhân vật quân sự Việt Nam quyết định cho Y Bham Enuôl ra khỏi nhà giam để gặp ông Y Bih Aleo tại một địa điểm bí mật gần tháp Yang Prong của tỉnh Darlac. Được tin ấy, đại tá Lê Quang Trọng, chỉ huy sư đoàn 23 bộ binh ra lệnh cho không quân Việt Nam dội bom ngay tại địa điểm gặp gỡ. Thế là cuộc gặp mặt này bị bại lộ. Từ phòng giam, Y Bham Enuôl gửi một bức thư cho Gilbert Layton để chỉ trích thái độ hai mặt của quân đội Mỹ trong biến cố này⁶⁰.

Theo tài liệu Fulro, đại tá Lès Kosem là một trong những người đề xướng cuộc hợp mặt giữa hai nhà lãnh đạo Tây Nguyên. Mặc dù bị thất bại, ông ta không từ bỏ ý định đưa Y Bham ra khỏi nhà tù và kết nạp những thành viên của Bajaraka vào Mặt Trận Giải Phóng Champa. Để tiến hành việc này, ông ta lập một đường giây liên lạc trực tiếp với những thành viên Bajaraka qua trung gian của những người Tây Nguyên có mặt trong các đồn lính Việt Nam nằm dọc biên giới ở phía tây⁶¹.

Tháng 6 năm 1963, Y Thh Eban đi công tác ở Buôn Sarpa, một trại lính gần biên giới Khờ Me-Việt mà đại đa số quân nhân là người Tây Nguyên. Ngay khi đến nơi, ông ta phát họa lại chương trình hoạt động của phong trào Bajaraka. Sau đó,

⁵⁹ Tài liệu Fulro: 1-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 86.

⁶⁰ Tài liệu Fulro: 2-63. Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 73-74 và Gerald C. Hickey, 1982b: 86.

⁶¹ Tài liệu Fulro: 2-63.

Tình hình năm 1955-1963

ông ta giao cho trung úy Y Nham Eban chỉ huy lực lượng bí mật của Bajaraka ở Buôn Sarpa và cử Y Klong Niê (Mnong) làm sĩ quan liên lạc với đại tá Lès Kosem để chuẩn bị kế hoạch nhằm đưa Y Bham Enuôl ra khỏi tù ở Huế. Thế là Y Klong Niê sang Nam Vang để gặp đại tá Les Kosem. Sau cuộc gặp mặt này, đại tá Lès Kosem hứa sẽ tìm mọi giải pháp để đưa Y Bham ra khỏi lao tù và tiếp đón tất cả thành viên Bajaraka mong muốn sang Kampuchea để gia nhập vào Mặt Trận Giải Phóng Champa⁶².

Vào tháng 6 năm 1963, trung tướng Nguyễn Khánh, tư lệnh quân đoàn II đặt tại Pleiku cũng gửi một sĩ quan an ninh của ông ta tên Y Sen Niê Kdam (Radê) đến Nam Vang gặp đại tá Lès Kosem nhằm thảo luận về số phận của Nguyễn Chánh Thi, đại tá quân đội Việt Nam, hiện đang sống lưu vong tại Kampuchea sau khi lật đổ Ngô Đình Diệm vào năm 1960. Chính đại tá Les Kosem là người bảo trợ cho đại tá Nguyễn Chánh Thi trong thời gian lưu lạc ở Nam Vang⁶³.

Một cuộc họp mặt giữa Y Sen Niê Kdam, đại tá Nguyễn Chánh Thi và đại tá Lès Kosem đã diễn ra tại Phnom-Pênh. Trong dịp này, Lès Kosem đề nghị nếu trung tướng Nguyễn Khánh trả tự do cho Y Bham Enuôl, thì ông ta sẽ dành cho đại tá Nguyễn Chánh Thi nhiều ưu đãi trong thời gian lưu vong ở Kampuchea. Qua cuộc họp mặt này, Lès Kosem hy vọng chính quyền Sài Gòn sẽ trao trả tự do cho Y Bham Enuôl⁶⁴.

Ngày 27-8-1963, hoàng tử Norodom Sihanouk, quốc trưởng Kampuchea, quyết định cắt đứt mọi liên hệ ngoại giao với chính phủ Sài Gòn để phản đối hành động áp bức dân tộc Khờ Me sinh sống tại Việt Nam⁶⁵.

⁶² Tài liệu Fulro: 6-63. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 86.

⁶³ Tài liệu Fulro: 6-63. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 88 và 91.

⁶⁴ Tài liệu Fulro: 6-63.

⁶⁵ Charles Meyer, 1971: 263.

Tình hình năm 1955-1963

Sau biến cố này, Lès Kosem được đề cử làm thành viên trong văn phòng phối hợp những phong trào chống chính quyền Sài Gòn mà hoàng thân Norodom Sihanouk vừa mới thành lập. Nhờ chức vụ đó, Lès Kosem được hưởng thêm những quyền khá đặc biệt để phát triển Mặt Trận Giải Phóng Champa, một tổ chức được sự bảo trợ của quốc trưởng Norodom Sihanouk⁶⁶.

Sự suy tàn của chế độ Ngô Đình Diệm

Vào tháng 6 năm 1963, Henry Cabot Lodge được cử làm đại sứ Mỹ tại Sài Gòn. Sự diện của ông ta ở Việt Nam đã trở thành một hiện tượng chính trị đáng chú ý. Henry Cabot Lodge vừa đến Việt Nam, dư luận bàn tán xôn xao chung quanh vấn đề ngày suy tàn của chế độ Ngô Đình Diệm, một nhà lãnh đạo đã gặp bao sự chống đối của phong trào phật giáo cũng như đối phó liên tục với những cuộc biểu tình ở các đường phố mà lực lượng an ninh của chế độ Sài Gòn không tìm ra giải pháp để dập tắt⁶⁷.

Ngày 1 tháng 11 năm 1963, năm tướng lãnh Việt Nam là Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Trần Thiện Khiêm và Tôn Thất Đính, với sự thỏa thuận của quân đội Mỹ, quyết định lật đổ Ngô Đình Diệm. Kết quả, Ngô Đình Diệm bị giết trong biến cố này⁶⁸.

Sau vụ đảo chánh, Lès Kosem, người đã từng quen biết tướng Lê Văn Kim và Tôn Thất Đính trong các khóa quân sự ở Pháp, thiết lập đường dây liên hệ với chế độ mới của Sài Gòn nhằm đặt lại vấn đề dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam và đề nghị đưa đại tá Nguyễn Chánh Thi về Việt Nam với điều

⁶⁶ Tài liệu Fulro: 8-63.

⁶⁷ Tài liệu Fulro: 8-63. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982: 89.

⁶⁸ Robert Shaplen, 1972: 16-17, 40-56; Gerald C. Hickey, 1982b: 89.

Tình hình năm 1955-1963

kiện là chính quyền Sài Gòn trả tự do cho Y Bham Enuôl vẫn còn giam trong tù ở Huế⁶⁹.

Cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963 đã đưa lịch sử cận đại ở Đông Dương vào một khúc quanh mới. Lợi dụng sự xáo trộn chính trị tại miền nam Việt Nam, các nhà lãnh đạo của mặt trận giải phóng Kampuchea Krom và Champa tiến đến một chiến lược đấu tranh mới. Nhằm biểu dương tinh thần đoàn kết và gắn bó giữa các tổ chức chính trị Kampuchea Krom và Champa, họ quyết định thành lập một liên minh đấu tranh lấy tên là Front Unifié de Lutte des Races Opprimées, viết tắt là F.U.L.R.O (Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Các Dân Tộc Bị Áp Bức). Tổ chức liên minh này qui tụ ba mặt trận:

- Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Krom (Front de Libération du Kampuchea Krom-FLKK)
- Mặt Trận Giải Phóng Champa (Front de Libération du Champa-FLC)
- Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Phía Bắc (Front de Libération du Kampuchea Nord-FLKN)⁷⁰.

Mục tiêu của Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Krom là nhằm giải phóng vùng Nam Việt (Cochichine) từ Sài Gòn đến mũi Cà Mau, lãnh thổ của Cao Miên bị Việt Nam xâm chiếm. Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Phía Bắc đòi quyền tự trị ở khu vực Champassak ở Lào, được xem như là nơi chun nhau cất rún của vương quốc Cao Miên có ngôi đền Wat Phu. Mục tiêu của Mặt Trận Giải Phóng Champa là đòi quyền độc lập trên lãnh thổ Champa sau thế kỷ XV, bao gồm khu vực cao

⁶⁹ Tài liệu Fulro: 11-63.

⁷⁰ Tài liệu Fulro: 11-63. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 90 và Charles Meyer, 1971: 269-271. Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Nord chỉ là một bóng hình, vì không có thành viên để hoạt động.

Tình hình năm 1955-1963

nguyên trung phần Việt Nam và vùng ven biển chạy dài từ Phú yên đến đồng bằng Phan Rí và trù tính đặt thủ đô mới tại Nha Trang⁷¹.

Hai nhân vật nòng cốt của tổ chức Fulro là đại tá Um Savuth (gốc Khơ Me sinh tại Trà Vinh, Việt Nam) và đại tá Lès Kosem (gốc Chăm tại Kampuchea). Ba mặt trận này được hưởng sự nâng đỡ tinh thần và chính trị của thống tướng Lon Nol, thủ tướng của kampuchea và quốc trưởng Norodom Sihanouk. Sau ngày ra đời của Fulro, Lès Kosem tăng cường chiến lược để đưa Y Bham Enuôl ra khỏi ngục giam, một nhân vật mà Lès Kosem xem như là vị lãnh đạo tối cao của dân tộc Tây Nguyên và cũng là người nắm giữ chìa khóa trong chiến lược liên minh giữa phong trào Bajaraka và Mặt Trận Giải Phóng Champa⁷².

Sau cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963, nhà cầm quyền mới tại Sài Gòn quyết định trả tự do cho các tù nhân Tây Nguyên bị chế độ Ngô Đình Diệm giam cầm và kêu gọi những nhà chính trị Việt Nam bị đày ra nước ngoài, đặc biệt là đại tá Nguyễn Chánh Thi, hãy trở về Việt Nam⁷³. Lợi dụng cơ hội này, Y Thih Eban, nhân danh phong trào Bajaraka, gửi một bức thư cho chính phủ Sài Gòn do tướng Dương Văn Minh lãnh đạo, yêu cầu xét lại trường hợp ông Paul Nử và Y Bham Enuôl mà Ngô Đình Diệm bắt vào ngục giam cho đến hôm nay⁷⁴.

Sau khi nhận được văn thư, chính quyền Sài Gòn chấp nhận trả tự do cho ông Paul Nử. Ngay sau khi trở về xum họp với gia đình, Paul Nử được chính quyền Sài Gòn giao chức vụ phó tỉnh trưởng của tỉnh Kon Tum, phụ trách thượng vụ. Người

⁷¹ Tài liệu Fulro: 11-63.

⁷² Tài liệu Fulro: 11-63.

⁷³ Dennis J. Duncanson, 1966: 342-354.

⁷⁴ Y Bham Enuôl, 1965: 12; Gerald C. Hickey, 1982: 91.

Tình hình năm 1955-1963

lại, chính phủ Sài Gòn từ chối trao trả tự do cho ông Y Bham Enuôl⁷⁵.

Theo tài liệu Fulro, tướng Dương Văn Minh đưa ra điều kiện là sẵn sàng trả tự do cho ông Y Bham Enuôl nếu đại tá Lès Kosem chấp nhận đưa đại tá Nguyễn Chánh Thi về Việt Nam. Thế là Y Bham lại trở thành con tin trong hồ sơ trao đổi tù binh chính trị của Lès Kosem⁷⁶

⁷⁵ Gerald C. Hickey, 1982: 91.

⁷⁶ Tài liệu Fulro: 11-63.

Tình hình năm 1955-1963

Trang không

TÌNH HÌNH NĂM 1964-1969

Biến cố năm 1964

Đầu năm 1964, Y Sen Niê Kdam (Radê) một trong những sĩ quan tình báo của trung tướng Nguyễn Khánh, tư lệnh quân đoàn II, trở lại Nam Vang để gặp đại tá Lès Kosem nhằm thảo luận về việc đại tá Nguyễn Chánh Thi trở về Việt Nam¹. Lès Kosem trả lời là sẽ xem xét trường hợp Nguyễn Chánh Thi nếu trung tướng Nguyễn Khánh ra lệnh trả tự do cho Y Bham Enuôl vẫn bị giam giữ trong lao tù ở Buôn Mê Thuột².

Vào tuần thứ ba của tháng 1 năm 1964, Lès Kosem chấp thuận sự trở về Việt Nam của Nguyễn Chánh Thi sau khi nhận được lời hứa của tướng Nguyễn Khánh trả tự do cho Y Bham Enuôl³.

Ngày 29 tháng 1 năm 1964, trung tướng Nguyễn Khánh, với sự hỗ trợ của đại tá Nguyễn Chánh Thi từ Nam Vang vừa mới trở về, cùng tướng Nguyễn Thiện Khiêm, tổ chức cuộc đảo chính ở Sài Gòn. Trong chính phủ mới sau ngày đảo chính ấy, Nguyễn Khánh trở thành thủ tướng Việt Nam và tướng Dương Văn Minh, quốc trưởng, nhưng không có quyền hành gì⁴.

Ngày 1 tháng 2 năm 1964, đại tá Lès Kosem gửi văn thư cho thủ tướng Nguyễn Khánh yêu cầu ông ta thực hiện lời hứa là trả tự do cho Y Bham Enuôl vì Nguyễn Chánh Thi đã trở về Việt Nam. Sau khi nhận văn thư, trung tướng Nguyễn Khánh

¹ Tài liệu Fulro: 1-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 92.

² Tài liệu Fulro: 1-64.

³ Tài liệu Fulro: 1-64.

⁴ Tài liệu Fulro: 1-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 2002: 109 và Douglas Pike, 1966: 347-348.

Tình hình năm 1964-1969

đưa Y Bham Enuôl ra khỏi trại giam và để cử ông ta làm phó tỉnh trưởng tỉnh Darlac, phụ trách thượng vụ⁵.

Sau 6 năm trong lao tù (1958-1964), Y Bham Enuôl tìm lại tự do trong cuộc sống, nhưng tự do đặt dưới sự giám sát của công an Sài Gòn. Dù thế, ông ta vẫn liên lạc với nay Luett tại Cheo Reo (tỉnh Pleiku) để hỏi tin tức về Bajaraka⁶ nhất là liên hệ với đại tá Lès Kosem hầu thiết lập một chiến lược hợp tác giữa tổ chức Bajaraka và Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro⁷.

Sự gặp gỡ giữa Lès Kosem và Y Bham Enuôl

Ngày 11 tháng 3 năm 1964, theo yêu cầu của quốc trưởng Norodom Sihanouk, khoảng mười ngàn người Khơ Me xuống đường tại thủ đô Phnom-Pênh hô hào khẩu hiệu chống đế quốc Mỹ và tấn công tòa đại sứ Hoa Kỳ và Anh Quốc. Vào ngày 3 tháng 5 năm 1964, Kampuchea cắt đứt liên hệ ngoại giao với Hoa Kỳ. Để trả lời cho thái độ của Norodom Sihanouk, chính quyền Sài Gòn tăng cường chiến dịch quấy rối khu vực biên giới Kampuchea. Ngày 10 tháng 5 năm 1964 quốc trưởng Norodom Sihanouk gửi văn thư lên hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc tố cáo Hoa kỳ và chính quyền Việt Nam xâm phạm biên giới Cao Miên. Bắt đầu từ ngày ấy, những bài diễn văn của hoàng thân Norodom Sihanouk trở thành bản văn tuyên chiến chống Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa. Quốc trưởng Norodom Sihanouk cho rằng: “nếu tất cả dân tộc trên thế giới này nhất quyết và cương trì chống ảnh hưởng của Hoa Kỳ, thì sự bành trướng của đế quốc Mỹ đầy kiêu căng sẽ bị quét sạch”⁸. Tiếp

⁵ Tài liệu Fulro: 2-64. Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 76 và Gerald C. Hickey, 1982b: 94; 2002: 110.

⁶ Gerald C. Hickey, 1982b: 94.

⁷ Tài liệu Fulro: 2-64.

⁸ Charles Meyer, 1971: 242.

theo lời kêu gọi ấy, Hội Đồng Tối Cao Fulro tổ chức cuộc họp liên tục để tìm phương hướng tập trung các lực lượng chống sự bành trướng của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Theo Lès Kosem, dân tộc can đảm và có năng lực chiến đấu chống lại chế độ Sài Gòn, không phải là người Chăm Kampuachea vì họ không nắm vững địa thế quân sự, cũng không phải là người Chăm Phan Rang và Phan Rí, vì dân số họ không được đông cho lắm, mà là dân tộc Tây Nguyên⁹. Vào tháng 3 năm 1964, Lès Kosem tìm cách thuyết phục Y Bham Enuôl sang Kampuchea để lãnh đạo Mặt Trận Giải Phóng Champa. Qua trung gian của các thành viên Bajaraka thường sang thủ đô Nam Vang, Lès Kosem ta gửi một bức thư cho Y Bham Enuôl có nội dung nói rằng đây là giờ đã điểm cho các dân tộc Tây Nguyên vùng dậy tái lập vương quốc Champa độc lập mà lãnh thổ bao gồm cả khu vực Tây Nguyên. Một nhà lãnh đạo sáng suốt như ông Y Bham Enuôl rất xứng đáng đảm nhiệm trọng trách trước dân tộc Champa còn hơn là giữ chức vụ phó tỉnh trưởng của một tỉnh ở Việt Nam. Trong những thư từ trao đổi, Lès Kosem thường nhấn mạnh rằng sự tự do mà nhà nước Việt Nam dành cho Y Bham là chỉ tạm thời, vì chính quyền Sài Gòn có thể đưa ông vào tù trở lại bất cứ lúc nào. Khi nhận thư này, Y Bham Enuôl không từ chối lời đề nghị của Lès Kosem¹⁰.

Vào cuối tháng 3 năm 1964, một sự gặp gỡ giữa đại tá Lès Kosem và Y Klong Niê (dân tộc Mnong), đại diện của Y Bham Enuôl, trên bờ sông Dam, gần Buôn Sarpa không xa biên giới Khơ Me-Việt. Trong cuộc gặp gỡ này, Y Klong Niê yêu cầu Lès Kosem bảo vệ tánh mạng cho những thành viên Bajaraka trong trường hợp họ bị chế độ Sài Gòn truy nã một lần nữa. Lès Kosem không từ chối đề nghị Y Klong Niê và gửi một lá thư nhờ Y Klong Niê chuyển cho Y Bham Enuôl. Trong bức

⁹ Tài liệu Fulro: 3-64.

¹⁰ Tài liệu Fulro: 3-64.

Tình hình năm 1964-1969

thư này, Lès Kosem bày tỏ sự khen ngợi và lòng kính trọng đối với Y Bham Enuôl mà ông ta xem như “người anh ruột thịt” và hứa dành cho ông ta mọi đón tiếp nồng hậu ở Kampuchea¹¹.

Các cuộc tiếp xúc giữa chế độ Sài Gòn và dân tộc Tây Nguyên

Ngày 28 tháng 1 năm 1964, Nguyễn Khánh, thủ tướng chính phủ, tổ chức một hội nghị để giải quyết những vấn đề dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam. Năm mươi lăm đại biểu gốc Tây Nguyên và Chăm tham dự, trong số đó có Y Bham Enuôl, Paul Nưừ và Touprong Yaba¹².

Ngày 5 tháng 5 năm 1964, để trả lời cho những nguyện vọng của dân tộc thiểu số đã bày tỏ trong hội nghị, thủ tướng Nguyễn Khánh ký một sắc lệnh đổi Nha Công Tác Miền Thượng thành Nha Đặc Trách Thượng Vụ. Đại tá Việt Nam là Nguyễn Phi Phụng được cử làm giám đốc. Tiếc rằng sự quyết định đưa dân tộc Kinh lên làm vai chủ động của Nha Đặc Trách Thượng Vụ vừa mới thành lập chỉ làm cho dân tộc thiểu số càng không tin vào chính sách của Sài Gòn đối với Tây Nguyên nữa¹³.

Tiếp theo sắc lệnh ấy, Nguyễn Khánh có một cuộc đàm thoại ngày 9 tháng 5 năm 1964 tại Sài Gòn với những đại diện Tây Nguyên. Trong cuộc gặp gỡ này, phái đoàn Tây Nguyên đưa ra yêu sách:

1. Thiết lập một qui chế đặc biệt dành cho dân tộc Tây Nguyên tương đương với qui chế Hoàng Triều Cương Thổ của hoàng đế Bảo Đại.

¹¹ Tài liệu Fulro: 3-64.

¹² Tài liệu Fulro: 4-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 94.

¹³ Gerald C. Hickey, 1982b: 95.

Tình hình năm 1964-1969

2. Tăng sĩ số công chức và quân nhân Tây Nguyên trong các sự vụ hành chính và quân sự Việt Nam.
3. Tái lập những toà án phong tục cho người Tây Nguyên.
4. Công nhận quyền sở hữu đất đai của dân tộc Tây Nguyên¹⁴.

Tháng 6 năm 1964 là năm đánh dấu một khúc quanh mới trong tổ chức Bajaraka. Y Thih Eban buộc phải rời trại lính Buôn Sarpa để nhậm chức phó tỉnh trưởng tỉnh Lâm Đồng. Trước khi lên đường, ông ta giao quyền điều khiển Bajaraka cho Y Dơn Adrông tại trại lính này. Một vài ngày sau, Y Dơn Adrông (Rađê), Y Nhuin Hdok (Rađê) và trung úy Y Nham Eban (Rađê) tham gia phiên họp với hai nhân vật chính của Fulro, đó là đại tá Lès Kosem và đại tá Um Savuth (Khmer Krom) tại biên giới Việt-Khờ Me¹⁵. Trong cuộc bàn thảo này, Lès Kosem giải thích rằng Bajaraka phải đảm trách sứ mạng lịch sử của mình, đó là giải phóng Tây Nguyên, được xem như là một khu vực quan trọng trong lãnh thổ cũ của vương quốc Champa. Theo Lès Kosem, dân tộc Tây Nguyên không nên tập trung mọi nỗ lực vào đấu tranh nhằm van xin chế độ Sài Gòn ban cho họ một vài quyền lợi xã hội, vì mục tiêu đó không đem lại sự ủng hộ chính trị của nước ngoài. Mặt khác, dân tộc Tây Nguyên hôm nay hôm nay là thần dân của vương quốc Champa trước kia, chính vì thế ông ta kêu gọi phong trào Bajaraka nên tham gia vào Mặt Trận Giải Phóng Champa, là một trong những tổ chức liên minh của mặt trận Fulro¹⁶.

Qua sự gặp gỡ ấy, phái đoàn Bajaraka do Y Dơn Adrông hướng dẫn chấp nhận đề nghị của Lès Kosem là tổ chức

¹⁴ Gerald C. Hickey, 1982b: 95.

¹⁵ Tài liệu Fulro: 6-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 98.

¹⁶ Tài liệu Fulro: 6-64.

Bajarakā sẽ chiến đấu dưới ngọn cờ chung của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro. Sau cùng, Y Dhor Adrong, Lès Kosem và Um Savuth phát hoạ bản thảo đầu tiên hiệu kỳ của tổ chức liên minh đấu tranh mang tên là Fulro. Hiệu kỳ Fulro gồm ba băng ngang màu xanh da trời, đỏ và xanh lá cây, biểu tượng cho ba mặt trận: Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Krom, Mặt Trận Giải Phóng Champa, Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Phía Bắc. Trên băng giữa màu đỏ là ba ngôi sao màu trắng biểu hiện cho sự đoàn kết của 3 dân tộc: Khờ Me, Tây Nguyên và Chăm (xem hình ở bìa cuối)¹⁷.

Ngày 25 tháng 8 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh tổ chức tại DaLat hội nghị lần thứ hai về dân tộc thiểu số nhằm nghiên cứu lại những nguyện vọng của người Tây Nguyên và Chăm miền trung Việt Nam. Vào cuối tháng 8 năm 1964, tướng Nguyễn Hữu Cốc, tư lệnh quân đoàn II tại Pleiku, tiếp đón một phái đoàn Tây Nguyên khác do ông Y Bham Enuôl hướng dẫn gồm có các ông Paul Nư, Y Dhé Adrong, Y Chôn Mlô Duôn Du, Touneh Hàn Thọ, v.v. Một lần nữa, người Tây Nguyên đòi hỏi tái lập qui chế tương tự như qui chế Hoàng triều cương thổ trên Cao Nguyên. Nhưng chính quyền Sài Gòn từ chối yêu sách này¹⁸.

Trong cuộc họp của Hội Đồng Tối Cao Fulro tại Phnom-Pênh vào cuối tháng 8 năm 1964, Lès Kosem chứng minh rằng tất cả những hội nghị do chế độ Sài Gòn tổ chức với người Tây Nguyên từ đầu năm 1964 đến nay chỉ là một chiến lược chính trị nhằm ru ngủ dân tộc thiểu số chứ không phải là một thiện chí giải quyết nguyện vọng và yêu sách của người Tây Nguyên. Theo Lès Kosem, chính quyền Sài Gòn chỉ cứu xét những yêu sách của dân tộc Champa và trở lại bàn hội nghị để giải quyết vấn đề thiểu số ở miền trung Việt Nam, khi nào dân tộc

¹⁷ Tài liệu Fulro: 6-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 97.

¹⁸ Gerald C. Hickey, 1982b: 99.

Tình hình năm 1964-1969

Champa chấp nhận vùng dậy đấu tranh vũ trang. Đối với Lès Kosem, chiến tranh không phải là một mục đích nhưng là một phương tiện buộc chế độ Sài Gòn trả lời cho các yêu sách của các dân tộc bị họ áp bức. Chính vì thế, Lès Kosem quyết định thành lập lực lượng vũ trang chống lại chính quyền Việt Nam¹⁹.

Ngày 19 tháng 9 năm 1964, sau khi quyết định đặt tổng hành dinh chiến đấu tại đồn lính Le Rolland nằm ngay trên biên giới Khờ Me-Việt, đại tá Lès Kosem, đại tá Um Savuth và Y Dươn Adrơng ra lệnh cho lực lượng vũ trang của Fulro vùng dậy²⁰. Trại lính Buon Sarpa của chế độ Sài Gòn nằm ở phía tây nam Ban Mê Thuột là cứ điểm quân sự đầu tiên mà lực lượng vũ trang Fulro đã chọn trong dự án quân sự để đánh dấu ngày ra đời của mặt trận Fulro. Lúc 10 giờ ngày 19 tháng 9, thừa lệnh của đại tá Lès Kosem, đại diện cho tổ chức Fulro trong trại Buon Sarpa thông báo với đại úy Charles Darnell, chỉ huy binh lính Mỹ đóng tại trại lính này: Fulro sẽ tấn công đồn Sarpa trong đêm nay, nhưng không nhắm vào lực lượng Hoa Kỳ²¹.

Đúng một giờ sáng ngày 20 tháng 9 năm 1964, Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro bắn tia đạn đầu tiên nhằm báo hiệu sự vùng dậy của tổ chức này trên toàn khu vực cao nguyên miền trung Việt Nam. Chỉ cần một vài giờ sau đó, lực lượng Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro đã làm chủ tình hình trại lính Buon Sarpa, loại ra khỏi chiến trường hầu hết binh lính Sài Gòn có mặt ở trại và bắt sáu người Mỹ làm tù binh. Y Dươn Adrơng đứng dậy phất cờ Fulro và đọc bản tuyên cáo trước tù binh Việt Nam và Mỹ với nội dung như sau: Mặt trận Fulro

¹⁹ Tài liệu Fulro: 8-64.

²⁰ Theo Charles Meyer (1971: 269), cuộc vùng dậy ở Buon Sarpa đã được chuẩn bị từ lâu và có sự yểm trợ của thống tướng Lon Nol, lúc đó là thủ tướng Campuchia.

²¹ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Vĩnh Lộc, 1965: 34 và Gerald C. Hickey, 1982b: 99.

cương quyết giải phóng Kapuchea Krom và Champa ra khỏi ách thống trị của Việt Nam. Bản tuyên cáo chính thức này được ba vị lãnh đạo Fulro ký tên, đó là Châu Dara nhân danh dân tộc Khờ Me, Y Bham Enuôl nhân danh dân tộc Tây Nguyên và Pô Nagar (biệt hiệu của Lès Kosem) nhân danh dân tộc Chăm²².

Cùng một lúc vào ngày 20 tháng 9 năm 1964, lực lượng Fulro tấn công trại lính Bu Prang, Ban Đôn, Buôn Mi Ga và Buôn Brieng thuộc tỉnh Darlac²³. Vào lúc 7 giờ cùng ngày, lực lượng của mặt trận này tiến về Ban Mê Thuột chiếm đài phát thanh để phổ biến những yêu sách của họ. Một đơn vị khác đến tư gia của Y Bham Enuôl để đưa ông ta đến trại Le Rolland gặp đại tá Lès Kosem²⁴.

Một khi làm chủ tình hình ở Ban Mê Thuột, lực lượng Fulro phổ biến truyền đơn mang chữ ký của ba vị lãnh đạo: Châu Dara, Y Bham và Pô Nagar (Lès Kosem), yêu cầu chế độ Sài Gòn phải thực thi một số yêu sách như sau:

1. Chấp nhận có một số ghế bộ trưởng gốc dân tộc thiểu số trong nội các chính phủ ở Sài Gòn.
2. Chấm dứt sự thuyên chuyển những công chức và binh lính Tây Nguyên đến các vùng duyên hải.
- 3- Áp dụng chính sách bình đẳng giữa dân tộc thiểu số và người Việt.

²² Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Jean Lartéguy, 1965: 155; N. C. La Brie, 1971: 77 và Gerald C. Hickey, 1982b: 99-100; 2002 :153.

²³ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Howard Sochurek, 1965: 38-65; Vĩnh Lộc, 1965: 54 và N. C. La Brie, 1971: 77.

²⁴ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi B. Fall, 1966: 196; Kuno Knoebl, 1967: 195; N. C. La Brie, 1971: 77-79 và Gerald C. Hickey, 1982b: 101-10.

Tướng Vĩnh Lộc (1965: 53-54) và Nguyễn Trắc Dĩ (1969a: 20) cho rằng Fulro vùng dậy giết nhiều binh lính người Việt ở trại Buôn Sarpa. Sau khi chiếm Ban Mê Thuột, tổ chức này bắt Y Bham Enuôl đưa sang Kampuchea. Theo Vĩnh Lộc, sự vùng dậy của Fulro có sự hỗ trợ của Việt Cộng.

Tình hình năm 1964-1969

4- Trao trả lại cho các dân thiểu số những đất đai của họ mà người Kinh xâm chiếm²⁵.

Ngày 20 tháng 9 năm 1964, George Tanham, nhân viên Rand Corporation tức là tổ chức đội hình của cơ quan tình báo Mỹ, gặp Maxwell Taylor, đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, có sự hiện diện của tướng William Westmoreland, tổng tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam, để báo cáo về sự nổi dậy của lực lượng Fulro tại Buôn Sarpa, nhất là tình hình tù binh người Mỹ bị Fulro bắt làm con tin²⁶.

Ngày 21 tháng 9 năm 1964, Ban Mê Thuột trở thành một nghĩa địa vắng bóng người. Tất cả cư dân người Kinh không ai dám ra đường phố vì sợ những người Tây Nguyên trả thù và rất lo âu cho tương lai của họ sau vụ nổi dậy này²⁷. Cùng trong thời gian đó, đại tá John Freund, cố vấn quân đoàn II Việt Nam ở Pleiku, tình nguyện đến Buôn Sarpa để giải quyết sự khủng hoảng này và cứu nguy cho những tù binh Hoa Kỳ. Từ tổng hành dinh ở biên giới Khờ Me-Việt, Lès Kosem gửi một bức thư cho John Freund để thông báo rằng Fulro sẵn sàng rút quân và trả tự do cho các tù binh Mỹ với điều kiện là tất cả cư dân người Kinh phải rời khỏi khu vực Tây Nguyên. Đại tá John Freund trả lời là ông ta không có thẩm quyền để trả lời cho những yêu sách đó. Thế là Lès Kosem ra lệnh bắt giữ luôn đại tá John Freund để làm con tin cho đến khi nào quân đội Mỹ giải quyết những yêu sách của Fulro²⁸. Tài liệu Fulro cũng đề cập đến việc Lès Kosem yêu cầu quân đội Mỹ chấp thuận cho lực lượng Fulro thành lập “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zone

²⁵ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 102, Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 21 và Vĩnh Lộc, 1965: 58.

²⁶ Gerald C. Hickey, 1982b: 102.

²⁷ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 103.

²⁸ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 103, 105; 2002: 157.

Tình hình năm 1964-1969

militaires exclusives)²⁹ trên lãnh thổ miền trung Việt Nam, tiếp tế lương thực và súng đạn cho Fulro. Đó là yêu sách của Fulro mà quân đội Hoa Kỳ phải thỏa thuận để tù binh Mỹ được trả tự do³⁰.

Tại Sài Gòn, chính quyền Việt Nam bày tỏ sự phẫn nộ về cuộc vùng dậy của Fulro ở Tây Nguyên. Thủ tướng Nguyễn Khánh là nhà lãnh đạo Việt Nam đầu tiên lên tiếng tố cáo có sự nhúng tay của quân đội Mỹ trong biến cố này và hăm dọa dùng vũ lực để dập tắt quân phiến loạn nếu Fulro không rút lực lượng ra khỏi Tây Nguyên trong một thời gian đã ấn định³¹.

Từ tổng hành dinh ở Le Rolland tại biên giới, Lès Kosem ra lệnh lực lượng Fulro phải cảnh giác về sự hăm dọa của thủ tướng Nguyễn Khánh và tuyên bố rằng nếu chế độ Sài Gòn tấn công đơn vị Fulro, ông ta sẽ ra lệnh xử tử tức khắc tất cả những tù binh Hoa Kỳ và Việt Nam³². Trước sự hăm dọa đó, tướng William Westmoreland, tổng tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam, yêu cầu tướng Nguyễn Hữu Cốc, tư lệnh quân đoàn II tại Pleiku, không nên sử dụng vũ lực để giải quyết vấn đề Fulro. Theo William Westmoreland, dùng giải pháp quân sự chỉ gây thêm nguy cơ cho tính mạng của tù binh Mỹ ở trại lính Buôn Sarpa³³.

Ngày 22 tháng 9 năm 1964 một hội đàm giữa Maxwell Taylor, đại sứ Hoa Kỳ, tướng William Westmoreland có sự hiện diện của một số sĩ quan Mỹ đã diễn ra tại Sài Gòn để đánh giá tình hình tù binh Mỹ tại Buôn Sarpa và cứu xét những yêu sách của Fulro. Qua hội đàm ấy, người Mỹ nghĩ rằng những điều

²⁹ “Khu quân sự bất khả xâm phạm” tức là mật khu có ranh giới bất khả xâm phạm, trong đó Fulro đặt tổng hành dinh lực lượng vũ trang của tổ chức này.

³⁰ Tài liệu Fulro: 9-64.

³¹ Gerald C. Hickey, 1964: 103.

³² Tài liệu Fulro: 9-64.

³³ Gerald C. Hickey, 1982b: 103.

kiện của Fulro đưa ra có thể giải quyết bằng con đường thương thuyết³⁴.

Cùng lúc đó, những tướng lãnh Việt Nam, nhất là tướng Nguyễn Hữu Cồ, tư lệnh quân đoàn II, tố cáo quân đội Mỹ nhúng tay trong sự nổi dậy của Fulro. Theo tướng Nguyễn Hữu Cồ, người Mỹ thành lập “lực lượng đặc biệt” (spécial forces) nhằm huấn luyện đội ngũ vũ trang dành cho dân tộc thiểu số. Chính các “lực lượng đặc biệt” ấy là những đơn vị đã góp tay vào sự nổi dậy của Fulro ở Buon Sarpa. Chính vì thế, quân đội Mỹ từ chối đàn áp lực lượng phản động Fulro³⁵.

Ngày 22 tháng 9, thành phố Ban Mê Thuột vẫn ở trong tình trạng “chấn động” bởi cuộc nổi dậy của Fulro. Cư dân Việt đang sống trong sự lo và âu sợ sệt vì sợ bị trả thù. Để trấn áp dân chúng, tướng Nguyễn Hữu Cồ ra lệnh cho lực lượng không quân phải áp dụng tình trạng báo động thường trực để chuẩn bị tấn công những đoàn quân Fulro bất cứ lúc nào³⁶.

Cũng trong ngày 22 tháng 9 năm 1964, đại tá Lès Kosem yêu cầu thủ tướng chính phủ Sài Gòn đề cử tướng Lê Văn Kim và tướng Tôn Thất Đính mà ông ta từng quen biết trong những khóa quân sự ở Pháp, như là người trung gian để giải quyết những khủng hoảng này. Tiếc rằng, hai nhà lãnh đạo quân sự này đang bị giam giữ lỏng tại DaLat sau ngày đảo chánh 22-1-1964 mà trung tướng Nguyễn Khánh đã tổ chức³⁷.

Ngày 23 tháng 9 năm 1964, tướng Richard Depuy, tư lệnh của “Opération Switchback” trên Cao Nguyên, đến ban Mê Thuột để xem xét sự diễn biến ở Buon Sarpa. Theo Richard Depuy, tình hình vẫn còn có lối thoát, bởi vì đại tá Lès Kosem và Y Bham Enuôl vẫn nghiêng về giải pháp thương thuyết.

³⁴ Gerald C. Hickey, 1982b: 103.

³⁵ Gerald C. Hickey, 1982b: 104.

³⁶ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 104.

³⁷ Tài liệu Fulro: 9-64.

Tình hình năm 1964-1969

Dựa vào sự phân tích của chuyên viên Mỹ đặc trách về chính trị, Richard Dupuy đưa ra giải pháp đó là trước khi tổ chức cuộc thương thuyết với Fulro, mặt trận này phải chấp nhận một điều tiên quyết là cho phép đại tá Freund hiện đang giam giữ ở Buon Sarpa được quyền tiếp xúc bằng điện thoại với nhà lãnh đạo quân đội Mỹ ở Ban Mê Thuột và chấp nhận một tù binh Mỹ về Ban Mê Thuột bằng máy bay trực thăng hầu chứng minh là Đại tá Freund vẫn còn sống³⁸.

Trong biến cố này, tài liệu Fulro đưa ra quan điểm khác hơn. Theo tài liệu này, Lès Kosem chỉ thả những tù binh Mỹ khi nào quân đội Hoa Kỳ chấp nhận cho lực lượng Fulro có mặt tại Việt Nam được quyền thành lập “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zone militaires exclusives) và tiếp tế lương thực và súng đạn cho mặt trận này. Tướng Richard Dupuy chấp nhận đề nghị ấy³⁹.

Sài Gòn né tránh đụng độ với Fulro

Ngày 24 tháng 9 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh đi Pleiku để thảo luận với các vị chỉ huy quân đoàn II về tình hình Cao Nguyên. Ngay lúc đến nơi, ông ta liền tuyên bố là sự hiện diện của ông ta trong thành phố này chứng tỏ rõ sự kiên nhẫn và thái độ ôn hòa của ông ta đối với những người “Thượng phần động”. Ông ta nói thêm là thể theo đề nghị của đại tá Lès Kosem ngày 22 tháng 9 năm 1964, ông ta sẵn sàng cho phép tướng Lê Văn Kim và Tôn Thất Đính sẽ đến Ban Mê Thuột ngay chiều cùng ngày để đàm phán với Fulro⁴⁰.

Chiều 24 tháng 9 năm 1964, tướng Richard Dupuy gặp hai tướng lãnh Việt Nam là Lê Văn Kim và Tôn Thất Đính vừa

³⁸ Gerald C. Hickey, 1982b: 105.

³⁹ Tài liệu Fulro: 9-64.

⁴⁰ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 105.

từ DaLat đến. Trong sự gặp gỡ ấy, cả ba tướng lãnh quyết định đề nghị với chính phủ Sài Gòn tổ chức một hội nghị tập trung đại diện của mỗi sắc tộc và những đại biểu Fulro nhằm nghiên cứu những nguyện vọng thật sự của các dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam. Trong trường hợp mà mặt trận Fulro từ khước không tham dự hội nghị, chính quyền Sài Gòn sẽ có những biện pháp để đàn áp nhóm phản động này. Sau phiên họp với tướng Richard Dupuy, tướng Lê Văn Kim điện thoại cho thủ tướng Nguyễn Khánh ở DaLat để tướng trình lại lời đề nghị ấy. Nguyễn Khánh đồng ý sẽ tổ chức một hội nghị các sắc dân thiểu số nhưng ngày tháng chưa quyết định⁴¹.

Trong công văn đề ngày 26 tháng 9 năm 1964 gửi đến thủ tướng Nguyễn Khánh, Y Bham Enuôl phản đối sự im lặng của chính quyền Sài Gòn về những yêu sách của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro đã đưa ra ngày 20 tháng 9 năm 1964 cũng như dự án tổ chức một hội nghị dân tộc thiểu số. Y Bham Enuôl nói thêm rằng Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro sẽ tham dự hội nghị đó với điều kiện là những cư dân người Kinh phải rời khỏi khu vực Cao Nguyên⁴².

Cùng ngày 26 tháng 9 năm 1964, tướng Lê Văn Kim từ chức khỏi ủy ban đặc trách thương thuyết với Fulro mà không đưa ra một lời giải thích. Sau đó, thủ tướng Nguyễn Khánh đáp máy bay sang Ban Mê Thuột. Ngay lúc đến, ông bác bỏ kế hoạch giải phóng tù binh Mỹ mà tướng Richard Dupuy đã đề nghị ngày 23-9-1964. Ông ta khẳng định rằng chính quyền Việt Nam sẽ sử dụng vũ lực để trấn áp nhóm phản động Fulro và không bao giờ triệu tập hội nghị dân tộc thiểu số mà người Mỹ mong muốn. Ông ta cũng nhắc lại rằng chính quyền Sài Gòn

⁴¹ Gerald C. Hickey, 1982b: 105.

⁴² Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 105.

Tình hình năm 1964-1969

không bao giờ nhường bộ Fulro nếu tổ chức này không trao trả tù binh Việt Nam và Mỹ bị bắt ở Buon Sarpa⁴³.

Sự thoả thuận giữa Fulro và quân đội Mỹ

Ngày 26-9-1964, đại tá Les Kosem có tiếp xúc với đại tá John Freund, tù binh Mỹ tại Buôn Sarpa và cho phép ông ta liên lạc bằng điện thoại, vào buổi chiều cùng ngày, với tướng Richard Dupuy để báo tin là ông ta vẫn khỏe mạnh nhưng rất lo âu về số phận của những lính Mỹ khác bị Fulro bắt giam sau khi thủ tướng Nguyễn Khánh hăm dọa sẽ tấn công trại này vào lúc 9 giờ sáng ngày 27 tháng 9 năm 1964. Ông ta cho biết, điều kiện thả tù binh Mỹ, theo Les Kosem, hoàn toàn tùy thuộc vào một điểm cốt yếu đó là quân đội Mỹ phải chấp thuận để cho Fulro thành lập “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zone militaires exclusives) trên lãnh thổ Việt Nam⁴⁴.

Sau khi nhận được thông tin từ Đại tá John Freund, tướng Richard Dupuy rất bức tức về sự hăm dọa của thủ tướng Nguyễn Khánh và bày tỏ sự chống đối của ông ta trong việc sử dụng giải pháp quân sự chống lại Fulro tại Buôn Sarpa. Theo tướng Richard Dupuy, một hành động như vậy sẽ gây nguy nan cho sự sống còn của tù binh Mỹ trong trại này, vì Fulro sẽ không lùi bước trước vũ lực. Nhưng tướng Richard Dupuy vẫn còn phân vân có chăng sự hăm dọa của thủ tướng Nguyễn Khánh chỉ là một chiến lược nhằm ngăn chặn sự nhúng tay của quân đội Mỹ trong tổ chức của Fulro⁴⁵.

Ngày hôm sau, 27-9-1964, tướng Richard Dupuy đề nghị kế hoạch giải phóng tù binh Mỹ. Ông ta quyết định đích thân đến Buôn Sarpa để giải quyết trực tiếp cuộc khủng hoảng này.

⁴³ Gerald C. Hickey, 1982b: 105.

⁴⁴ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 106-107.

⁴⁵ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 106-107.

Tình hình năm 1964-1969

Ông ta báo tin cho thủ tướng Nguyễn Khánh biết sự việc trên và được thủ tướng đồng thuận. Còn về đại tá Lès Kosem, ông ta rất hoan hô sự có mặt của tướng Richard Dupuy ở Buôn Sarpa để tạo thuận lợi cho sự đàm phán.

Đúng 7 giờ 46, ngày 17-9-1964, trực thăng của tướng Richard Dupuy và thiếu tá Touprong Ya Ba (Churu), hạ cánh tại Buôn Sarpa. Ngay khi đến nơi, tướng Richard Dupuy tuyên bố là quân đội Mỹ hứa sẽ làm tất cả những gì trong khả năng và thẩm quyền của họ để giải quyết các yêu sách của Fulro và cố gắng thuyết phục chính quyền Sài Gòn chấp nhận giải quyết những yêu sách đó bằng con đường thương thuyết⁴⁶.

Theo tài liệu Fulro, tướng Richard Dupuy nói với Lès Kosem rằng ông ta sẽ quan tâm đến những yêu sách mà dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam đã đưa ra và nhất là tạo điều kiện để hình thành “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zone militaires exclusives) cho lực lượng Fulro tại Việt Nam. Dựa trên lời hứa này, Lès Kosem ra lệnh cho Y Dơn Adrông trả tự do cho tù binh Mỹ và rút quân khoảng 2.000 người ra khỏi đồn Sarpa để di chuyển về tổng hành dinh Fulro (P.C) ở Mondulkiri, Kampuchea⁴⁷.

Sài Gòn chấp thuận những yêu sách của Fulro

Ngày 2-10-1964, thủ tướng Nguyễn Khánh mở phiên họp với một số nhà lãnh đạo cao cấp Việt Nam trong dinh của ông ta tại Sài Gòn⁴⁸. Trong dịp này, ông ta đưa ra ba nhận định liên quan đến biến cố Sarpa vào ngày 20 tháng 9 năm 1964:

⁴⁶ Tài liệu Fulro: 9-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 106-107; M. A. Jaspán, 1970: 170-176 và Wilfred Burchett, 1970: 132-134.

⁴⁷ Tài liệu Fulro: 9-64.

⁴⁸ Gerald C. Hickey, 1982b: 110.

Tình hình năm 1964-1969

1. Sự vùng dậy của Fulro có sự yểm trợ của quân đội Mỹ, bởi vì những thành viên tham gia vào biến cố này là những người “Thượng” và người “Chăm” thuộc “lực lượng đặc biệt” (Special Forces) của Mỹ được CIA thành lập vào năm 1963 và có sĩ số khoảng 20.000 quân gốc dân tộc thiểu số.

2. Mặt Trận Giải Phóng Champa, một trong những tổ chức liên minh của Fulro mà người sáng lập là Lès Kosem được vương quốc Kampuchea yểm trợ về mặt chính trị lẫn quân sự. Mặt trận này không thoát khỏi sự nhúng tay của Việt Cộng, hiện rất tích cực ở xứ Khờ Me.

3. Sự đề cử Y Bham Enuôl gốc Radê vào ghế chủ tịch Mặt trận giải phóng Champa-Fulro chứng tỏ là người Chăm đang dựa vào dân tộc Tây Nguyên để giải phóng lãnh thổ Champa cũ. Bằng cách dựa vào yếu tố lịch sử, Mặt trận giải phóng Champa-Fulro có thể thuyết phục được dư luận quốc tế kết tội Việt Nam đã xâm chiếm lãnh thổ của vương quốc này⁴⁹.

Rất ý thức về nguy cơ chính trị mà Mặt trận giải phóng Champa-Fulro đã đề xướng, thủ tướng Nguyễn Khánh yêu cầu các cấp lãnh đạo Việt Nam phải tìm cách giải thích cho người “Thượng” biết rằng dân tộc Tây Nguyên không có sự liên hệ lịch sử gì với sắc dân Chăm, hay nói một cách khác Champa là vương quốc của người Chăm. Chính vì thế mà chính phủ Sài Gòn không bao giờ công nhận Mặt trận giải phóng Champ nhưng chỉ công nhận “Fulro” mà thôi, một tổ chức có mục tiêu bảo vệ quyền lợi dân tộc cao nguyên chứ phải đòi quyền độc lập ở khu vực này. Ông ta chỉ thị phải thuyết phục người “Thượng” không nên theo gót chân Y Bham Enuôl, nhân vật được xem là nhà lãnh đạo bù nhìn do ông Lès Kosem tạo dựng để bảo vệ quyền lợi cho dân tộc Chăm mà thôi⁵⁰.

⁴⁹ Tài liệu Fulro: 10-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey 1982b: 110.

⁵⁰ Tài liệu Fulro: 10-64.

Tình hình năm 1964-1969

Ngày 5 tháng 10 năm 1964, tại Hoa Kỳ, George Ball, thứ trưởng Bộ ngoại giao đệ trình bản báo cáo cho ông Dean Rusk, bộ trưởng Bộ Ngoại Giao Mỹ và ông Robert MacNamara, bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Bản báo cáo cho rằng biến cố Sarpa ngày 20 tháng 9 năm 1964 đã đưa tình hình chính trị ở Việt Nam vào một khúc quanh mới, vì chế độ Sài Gòn phải đối đầu với hai đối tượng ở Cao nguyên, đó là Việt Cộng và Fulro⁵¹.

Ngày 15 tháng 10 năm 1964, dưới sự áp lực của tướng Richard Dupuy muốn giữ lời hứa mà ông ta đã tuyên bố với đại tá Les Kosem vào ngày 27-9-1964 tại Buôn Sarpa, chính quyền Sài Gòn tổ chức một hội nghị tại Pleiku để bàn về vấn đề dân tộc thiểu số. Thành phần tham dự hội nghị gồm có phái đoàn của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro và 80 đại diện của các dân tộc thiểu số ở trung phần Việt Nam, không kể đến các thành viên cũ của Bajaraka, như Paul Nưt (Bana), Nay Luett (Jarai), Touprong Hiou (Churu), Touprong YaBa (Churu), v.v. Hội nghị này đặt dưới quyền chủ tọa của tướng Nguyễn Hữu Cốc, tư lệnh quân đoàn II. Lợi dụng dịp này, chính quyền Sài Gòn kêu gọi quần chúng hô hào khẩu hiệu: “Kinh Thượng đoàn kết để chống chủ thuyết Việt Nam trung lập, chống cộng sản và chống sự nhúng tay của nước ngoài vào nội bộ của Việt Nam”. Đây là bích chương ám chỉ nước Kampuchea láng giềng, nơi mà lực lượng Fulro chọn làm hậu cứ đấu tranh vũ trang và ám chỉ chính sách trung lập Đông Dương do cộng hòa Pháp đề xướng⁵².

Trong hội nghị này, phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro yêu cầu chính quyền Sài Gòn phải giải quyết yêu sách gồm 8 điểm như sau:

⁵¹ George W. Ball, 1972: 36-50.

⁵² Tài liệu Fulro: 10-65. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1967: 111; N. C. La Brie, 1971: 82 và Vĩnh Lộc, 1965: 60.

Tình hình năm 1964-1969

1. Thiết lập trên Cao Nguyên một qui chế tương tự như qui chế Hoàng triều cương thổ trước đây.
2. Tuyệt đối tôn trọng phong tục, tập quán, tín ngưỡng của dân tộc thiểu số.
3. Tăng cường quân nhân và công chức gốc dân tộc thiểu số trong tổ chức hành chính và quân sự Việt Nam.
4. Công nhận quyền sở hữu đất đai của dân tộc thiểu số và tái lập toà án phong tục.
5. Dạy tiếng dân tộc trong các trường tiểu học.
6. Thiết lập chế độ ưu đãi dành cho con em dân tộc thiểu số trong các trường chuyên môn.
7. Chấp nhận dân tộc thiểu số quyền được nhận viện trợ nước ngoài.
8. Chấp nhận dân tộc thiểu số có quyền thành lập một quân đội riêng⁵³.

Ngày 16 tháng 10 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh đến Pleiku để làm lễ bế mạc hội nghị. Nhân dịp này, ông ta đưa ra ba quyết định sau đây:

1. Chính quyền Sài Gòn sẵn sàng chấp nhận sáu điểm đầu trong yêu sách của Fulro đòi hỏi, nhưng từ chối hai điểm cuối cùng, đó là quyền nhận viện trợ nước ngoài và thành lập quân đội riêng.
2. Kể từ ngày hôm nay, Nha Đặc Trách Thượng Vụ không lệ thuộc vào Bộ Quốc Phòng nữa mà là đặt dưới quyền điều hành của văn phòng thủ tướng chính phủ. Trung tá Touprong Ya Ba (Churu) được đề cử làm giám đốc cơ quan này.
3. Sẽ thành lập một trung tâm đào tạo dành cho cán bộ người “Thượng” và một trường quân sự cho các con em binh sĩ của dân tộc thiểu số⁵⁴

⁵³ Tài liệu Fulro; 10-74. Được xác nhận bởi Vĩnh Lộc, 1965: 60.

Tình hình năm 1964-1969

Ban chấp hành mới của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro

Ngày 17-10-1964, Hội Đồng Tối Cao Fulro mở hội nghị tại Phnom-Pênh để bầu ban lãnh đạo mới của Mặt trận giải phóng Champa-Fulro. Y Bham Enuôl được đề cử làm chủ tịch của tổ chức này; Y Dơng Ađrông (Rađê), đệ nhất phó chủ tịch; Y Dhé Ađrông (Rađê), Y Ju Eban (Rađê), Y Wick Buôn Ya (Rađê) và vài nhân vật gốc Chăm là thành viên của ban lãnh đạo trung ương⁵⁵.

Ban lãnh đạo mới của Mặt trận giải phóng Champa-Fulro đặt dưới quyền điều hành của Bham Enuôl (Rađê) và văn phòng thường trực của tổ chức này đặt tại Phnom-Pênh càng đưa chính quyền Sài Gòn vào thế khó khăn để giải quyết vấn đề đấu tranh của dân tộc thiểu số, trong khi đó Nguyễn Khánh phải đương đầu hàng ngày với những cuộc biểu tình chống chính phủ Sài Gòn của phật tử Việt Nam⁵⁶.

Thành lập phong trào đoàn kết quốc gia độc lập.

Vào tháng 11 năm 1964, Y Thih Eban, thành viên cũ của Bajaraka, đứng ra phê bình gây gắt sự vùng dậy của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro vào ngày 20 tháng 9 năm 1964 ở Buôn Sarpa và tố cáo người Chăm lợi dụng người “Thuợng” để phục vụ cho mưu đồ chính trị của hoàng thân Norodom Sihanouk. Y Thih Eban viết một văn thư cho ông Y Bham Enuôl kêu gọi ông ta về hợp tác với chính quyền Việt Nam để lãnh

⁵⁴ Tài liệu Fulro: 10-64. Được xác nhận bởi Vinh Lộc, 1965: 60; Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 21; N. C. La Brie, 1971: 80-82; Gerald C. Hickey, 1982b: 112.

⁵⁵ Le Haut-Comité 1964: 12; Front de Libération, 1965: 2-21, Gerald C. Hickey, 1982b: 108-109.

⁵⁶ Gerald C. Hickey, 1982b: 108-109

Tình hình năm 1964-1969

đạo một tổ chức mới mang tên là Phong Trào Đoàn Kết Quốc Gia Độc Lập (Union des Mouvements pour l'Indépendance Nationale)⁵⁷.

Sự ra đời của Phong Trào Đoàn Kết Quốc Gia Độc Lập đã phân chia dân tộc thiểu số miền trung Việt Nam thành 3 lực lượng chính trị dựa vào sự ủng hộ của 3 quốc gia láng giềng:

– Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro đặt dưới sự điều khiển của Lès Kosem (Chăm) và Y Bham Enuôl (Rađê), được chính quyền Kampuchea yểm trợ.

– Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị do Abih Aléo (Rađê) lãnh đạo, do chính quyền Hà Nội thành lập.

– Phong Trào Đoàn Kết Quốc Gia Độc Lập do Y Thih Eban (Rađê) lãnh đạo, nhận hậu thuẫn từ chính quyền Sài Gòn.

Đối với chính quyền Sài Gòn, Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro là phong trào đấu tranh vũ trang nguy hiểm nhất cho sự ổn định chính trị ở miền nam Việt Nam⁵⁸.

Biến cố năm 1965

Đầu năm 1965, một vài vị lãnh đạo Tây Nguyên có lẽ bị ảnh hưởng bởi những lời tuyên truyền của chính quyền Sài Gòn và Y Thih Eban vào cuối năm 1964, bắt đầu đặt lại vấn đề có chăng Champa trước đây chỉ là vương quốc của riêng người Chăm và không có mối liên hệ lịch sử hay văn hóa gì với dân tộc Tây Nguyên cả. Chính vì thế, họ đặt bao câu hỏi với Y Bham Enuôl tại sao tổ chức này chỉ nhằm đấu tranh giải phóng Champa, nhưng đa số chiến sĩ là thành viên gốc Tây Nguyên. Đối với họ, tên gọi Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro đã nói

⁵⁷ Tài liệu Fulro :11-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 112-113.

⁵⁸ Tài liệu Fulro: 11-64.

lên dân tộc “Thượng” và “Cao Nguyên” không có một chỗ đứng trong tổ chức này⁵⁹.

Sau mấy lần suy nghĩ, Y Bham Enuôl đề nghị đổi danh xưng Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro thành Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa hay tốt hơn nữa Mặt Trận Giải Phóng Dega-Cham. (Dega là một từ Radê ám chỉ sắc dân miền núi)⁶⁰. Để giải quyết sự khủng hoảng này, Lès Kosem và Y Bham Enuôl quyết định tên gọi mới của mặt trận là Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, dịch từ tiếng Pháp Front de Libération des Hauts Plateaux du Champa, viết tắt chính thức là FLHPC-Fulro. Mặc dù đã có quyết định về danh xưng mới này, nhưng Y Bham Enuôl vẫn dùng tên gọi Mặt Trận Giải Phóng Dega-Cham trong một số văn thư gửi cho chính quyền Sài Gòn⁶¹.

Sự ra đời của Mặt Trận Giải Phóng Dega-Cham đã đưa Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro vào một khúc quanh mới. Một số thành viên như Y Dơn Adrông, Y Nhuin, Y Bhan Kpơ, Y Nham Eban, Ksor Duôt, Kpa Dơh, vv... là những người gần gũi với Lès Kosem không chấp nhận tên gọi Mặt Trận Giải Phóng Dega-Cham, vì từ “Dega” không có ý nghĩa rõ ràng. Họ cũng tố cáo Y Bham Enuôl là một nhà lãnh đạo thiếu tầm nhìn chính trị⁶².

Mặc dù có một số phản đối quan điểm Y Bham Enuôl, Lès Kosem vẫn dành cho ông ta một sự quan tâm đầy tình huynh đệ và luôn luôn xem Y Bham Enuôl như là một “người anh cả”. Sự tiếp đón nồng hậu vào đầu năm 1965 tại Phnom-Pênh dành cho Y Bham Enuôl và Hội Đồng Tối Cao Fulro của

⁵⁹ Tài liệu Fulro: 1-65.

⁶⁰ Nhiều dân tộc khác ở Tây Nguyên không hiểu thế nào là nghĩa chính xác của ngôn từ Dega.

⁶¹ Tài liệu Fulro: 1-65.

⁶² Tài liệu Fulro: 1-65.

Tình hình năm 1964-1969

ông ta đã chứng tỏ điều đó. Theo Lès Kosem, ông Y Bham Enuôl không có năng khiếu về tổ chức chính trị, nhưng ông ta là một nhân vật có uy tín và ảnh hưởng lớn lao đối với sắc dân Tây Nguyên, một nhà lãnh đạo duy nhất có đủ năng lực để tập trung và thuyết phục dân tộc Tây Nguyên chấp nhận đường hướng của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro. Theo Lès Kosem, cũng nhờ uy tín của Y Bham Enuôl mà mặt trận Fulro đã tập trung được một lực lượng hùng mạnh để đưa tổ chức này vào một chỗ đứng trên bàn cờ chính trị của Việt Nam⁶³.

Đầu năm 1965, Lès Kosem quyết định một chiến lược chính trị mới là tăng cường những hoạt động du kích nhằm tạo nên sự hoang mang trong cộng đồng người Việt định cư sinh sống trên Cao nguyên bằng cách tấn công những xe cộ Việt Nam trên đường nối liền Quảng Đức với DaLat. Ngày 25 tháng 1, một trong những đơn vị Fulro chặn một chiếc xe đò ở cây số 127 và xử tử 9 hành khách người Kinh. Một vài ngày sau đó, một đơn vị khác cũng chặn xe đò giết chết 12 người Kinh, trong đó có 4 công chức và 2 cảnh sát của Sài Gòn trước khi rút về mặt khu ở Kampuchea⁶⁴.

Ngày 15-1-1965, tướng Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Văn Thiệu lật đổ thủ tướng Nguyễn Khánh và thành lập chính phủ mới. Nguyễn Văn Thiệu được đề cử làm chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, và Nguyễn Cao Kỳ, chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương⁶⁵.

Sau ngày đảo chánh ở Sài Gòn, đại tá Lès Kosem họp bộ phận lãnh đạo Fulro để xem xét tình hình sẽ tiếp diễn như thế nào ở Việt Nam và phân tích yếu tố lịch sử liên quan đến tướng Nguyễn Văn Thiệu là nhân vật xuất thân từ Phan Rang,

⁶³ Tài liệu Fulro: 1-65.

⁶⁴ Tài liệu Fulro: 1-64. Được xác nhận bởi Vĩnh Lộc, 1965: 61.

⁶⁵ Dennis J. Duncanson 1966: 349-351.

Tình hình năm 1964-1969

nơi có đông đúc dân cư Chăm, trong khi đó tướng Nguyễn Cao Kỳ thuộc thế hệ di cư từ Bắc Việt⁶⁶.

Tháng 2 năm 1965, hoàng thân Norodom Sihanouk tổ chức tại Phnom-Pênh một Hội Nghị Dân Tộc Đông Dương (Conférence des Peuples Indochinois) dưới khẩu hiệu “hòa bình, độc lập, liên kết” để giải quyết vấn đề chính trị Đông Dương⁶⁷. Trong hội nghị ấy, Y Bham Enuôl, chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro là khách quý của quốc trưởng Kampuchea và của thống tướng Lon Nol, thủ tướng chính phủ. Y Bih Aleo cũng có mặt với tư cách là chủ tịch Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị do Hà Nội thành lập⁶⁸.

Trong diễn văn của mình, Y Bham Enuôl không quên lập lại mối quan hệ lịch sử rất là thân thiện giữa Champa và Kampuchea, hai nạn nhân của chính sách bành trướng Việt nam và nhấn mạnh rằng mục tiêu của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro là giải phóng Champa khỏi ách thống trị của Việt Nam xâm lược. Ông ta nói lên lời biết ơn sâu sắc đối với hoàng thân Norodom Sihanouk về sự hỗ trợ chính trị và tinh thần mà hoàng thân đã dành cho Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro. Ông ta cũng bày tỏ sự hân hạnh được một nước láng giềng, Kampuchea, mời tham dự hội nghị một cách chính thức để nêu ra những nguyện vọng của dân tộc Tây Nguyên và Chăm. Sau cùng, ông ta ca tụng những thành tích chiến đấu của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro⁶⁹.

Hội Nghị Dân Tộc Đông Dương là một diễn đàn chính trị quan trọng. Nhân dịp này, Lès Kosem dựa vào cơ hội này để đưa dư luận quốc tế hướng về Mặt Trận Giải Phóng Cao

⁶⁶ Tài liệu Fulro: 2-65.

⁶⁷ Ch. Meyer, 1971: 269-271.

⁶⁸ Tài liệu Fulro: 2-65.

⁶⁹ Tài liệu Fulro: 2-65; Y Bham Enuôl, Discours...15 mars 1965.

Nguyễn Champa-Fulro mà ông ta là người sáng lập viên. Đồng thời sự hiện diện của Y Bham Eneuôl tại Hội Nghị Dân Tộc Đông Dương đã nói lên sự liên hệ chặt chẽ giữa Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro và chính quyền Kampuchea – chẳng hạn như tổng hành dinh Fulro đặt tại Sen Monorom, tỉnh lỵ tỉnh Mondulkiri – và nhất là sự xuất hiện của mặt trận này trên diễn đàn quốc tế⁷⁰.

Đối với tướng Vĩnh Lộc, một nhà lãnh đạo quân sự Sài Gòn đặt trách về hồ sơ Fulro, Hội Nghị Dân Tộc Đông Dương chỉ là một diễn đàn chính trị của hoàng thân Norodom Sihanouk, có sự yểm trợ của Việt Cộng, nhằm giới thiệu Fulro trước dư luận quốc tế. Tướng Vĩnh Lộc nghĩ rằng Kampuchea và Công Hoà Pháp là hai quốc gia yểm trợ trực tiếp cho Fulro, bằng chứng cụ thể đó là chương trình “tiếng nói Fulro” được chính thức loan tin hàng ngày từ 13h00 giờ trên làn sóng của đài phát thanh Kampuchea bằng nhiều thứ tiếng: Pháp, Kampuchea, Bana, Churu, Séđăng, v.v.⁷¹.

Sau Hội Nghị Dân Tộc Đông Dương vào tháng 2 năm 1965, một phiên họp của hội đồng tối cao Fulro đã diễn ra tại Phnom-Pênh để nghiên cứu tình hình chính trị và quân sự ở cao nguyên. Đối với Lès Kosem, cao nguyên trở thành một khu vực chiến lược quân sự mà 4 đối tượng đang tranh dành nhau làm chủ tình hình: chính quyền Sài Gòn, quân đội Mỹ, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro được Kampuchea yểm trợ và Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị do Hà Nội thành lập. Theo Lès Kosem, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro đã trở một đối tượng quân sự quan trọng buộc chính quyền Sài Gòn phải đến bàn hội nghị để thương thuyết. Theo ông ta, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro cần phải tiếp tục làm áp lực với chính quyền Việt Nam bằng cách gieo rắc sự

⁷⁰ Tài liệu Fulro: 2-65. Xem thêm Ch. Meyer, 1971: 270.

⁷¹ Vĩnh Lộc, 1965: 62.

Tình hình năm 1964-1969

xáo trộn trên Cao Nguyên. Nếu chính quyền Sài Gòn từ chối giải quyết yêu sách Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, tổ chức này sẽ kêu gọi các sắc dân Tây Nguyên liên kết với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (Front National de Libération) của Hà Nội⁷².

Gần đúng 1 tháng sau ngày Hội Nghị Dân Tộc Đông Dương, chính quyền Sài Gòn chấp nhận thoả mãn ba yêu sách sau của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro:

- Tạo điều kiện dễ dãi cho các sinh viên và học sinh dân tộc thiểu số vào các trường đặc biệt.
- Thành lập một trường sư phạm tại Ban Mê Thuột cho các sắc dân thiểu số.
- Tái lập các toà án phong tục⁷³.

Vào tháng 3 năm 1965, Y Bih Aleo và Rcom Briu (Jarai) thành viên Hội Đồng Tối Cao của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đến gặp Y Bham Enuôl tại Phnom-Pênh. Trong cuộc gặp gỡ này, Y Bih Aleo tìm cách thuyết phục Y Bham Enuôl gia nhập Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị của Hà Nội. Được Lès Kosem cố vấn, Y Bham Enuôl trả lời cho Y Bih Aleo, bạn học cùng trường và cũng là thành viên cũ của tổ chức Bajaraka, là Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro không có mục tiêu đòi hỏi qui chế tự trị ở Tây Nguyên mà là giải phóng Tây Nguyên ra khỏi ách thống trị của Việt Nam⁷⁴.

Sự gặp gỡ giữa Y Bih Aleo và Y Bham Enuôl đã đưa chính quyền Sài Gòn thay đổi cách nhìn đối với Fulro.

Ngày 29 tháng 4 năm 1965, tướng Nguyễn Cao Kỳ, Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương gửi cho Y Bham Enuôl

⁷² Tài liệu Fulro: 2-65

⁷³ Tài liệu Fulro: 3-65. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 119.

⁷⁴ Tài liệu Fulro: 3-65. Xem thêm Gerald C. Hickey, 1982b: 116.

Tình hình năm 1964-1969

một văn thư khuyến khích sự trở về Việt nam của ông ta. Ngay sau khi trở về, chính quyền Sài Gòn sẽ giao cho ông ta một chức vụ quan trọng trong nội các chính phủ và ban nhiều chức vụ quân sự và hành chánh chánh cho các chiến sĩ khác của Fulro⁷⁵. Trong tác phẩm của ông ta, tướng Vĩnh Lộc xác nhận sự kiện này, nhưng lại nói rằng bức thư đó đã được trao cho Y Bham Enuôl ngày 5 tháng 6 năm 1965 chứ không phải 29 tháng 4 1965⁷⁶.

Ngày 6 tháng 6 năm 1965, trong bức thư trả lời cho Nguyễn Cao Kỳ, Y Bham Enuôl viết rằng ông ta sẵn sàng trở về Việt Nam với điều kiện là chính quyền Sài Gòn phải chấp nhận thoả mãn ba yêu sách sau của Fulro:

1- Chấp nhận Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro có lá cờ riêng.

2- Chấp nhận Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro được quyền được thành lập quân đội riêng với sĩ số là 50.000 người.

3- Tổ chức một hội nghị hòa bình giữa Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro và chính quyền Sài Gòn ở một quốc gia thứ 3, như Thái Lan hoặc Phi Luật Tân⁷⁷.

Theo tướng Vĩnh Lộc, ba yêu sách này của Fulro đã cho thấy rõ thái độ phản động của người “Thượng” thiếu văn minh và gây tổn thương cho chính quyền Việt Nam ở Sài Gòn⁷⁸.

Sau ngày 6 tháng 6 năm 1965, William Beachner, chuyên viên chính trị của toà đại sứ Mỹ và một vài sĩ quan khác của quân đội Mỹ gặp đại diện Mặt Trận Giải Phóng Cao

⁷⁵ Tài liệu Fulro: 4-65. Được xác nhận bởi Alexis U. Johnson, 1965

⁷⁶ Vĩnh Lộc, 1965: 65.

⁷⁷ Tài liệu Fulro: 6-64. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 133.

⁷⁸ Vĩnh Lộc, 1965: 65.

Tình hình năm 1964-1969

Nguyên Champa-Fulro tại Ban Đôn, phía tây Ban Mê Thuột để bàn về yêu sách mà Fulro đã đưa ra ngày 6 tháng 6 năm 1965⁷⁹.

Sài Gòn đứng trước những yêu sách của Fulro

Ngày 8 tháng 5 năm 1965, thủ tướng Cao Bá Quát đệ đơn xin từ chức. Tướng Nguyễn Cao Kỳ, đẩy quyền lực trong tay, cử tướng Nguyễn Hữu Cồ vào chức vụ bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Kể từ đó, chính quyền mới ở Sài Gòn thay đổi chiến lược bằng tái lập lại chính sách thương thuyết với Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro⁸⁰. Thật thế, tướng Nguyễn Cao Kỳ cho rằng sự từ khước giải quyết những yêu sách của Fulro chỉ đưa đẩy khu vực cao nguyên vào bàn tay của cộng sản. Bởi vì đa số quân lính của quân đội Sài Gòn trên Tây Nguyên là những sắc dân “Thượng”. Chỉ cần một quyết định của Fulro, những chiến binh này có thể quay lưng để hợp tác với quân cách mạng (cộng sản)⁸¹.

Để giải quyết vấn đề này, Nguyễn Cao Kỳ lập đường dây liên lạc trực tiếp với Lès Kosem ở Kampuchea hầu trao đổi quan điểm với ông ta về yêu sách mà Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro đòi hỏi. Qua những cuộc tiếp xúc, Nguyễn Cao Kỳ trấn an Lès Kosem về sự nhượng bộ của ông ta đối với Fulro với điều kiện ông ta từ bỏ ý định liên kết với việt cộng⁸².

Mỹ đối phó với yêu sách của Fulro

⁷⁹ Gerald C. Hickey, 1982b: 133.

⁸⁰ Tài liệu Fulro: 6-65. Được xác nhận bởi Dennis J. Duncanson, 1966: 351.

⁸¹ Tài liệu Fulro: 6-65. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 133.

⁸² Tài liệu Fulro: 6-65. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 133.

Tình hình năm 1964-1969

Ngày 16 tháng 7 năm 1965, tướng Vĩnh Lộc, tư lệnh quân đoàn II tại Pleiku, nhận bản báo cáo về cuộc họp bí mật tại tư dinh của William Beachner, nhân viên sứ quán Mỹ ở Ban Mê Thuột giữa 4 đại diện của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro” (Y Sen Niê Kdam, Y Ngô Buôn Ya, Y Preh Buôn Krong, Nay Luett), ông Dorsey Anderson, nhân viên CIA và đại úy người Úc Đại Lợi là Barry Peterson, cố vấn trung tâm đào tạo cán bộ trường sơn ở Tây Nguyên. Trong cuộc họp này, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro yêu cầu người Mỹ phải tôn trọng lời hứa của tướng Richard Dupuy ngày 27-9-1964 ở buôn Sarpa, đã chấp nhận cho Fulro được quyền tổ chức “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zone militaires exclusives)⁸³.

Sau khi nghe tin về cuộc họp bí mật ấy, tướng Nguyễn Hữu Cốc, bộ trưởng Quốc Phòng Việt Nam đứng ra phê bình nghiêm khắc sự can thiệp của Mỹ vào vấn đề nội bộ Việt Nam. Ông ta điện thoại cho W. Beachner yêu cầu giải thích sự có mặt của Nay Luett trong phiên họp này. Vì muốn bênh vực cho Nay Luett, W. Beachner trả lời rằng Nay Luett không có trong phiên họp tại nhà ông ta⁸⁴.

Ngày 20 tháng 1 năm 1965, một cuộc họp khác đã diễn ra tại Buôn Mê Thuột giữa trung tá Touprong Ya Ba (Churu) thuộc Nha Đặt Trách Thượng Vụ và các đại biểu của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, với sự có mặt của một số cố vấn Mỹ của sư đoàn 23 bộ binh Việt Nam.

Sau khi nhắc đến một số điểm đã đề ra trong yêu sách, phái đoàn của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro yêu cầu CIA Mỹ phải tôn trọng lời hứa của tướng Richard

⁸³ Tài liệu Fulro: 7-65. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 133; Vĩnh Lộc, 1965: 66.

⁸⁴ Gerald C. Hickey, 1982b: 133.

Tình hình năm 1964-1969

Dupuy vào ngày 27-9-1965. Để không tiết lộ những ý định của CIA trong vấn đề này, cố vấn Mỹ, lấy cớ là không hiểu tiếng Việt, xin phép rút lui ra khỏi phiên họp⁸⁵.

Ngày 22 tháng 7 năm 1965, sau khi xem xét dự án hỗ trợ quân sự cho Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, các cố vấn Mỹ chuyển đến tướng Vĩnh Lộc một đề nghị gồm 3 điểm:

1. Chấp nhận thành lập “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zône militaires exclusives) dành cho các đơn vị chiến đấu Fulro mà lương thực và súng đạn do quân đội Mỹ cung cấp.
2. Thành lập một ban liên lạc giữa những đơn vị Fulro và chính quyền quân sự Sài Gòn.
3. Đề cử một sĩ quan đảm trách việc phối hợp chương trình này.

Trên thực tế, sự thành lập những “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zône militaires exclusives) dành riêng cho Fulro phát xuất từ ý niệm chống du kích của Mỹ nhằm ngăn chặn một cách hữu hiệu sự đột nhập cộng sản trên Cao Nguyên. Tướng Vĩnh Lộc, rất bức mình về các ý định của Mỹ, phát biểu ý kiến không đồng tình với kế hoạch ấy bằng cách dùng một luận điệu khôi hài: “vừa mới nghe đề nghị của Mỹ thành lập bốn khu quân sự bất khả xâm phạm, Fulro đã tuyên bố ồn ào là họ đã có bốn tiểu đoàn chiến binh sẵn sàng đóng chiếm các khu vực ấy”⁸⁶.

Ngày 23 tháng 7 năm 1965, không chờ đợi sự chấp thuận của Sài Gòn, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro ra lệnh di chuyển những đơn vị chiến đấu đến Buôn Brieng, gần Ban Đôn, phía tây Ban Mê Thuột, mà họ cho là

⁸⁵ Tài liệu Fulro: 7-65. Được xác nhận bởi Vĩnh Lộc, 1965: 68.

⁸⁶ Vĩnh Lộc, 1965: 69.

Tình hình năm 1964-1969

một trong bốn “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zone militaires exclusives) mà người Mỹ đã có ý định trao cho họ. Vừa đến, binh lính Fulro thông tin cho sĩ quan trách nhiệm trại quân sự Sài Gòn ở Buôn Brieng về sự có mặt của họ. Vị chỉ huy trại này liền gửi một bức điện văn cho cấp lãnh đạo quân sự quân đoàn II ở Pleiku để báo cáo tình hình quân sự rối ren ở Buôn Brieng và xin quyết định của cấp trên⁸⁷.

Ngày 29 tháng 7 năm 1965, một phái đoàn quân sự Việt Nam đến trại Buôn Brieng để gỡ rối cho cuộc khủng hoảng. Khi phái đoàn đến nơi, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro liền tấn công Buôn Brieng và làm chủ tình hình trại lính này. Sau khi loại binh sĩ Việt Nam ra khỏi chiến trường, Fulro bắt một số binh lính Hoa Kỳ làm tù binh và kéo cờ Fulro lên trước mặt phái đoàn Sài Gòn⁸⁸. Biến cố này đã làm cho tướng Vĩnh Lộc, tư lệnh quân đoàn II, vô cùng phẫn nộ. Theo tướng Vĩnh Lộc, Fulro chỉ là một nhóm phản động tuân lệnh cộng sản mà ông ta phải tiêu diệt bằng cách ra lệnh cho đơn vị không quân tấn công trại lính ấy. Trong lúc tấn công, một vài binh sĩ Fulro bị bắt và chuyển về trại giam ở Dục Mỹ, gần Nha Trang⁸⁹.

Ngày 30 tháng 7 năm 1965, tướng Nguyễn Hữu Cốc, bộ trưởng Quốc Phòng, tuyên bố là sự nổi dậy của Fulro ở Buôn Brieng ngày 29 tháng 7 có liên quan đến kế hoạch của Mỹ qua phiên họp mật ngày 16 tháng 7 năm 1965 tại nhà ông W. Beachner. Chính vì thế, ông ta rất phẫn nộ về thái độ cư xử của người Mỹ và đề nghị một cuộc họp khẩn cấp tại Ban Mê Thuột

⁸⁷ Tài liệu Fulro: 7-65. Được xác nhận bởi Vĩnh Lộc, 1965: 70.

⁸⁸ Tài liệu Fulro: 7-65. Được xác nhận bởi Vĩnh Lộc, 1965: 70-71.

⁸⁹ Tài liệu Fulro: 7-65. Được xác nhận bởi Jean Lartéguy, 1965: 165-166; Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 23 và Gerald C. Hickey, 1982b: 134-135.

Tình hình năm 1964-1969

với tướng William Westmoreland (tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam) và Philip Manfull (cố vấn chính trị tại toà Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn). Trong cuộc họp này, tướng Nguyễn Hữu Cồ tuyên bố rằng chính quyền Sài Gòn không chấp nhận sự can thiệp của người Mỹ vào vấn đề Fulro được xem là vấn đề nội bộ của Việt Nam. Ông ta ra lệnh cho William Beachner và đại úy người Úc Barry Peterson, hai nhân vật đã tham dự phiên họp ngày 16-7-1965 với Fulro, phải rời khỏi Cao Nguyên. Cùng lúc đó, tướng Vĩnh Lộc cũng lên tiếng chỉ trích thái độ trịch thượng của người Mỹ và kết tội công khai về sự quyết định đơn phương của họ trong việc thành lập những “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zône militaires exclusives) có lợi cho binh lính Fulro mà không cần xin ý kiến của chính quyền Việt Nam⁹⁰.

Ngày 22 tháng 8 năm 1965, chính quyền Sài Gòn đề nghị một cuộc họp với Fulro và giới thẩm quyền Mỹ nhằm giải quyết vấn đề Buôn Brieng. Phái đoàn Sài Gòn do tướng Vĩnh Lộc hướng dẫn và phái đoàn Mỹ do tướng Throck Morton, đại diện cho văn phòng viện trợ Mỹ tại Việt Nam⁹¹.

Để tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng, tướng Nguyễn Cao Kỳ, Chủ tịch Hội Đồng Hành Pháp Trung Ương cho phổ biến một thông báo chính thức khẳng định là chính quyền Sài Gòn tìm cách thoả mãn những yêu sách mà Fulro đã đệ trình trong hội nghị ngày 16 tháng 10 năm 1964. Cùng lúc đó, Alexis Johnson, cố vấn thứ nhất của đại sứ quán Hoa Kỳ cũng cho ra một bản thông báo hoan nghênh sáng kiến của chính phủ Sài Gòn đã quan tâm đến Fulro⁹². Rất hài lòng về kết quả ấy, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro

⁹⁰ Vĩnh Lộc, 1965; Gerald C. Hickey, 1982b: 134.

⁹¹ Vĩnh Lộc, 1965: 70-71.

⁹² Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 23; Vĩnh Lộc, 1965: 73-77; Ngôn Vinh, 1995: 63.

Tình hình năm 1964-1969

cho rút binh khỏi trại Buôn Brieng và di chuyển về mặt khu ở Kampuchea⁹³.

Ngày 6 tháng 8 năm 1965, ba đại diện của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro sang Kampuchea để giao cho ông Y Bham Enuôl hai thông báo của Mỹ và Việt Nam⁹⁴.

Cũng vào tháng 8 năm 1965, chính quyền Sài Gòn, nhằm duy trì liên lạc với Fulro, chấp thuận thành lập một văn phòng thường trực của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro tại Việt nam, với tên gọi là Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (Délégation Spéciale et Officielle, viết tắt là DSO-Fulro). Văn phòng này đặt ở buôn Alé A, gần Ban Mê Thuột. Đây là văn phòng liên lạc giữa bộ chỉ huy của Y Bham Enuôl và chính quyền Sài Gòn. Y Dhé Adrông được cử làm trưởng phái đoàn, và cờ của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro được phép tung bay trong chu vi của Buôn Alé A⁹⁵.

Sự nổi dậy của Buôn Brieng đã đưa chính quyền Sài Gòn đến thái độ mềm dẻo hơn đối với Fulro. Hoàn toàn trái ngược với quan điểm của tướng Vĩnh Lộc, chính quyền Sài Gòn không xem Fulro như một nhóm phiến loạn mà là một phong trào vũ trang được nước ngoài hỗ trợ, đó là Kampuchea. Không

⁹³ Tài liệu Fulro: 8-65.

⁹⁴ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 24.

⁹⁵ Tài liệu Fulro: 8-65; Gerald C. Hickey, 1965: 135.

Hiệu kì của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa hoàn toàn khác biệt với hiệu kì của Fulro. Hiệu kì này là hình chữ nhật chia làm ba phần. Phần bên trái là nền màu xanh lá cây trên đó có mặt trăng nửa vòng màu trắng và ngôi sao màu trắng tượng trưng cho hội giáo. Phần chính giữa chia thành 9 khuôn theo chiều ngang: 4 khuôn màu trắng và 5 khuôn màu xanh biển tượng trưng cho sự đoàn kết. Phần thứ 3 bên phải có nền màu đỏ, tượng trưng cho sự đấu tranh.

Tình hình năm 1964-1969

kể đến những đơn vị chiến đấu tập trung trong chiến khu ở tỉnh Monduliri của vương quốc này, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro còn có những đơn vị khác bí mật trong các trại Lực Lượng Trường Sơn và Lực Lượng Đặc Biệt của Mỹ. Vì thế, dùng sức mạnh để trấn áp phong trào này chỉ làm tăng thêm sự căng thẳng quân sự trên Cao Nguyên. Hiểu được như thế, chính quyền Sài Gòn soạn thảo một chiến lược mới nhằm giải quyết sự khủng hoảng này bằng con đường thương thuyết. Chính vì thế, họ yêu cầu Y Bham Enuôl nên trở về Việt Nam để lãnh đạo dân tộc Tây Nguyên. Chính quyền Sài Gòn cho rằng Y Bham Enuôl là nạn nhân của người Chăm là dân tộc muốn đòi Champa độc lập, một vấn đề lịch sử không liên hệ gì đến dân tộc Tây Nguyên⁹⁶.

Ngày 25 tháng 8 năm 1965, Y Bham Enuôl, nhân danh Mặt Trận Giải Phóng Xứ Dega-Chăm Tự Do (Front de Libération du Pays Libre Dega-Cham) – tên mới của tổ chức mà Y Bham vừa mới đặt ra – gửi đến tướng Vĩnh Lộc, tư lệnh quân đoàn II tại Pleiku, một bức thư nói rằng lực lượng Fulro đã sẵn sàng dùng vũ lực để giải phóng Cao Nguyên khỏi ách thống trị Việt Nam nếu chính quyền Sài Gòn không chấp thuận các yêu sách của họ⁹⁷. Một bản sao của bức thư này được gửi đến tướng Nguyễn Hữu Cồ, bộ trưởng Quốc Phòng. Sau khi nhận bức thư, tướng Nguyễn Hữu Cồ tổ chức một cuộc họp báo tại Sài Gòn vào ngày 25-8-1965 để cho biết ý kiến của ông ta về Fulro. Nhân dịp này, tướng Nguyễn Hữu Cồ tố cáo Y Bham Enuôl là người “Thượng” muốn đòi Tây Nguyên độc lập. Theo Nguyễn Hữu Cồ, chính quyền Sài Gòn “không chấp nhận liên lạc nữa với những quân phiến loạn Thượng [...] . Ông ta sẽ ấn định thời gian để họ trở về Việt Nam hợp tác. Qua thời gian đó,

⁹⁶ Tài liệu Fulro: 7-65.

⁹⁷ Được xác nhận bởi Norman C. La Brie, 1971: 84.

Tình hình năm 1964-1969

chính quyền Sài Gòn sẽ có những giải pháp thích đáng để tiêu diệt tổ chức này”⁹⁸.

Cùng lúc, tướng Vĩnh Lộc lên án kết tội nghiêm khắc tổ chức Fulro. Theo ông ta, lực lượng Fulro chỉ là một tổ chức đội hình của Norodom Sihanouk, làm tay sai cho Pháp và công cụ của Việt cộng. Đa số những binh sĩ Fulro là người Tây Nguyên, “một tập thể dễ bị mua chuộc, ít học, làm con cờ cho nước ngoài xảo trá và độc ác muốn chống phá Việt Nam”. Chính vì thế, chế độ Sài Gòn xét không xứng đáng để đứng ra thương lượng với những người Thượng thiếu văn minh, nhưng cần phải dùng vũ lực để tiêu diệt họ”⁹⁹.

Sau sự bất đồng ý kiến lần thứ nhất vào đầu năm 1965 về tên gọi Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro, Y Bham Enuôl và Lès Kosem đã đi đến một thỏa hiệp bằng cách sử dụng một danh xưng mới cho tổ chức đó là Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro. Sau khi nghe tin Y Bham Enuôl dùng tên gọi Mặt Trận Giải Phóng Xứ Dega-Chàm Tự Do trong bức thư gửi cho tướng Vĩnh Lộc, đại tá Lès Kosem bày tỏ sự ngạc nhiên của mình và đặt vấn đề với Y Bham Enuôl về tên gọi mới này của tổ chức mà ngay cả Hội Đồng Tối Cao Fulro cũng chưa hề hay biết. Y Bham Enuôl trả lời rằng một vài thành viên gốc Tây Nguyên không hiểu ý nghĩa chính xác của từ Champa trong cách sử dụng hàng ngày. Theo Y Bham Enuôl, dân tộc Tây Nguyên hiểu rằng Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro có ý định giải phóng lãnh thổ cũ của Champa từ Quảng Bình cho đến Sài Gòn, yêu sách mà chính quyền Sài Gòn không muốn nghe nói đến¹⁰⁰. Cuộc khủng hoảng lần thứ ba về danh

⁹⁸ Vĩnh Lộc, 1965: 85. Xem thêm Norman C. La Brie, 1971: 81-84; Gerald C. Hickey, 1982b: 135; Ngôn Vĩnh, 1995: 66.

⁹⁹ Vĩnh Lộc, 1965: 72.

¹⁰⁰ Tài liệu Fulro: 8-65.

Tình hình năm 1964-1969

xưng Champa trong tổ chức đang đi vào con đường bế tắc, không có sự thỏa hiệp nào cả giữa Lès Kosem và Y Bham Enuôl.

Sau ngày di chuyển các đơn vị Fulro trên lãnh thổ Việt Nam và việc tấn công trại lính Buôn Brieng ngày 29-7-1965, tướng Vĩnh Lộc ra một tuyên cáo xem Fulro như “một nhóm vũ trang được nước ngoài và cộng sản yểm trợ tìm cách gieo rắc sự xáo trộn và đòi hỏi những yêu sách không thể biện bạch được, có nguy cơ đến an ninh của đất nước Việt Nam”¹⁰¹. Và ông ta thêm rằng “tất cả sự di chuyển đơn vị vũ trang Fulro từ nay về sau sẽ được xem là một hành động phiến loạn mà quân đội Việt Nam sẽ không do dự tiêu diệt bằng vũ lực”¹⁰².

Tiếp theo tuyên cáo này, Y Bham Enuôl gửi cho tướng Vĩnh Lộc một bức thư khẳng định là Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro sẽ tiếp tục chiến đấu cho đến khi chế độ Sài Gòn thực hiện yêu sách Fulro gồm 4 điểm sau đây:

1. Biến Cao Nguyên thành một “quốc gia liên kết” (Etat Associé) với Việt Nam.
2. Có quyền xử dụng quốc kỳ riêng.
3. Có quyền thành lập quân đội riêng.
4. Giảm số lượng người Việt định cư trên Caonguyên bằng số lượng của năm 1954.

Nếu chính quyền Sài Gòn chấp thuận yêu sách ấy, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro sẵn sàng tham dự cuộc thảo luận với Sài Gòn ở một quốc gia thứ 3 như Phi Luật Tân chẳng hạn¹⁰³.

¹⁰¹ Vĩnh Lộc, 1965: 78

¹⁰² Vĩnh Lộc, 1965: 79

¹⁰³ Tài liệu Fulro: 9-65. Được xác nhận bởi Vĩnh Lộc, 1965: 83 và Norman C. La Bric, 1971: 84.

Tình hình năm 1964-1969

Khi nhận bức thư này, tướng Vĩnh Lộc tố cáo Y Bham Enuôl là “một nhân vật ngoan cố, ngạo mạn dám đòi *tự trị cho Cao nguyên từ vĩ tuyến 17 cho đến Biên Hòa*”¹⁰⁴.

Fulro tấn công Pleiku

Vào ngày 8 tháng 9 năm 1965, tức là bốn ngày sau tuyên báo của tướng Vĩnh Lộc, lực lượng Fulro tấn công một trại lính Việt Nam gần Pleiku và chiếm khu vực Buôn Ea Yong. Hai tiểu đoàn của quân đội Sài Gòn được gửi đến lập tức để trấn áp sự nổi dậy này. Cùng lúc đó, có nhiều nguồn tin cho rằng 200 binh sĩ Fulro bị chết vì người Việt Nam bỏ thuốc đầu độc họ. Biến cố này làm cho người Việt định cư trên Cao Nguyên phải khiếp sợ, hoang mang vì sợ dân tộc Tây Nguyên trả thù¹⁰⁵.

Những yêu sách mới của Fulro

Ngày 13 tháng 10 năm 1965, một sự gặp gỡ giữa phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro và đại tá Thành, đại diện chính quyền Sài Gòn đã diễn ra ở Buôn Mê Thuột. Vào dịp này, Fulro yêu cầu đại tá Thành chuyển đến chính quyền Sài Gòn những yêu sách sau đây:

1. Chấp nhận cho Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro quyền được sử dụng lá cờ riêng.
2. Cho phép Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro thành lập quân đội riêng.
3. Ban hành một qui chế đặc biệt cho các dân tộc thiểu số.

¹⁰⁴ Vĩnh Lộc, 1965: 82. Được xác nhận bởi Norman C. La Brie, 1971: 84.

¹⁰⁵ N. C. La Brie, 1971: 85; Gerald C. Hickey, 1982b: 136; Vĩnh Lộc, 1965: 87.

Tình hình năm 1964-1969

4. Cho phép thành lập Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc có qui chế ngoại giao giống như qui chế của một tòa đại sứ và trụ sở của Phủ Tổng Ủy đặt tại Ban Mê Thuột.

5. Chấp thuận cho Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro được tham gia các hội nghị quốc tế liên quan đến các dân tộc thiểu số¹⁰⁶.

Đại tá Thành trả lời rằng chính phủ Sài Gòn không thể thỏa mãn năm yêu sách đó vì Việt Nam đã thực hiện trong vòng một năm nay nhiều yêu sách của Fulro, cụ thể:

1. Thành lập một trường quân sự dành cho con em của binh sĩ dân tộc thiểu số.

2. Bãi bỏ nghị định 1958 của Ngô Đình Diệm nhằm tịch thu đất đai trên Cao Nguyên.

3. Chấp thuận ngày 22-7-1965 tái lập lại tòa án phong tục.

4. Xây dựng một trường sư phạm mới tại Ban Mê Thuột do người Mỹ tài trợ.

5. Thành lập một trường trung học kỹ thuật Y Ut tại ban Mê Thuột dành riêng cho học sinh dân tộc thiểu số.

6. Chấp thuận dành mọi ghế dành cho các học sinh và sinh viên thiểu số vào những trường đặc biệt.

7. Thành lập những trường trung học cho những dân tộc thiểu số trên cao nguyên và ở đồng bằng như ở Phan Rang và Phan Rí¹⁰⁷.

Đầu tháng 11 năm 1965, ủy ban đặc trách các vấn đề dân tộc thiểu số của tòa đại sứ Mỹ trao cho ông đại sứ Hoa Kỳ một báo cáo cho biết là việc thương thuyết giữa Fulro và chính quyền Sài Gòn đi vào con đường bế tắc vì hai vị tướng Vĩnh Lộc

¹⁰⁶ Tài liệu Fulro: 10-65. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 135.

¹⁰⁷ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969; Gerald C. Hickey, 1982b: 135.

và Nguyễn Hữu Có có một thái độ đối với Fulro hoàn toàn khác biệt, nhất là không cùng quan điểm với chính quyền Sài Gòn về mặt trận này. Theo Vĩnh Lộc và Nguyễn Hữu Có, chính quyền Sài Gòn phải dùng vũ lực để tiêu diệt phong trào Fulro. Họ còn tố cáo Nha Đặc Trách Thượng Vụ không có vai trò tích cực trong vấn đề Fulro, một cơ quan của nhà nước do trung tá Touprong Ya Ba (Churu) điều hành, một người “Thượng” bất lực, không có một tí ảnh hưởng nào đối với tổ chức Fulro¹⁰⁸.

Một khi cuộc đàm phán với chế độ Sài Gòn đi vào ngõ bết tắt, Y Bham Enuôl, với tư cách là chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Dega-Cham đã gửi một văn thư đề ngày 8-11-1965 cho Lyndon B. Johnson, tổng thống Hoa Kỳ yêu cầu ông ta làm áp lực với chính quyền Sài Gòn để ban hành một qui chế đặc biệt trên Cao Nguyên tương tựa như qui chế cũ của Hoàng triều cương thổ. Ông ta cũng đã gửi cho Liên Hiệp Quốc một văn thư khác có nội thư tương tựa¹⁰⁹.

Cũng nhờ bức thư gửi cho tướng Vĩnh Lộc, Lès Kosem mới biết là Y Bham Enuôl có chuyển hai lá thư chính thức tổng thống Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc với tư cách là chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Dega-Cham – trước kia là Mặt Trận Giải Phóng Xứ Dega-Chàm Tự Do – tên gọi mới mà Hội Đồng Tối Cao Fulro chưa từng biết đến. Lès Kosem yêu cầu Y Bham Enuôl giải thích nguyên nhân của sự thay đổi này. Sự xóa bỏ từ “Champa” trong danh xưng này đã làm cho Lès Kosem có cảm giác rằng Y Bham Enuôl, vì có sự áp lực của một vài thành viên Tây Nguyên, không muốn tên gọi Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro nữa mà là Mặt Trận Giải Phóng Dega-Cham. Vì mục tiêu của Mặt Trận Giải Phóng Dega-Cham

¹⁰⁸ Gerald C. Hickey, 1982b: 138.

¹⁰⁹ Tài liệu Fulro: 11-65; Y Bham Enuôl, 1965. Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 85 và Gerald C. Hickey, 1982b: 139.

không phải là phong trào đòi giải phóng Champa mà là bảo vệ quyền lợi kinh tế, xã hội và chính trị của người Thượng (Dega) trên cao nguyên và người Chăm ở đồng bằng Phan Rang và Phan Rí, phù hợp với nguyện vọng của chính quyền Sài Gòn¹¹⁰.

Việc sử dụng danh xưng Mặt Trận Giải Phóng Dega-Cham đã khuếch đại thêm sự rạn nứt giữa các thành viên Fulro. Một số người gần gũi với Lès Kosem như Y Dơn Adrông, YBhan Kpơr, Y Nham Eban, Ksor Duôt, Kpa Dơr, chỉ trích nặng nề Y Bham Enuôl về sự thiếu tầm nhìn lịch sử, về thái độ thiếu trung thành với cương lĩnh của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, về sự do dự không muốn dùng giải pháp quân sự chống lại Việt Nam. Vì không chấp nhận những lời chỉ trích ấy, Y Bham Enuôl quyết định cắt đứt liên lạc với Y Dơn Adrông và nhóm của ông ta¹¹¹.

Ngày 19 tháng 9 năm 1965, báo chí Kampuchea loan tin thành phần mới trong Hội Đồng Tối Cao của tổ chức Fulro:

- Chủ tịch Fulro: Châu Dara.
- Đệ nhất phó chủ tịch Fulro: Y Bham Enuôl.
- Đệ nhị phó chủ tịch Fulro: Po Nagar (biệt hiệu Lès Kosem)

Ngoài ra còn có một số nhân vật Khơ Me trong Hội Đồng Tối Cao, như Ung Hony Sath (chủ tịch quốc hội Cao Miên), đại tướng Lon Nol (đệ nhất phó thủ tướng Cao Miên) và Son Sann (đệ nhị phó thủ tướng Cao Miên).

Sau ngày 19 tháng 9 năm 1965, Y Bham Enuôl đảm trách chính thức hai chức vụ: chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Cao

¹¹⁰ Tài liệu Fulro: 8-65.

¹¹¹ Tài liệu Fulro: 8-65.

Tình hình năm 1964-1969

Nguyên Champa-Fulro và đệ nhất phó chủ tịch Fulro, tức là Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức¹¹².

Cũng trong năm 1965, tác phẩm của Dorohiem và Dohamide gốc Chăm Châu Đốc, có tựa đề là *Dân Tộc Chăm Lược Sử* (Hiệp Hội Hội Giáo Chăm Việt Nam xuất bản 1965) trở thành đối tượng của phiên họp Hội Đồng Tối Cao Fulro vào ngày 20 tháng 11 năm 1965 và gây sự tranh cãi sôi nổi giữa Lès Kosem và Y Bham Enuôl. Nếu dựa vào quan điểm của Dorohiem và Dohamide, Champa chỉ là vương quốc của người Chăm. Cảm thấy bị xúc phạm, Y Bham Enuôl và các thành viên Fulro thân cận với ông ta đứng ra phản đối quyển sách này cho rằng chỉ có người Chăm mới có lịch sử còn người Thượng là dân tộc ma rợ không có lịch sử. Tựa đề của tác phẩm viết rằng “*Dân Tộc Chăm Lược Sử*” do hai người Chăm biên soạn đã chứng minh ý đồ của hai tác giả này. Y Bham Enuôl tố cáo Dorohiem và Dohamide là hai nhân vật cố hạ uy tín người “Thượng”. Lès Kosem và những người thân cận của ông ta cũng phản đối nội dung quyển sách này mà ông ta cho là một tài liệu tuyên truyền của chế độ Sài Gòn. Sau đó, Lès Kosem cho rằng hai tác giả này không phải là những nhà nghiên cứu lịch sử mà là hai quan chức cao cấp của chính phủ Sài Gòn tìm cách bịa đặt lịch sử Champa theo mệnh lệnh của chính quyền Việt Nam nhằm ly gián người “Thượng” với người Chăm. Sau đó, Souleiman (tên thật là Thiên Sanh Thi, Chăm Phan Rang) yêu cầu Hội Đồng Tối Cao Fulro kết tội tác phẩm này mà nội dung hoàn toàn đi ngược lại với quan điểm của nhiều nhà sử học cho rằng dân tộc “Thượng” đã từng đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử của vương quốc Champa¹¹³.

¹¹² Tài liệu Fulro: 11-65; Comité Administratif...1965. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 141.

¹¹³ Tài liệu Fulro: 11-65.

Mặc dù Y Bham Enuôl đã nhiều lần lên tiếng với chính phủ Hoa Kỳ và Liên hiệp Quốc, nhưng chính sách thương thuyết với tổ chức Fulro của chính quyền Việt Nam vẫn đi vào con đường bế tắc. Theo Lès Kosem, nếu sự kiện đó xảy ra là vì chế độ Sài Gòn có hai quan điểm khác nhau về Fulro: Phái chính quyền Sài Gòn mà tướng Nguyễn Cao Kỳ là người tiêu biểu mong muốn đàm phán với Fulro và phái quân sự ở Pleiku của tướng Vĩnh Lộc muốn dùng vũ lực để tiêu diệt phong trào này¹¹⁴.

Một khi giải pháp thương thuyết đi vào bế tắc, đại tá Lès Kosem quyết định dùng giải pháp quân sự để quấy phá địa bàn Cao Nguyên. Được tin tướng Nguyễn Cao Kỳ sẽ đến Pleiku để làm lễ bế mạc khóa Cán Bộ Trường Sơn vào ngày 16-12-1965, đại tá Lès Kosem ra lệnh cho Y Dươn Ađrơng, Y Nham Eban và Y Bhan Kpơr mở các cuộc tấn công trên Cao Nguyên. Một vài giờ sau, lực lượng Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro xâm chiếm tỉnh lỵ Gia Nghĩa gần buôn Sarpa. Sau đó, mặt trận này lại tấn công một số trại lính trong tỉnh Darlac và rãi truyền đơn tố cáo tướng Vĩnh Lộc là nhà lãnh đạo kiêu căng, chỉ biết dùng vũ lực để giải quyết những vấn đề của người “Thượng” mà ông ta cho là những người “ngu ngốc”¹¹⁵.

Trước tình hình quân sự này, thiếu tướng thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ vẫn tiếp tục lên Pleiku chủ tọa lễ bế mạc khóa Cán Bộ Trường Sơn vào ngày 17-12-1965. Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ vừa đọc xong bài diễn văn trong buổi lễ, lực lượng Fulro nổ súng tấn công Pleiku và Phú Bổn gây thiệt hại tánh

¹¹⁴ Tài liệu Fulro: 11-65.

¹¹⁵ Tài liệu Fulro: 12-65. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 24; N. C. La Brie, 1971: 85-86 và Ngôn Vinh, 1995: 67.

Tình hình năm 1964-1969

mạng cho cả hai phía. Trong trận chiến này, quân đội Việt Nam bắt sống được 19 chiến sĩ Fulro¹¹⁶.

Hai quan điểm khác biệt giữa các tướng lĩnh Việt nam

Sau biến cố này, thiếu tướng thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ chỉ trích công khai tướng Vĩnh Lộc về thái độ kiêu căng và đường lối chính trị khiêu khích của ông ta đã thúc đẩy Fulro dùng vũ lực thách thức chính quyền Sài Gòn. Nhưng tướng Nguyễn Hữu Cồ, bộ trưởng Quốc Phòng, lại bênh vực quan điểm tướng Vĩnh Lộc, cho rằng sự tấn công của Fulro vào ngày 17 tháng 12 năm 1965 là một sự tuyên chiến thật sự của một nước láng giềng (ám chỉ Kampuchea) chống lại Việt Nam. Theo tướng Nguyễn Hữu Cồ, mặt trận Fulro được Lon Nol, đệ nhất phó thủ tướng của vương quốc này hỗ trợ công khai, chưa kể các bộ trưởng khác¹¹⁷. Đối với ông ta, quân đội Mỹ phải chịu trách nhiệm phần nào trong biến cố này, vì không có sự giúp đỡ của Mỹ, lực lượng Fulro không thể tấn công cùng một lúc cả ba thành phố Việt Nam: Gia Nghĩa, Pleiku, Ban Mê Thuột¹¹⁸. Mặc dù có sự chỉ trích của tướng Nguyễn Cao Kỳ, tướng Vĩnh Lộc vẫn tiếp tục áp dụng chiến lược quân sự đàn áp Fulro. Chính vì thế, ông ta ra lệnh dời Nha Đạc Trách Thượng Vụ về Pleiku, gần tổng hành dinh của ông ta, chuyển các nhân sự Tây Nguyên có dính dáng với vụ tấn công 17-12-1965 về miền duyên hải và cho truy tố các nhân vật “Thượng” mà ông ta cho là bất hảo như Siu Phun, (Jarai), R'Mah Liu (Jarai), Y Thih Eban (Rađê), v.v. Trước sự truy nã này, người Tây Nguyên tìm cách vượt biên

¹¹⁶ Tài liệu Fulro: 12-65. Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 86 và Gerald C. Hickey, 1982b: 141.

¹¹⁷ Tài liệu Fulro: 12-65. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 141.

¹¹⁸ Tài liệu Fulro: 12-65. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 141.

Tình hình năm 1964-1969

giới sang Cao Miên để đăng ký gia nhập Fulro càng nhiều hơn¹¹⁹.

Bãi bỏ chế độ quân dịch cho các dân tộc thiểu số

Sau biến cố ngày 17 tháng 12 năm 1965, tướng Vĩnh Lộc ra lệnh kiểm tra lại lý lịch của những binh lính Fulro đã tham gia vào sự phản động này. Chế độ Sài Gòn tìm thấy trong nhóm binh sĩ ấy có rất nhiều người đã được quân đội Việt Nam đào tạo trong các trường khóa quân dịch. Vì thế, ngày 22-12-1965, tướng Vĩnh Lộc đề nghị chính quyền Sài Gòn bãi bỏ chế độ quân dịch cho các dân tộc thiểu số để chính phủ Việt Nam không còn góp phần vào việc đào tạo các binh lính “Thượng”, để rồi họ trở thành chiến sĩ của Fulro¹²⁰.

Phản ứng của Hoàng thân Norodom Sihanouk

Ngày 27 tháng 12 năm 1965, hoàng thân Norodom Sihanouk lên tiếng kết tội những luận điệu láo khoét của tướng Vĩnh Lộc đã tố cáo Kampuchea giúp đỡ Fulro tấn công Pleiku vào ngày 17-12-1965. Trong bản thông cáo của mình, quốc trưởng Khờ Me cho rằng Kampuchea là quốc gia quá nghèo không thể nuôi dưỡng binh lính Fulro, thêm vào đó, phái đoàn kiểm soát đình chiến của Liên Hiệp Quốc tại Kampuchea không bao giờ lên tiếng về sự hiện diện của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro trên lãnh thổ Cao Miên. Vì vậy, sự tố cáo láo khoét của tướng Vĩnh Lộc chỉ nhằm mục đích chống phá hòa bình ở vương quốc này¹²¹.

¹¹⁹ Tài liệu Fulro: 12-65. Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 88 và Gerald C. Hickey, 1982b: 142.

¹²⁰ Tài liệu Fulro: 12-65.

¹²¹ Tài liệu Fulro: 12-65. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 141.

Tình hình năm 1964-1969

Vào những ngày 27 và 28 tháng 12 năm 1965, tướng Vĩnh Lộc chỉ thị cho tòa án quân sự tại Pleiku tiến hành xét xử những tù binh người “Thượng” bị bắt vào ngày 17-12-1965 mà ông ta cho là “tội phạm Fulro” phá hoại nền an ninh quốc gia Việt Nam. Kết quả, tòa án quân đội Việt Nam đã kết tội tử hình 4 chiến sĩ Fulro và án chung thân cho 15 người khác¹²².

Ngày hôm sau, tòa án quân đội Việt Nam ra lệnh tử hình công khai 4 chiến sĩ Fulro trước mặt hàng ngàn người Tây Nguyên và người Kinh¹²³. Theo Ngôn Vĩnh, những chiến sĩ Fulro bị kết án tử hình là những người Jarai tên là Nay Ri, Kror Cam, Kror Boh, Kror Pieo¹²⁴.

Vụ án tử hình chiến sĩ Fulro đã đưa Hội Đồng Tối Cao Fulro lên tiếng chỉ trích kịch liệt chính sách Sài Gòn. Theo đại tá Lès Kosem, đây là vụ án man rợ, phi pháp lý, nhằm diệt chủng dân tộc thiểu số thì đúng hơn. Vì theo ông ta, nếu chế độ Sài Gòn ra lệnh tử hình chiến sĩ Fulro bởi vì họ là người “Thượng”, không cùng nguồn gốc với người Việt, trong khi đó chế độ Sài Gòn luôn luôn khoan dung đối những tù binh Việt Cộng bởi vì họ là người Kinh¹²⁵.

Theo thiếu tướng thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ và tướng Nguyễn Hữu Cồ, bộ trưởng Quốc Phòng, sự kết án tử hình 4 chiến sĩ Fulro là chính sách sai lầm của tướng Vĩnh Lộc. Vì rằng, vụ án này càng khuếch đại thêm phong trào dân tộc thiểu số căm thù người Việt thêm và không tin tưởng vào chính quyền Sài Gòn nữa. Bản án ấy càng tăng cường thêm dư luận quốc tế kết tội chế độ Sài Gòn thực thi chính sách diệt chủng dân tộc thiểu số ở Việt Nam¹²⁶.

¹²² Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 25 và N. C. La Brie, 1971: 87.

¹²³ Tài liệu Fulro: 12-65. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 25.

¹²⁴ Ngôn Vĩnh, 1995: 69.

¹²⁵ Tài liệu Fulro: 12-65.

¹²⁶ Tài liệu Fulro: 12-65. Được xác nhận bởi Charles Mohr, 1966 và Gerald C. Hickey, 1982: 141.

Tình hình năm 1964-1969

Vụ án tử hình 4 chiến sĩ “Thượng” đã gây ra một hậu quả kinh hoàng trên Cao Nguyên. Các báo chí Việt Nam đăng tải hàng loạt tin tức cho rằng linh hồn của các chiến sĩ Fulro bị tử hình sẽ nhập vào Y Bham Enuôl để làm cho ông ta trở thành nhân vật siêu phàm có những quyền lực thần diệu nhằm trả thù những người Việt định cư và tẩy chay họ ra khỏi Tây Nguyên. Trước tình thế này, người Việt định cư trên Cao Nguyên đang sống trong một bối cảnh hoang mang và sợ hãi. Chính vì thế, cộng đồng người Việt ở Cao Nguyên yêu cầu chính quyền Sài Gòn bảo vệ họ để thoát khỏi nguy cơ trên. Để trấn an dân chúng đem lại an ninh và làm dịu bớt tình hình căng thẳng này, chính quyền Sài Gòn ban lệnh “thiếu quân luật” trên Cao Nguyên và cấm những người “Thượng” mang vũ khí hay những dụng cụ sắc nhọn như dao, rựa, giáo mác trong thành phố¹²⁷.

Kêu gọi Liên Hiệp Quốc

Ngày 29-12-1965, đại tá Lès Kosem tổ chức một cuộc họp Hội Đồng Tối Cao Fulro tại Phnom-Pênh để nghiên cứu lại vụ tử hình 4 chiến sĩ Fulro. Ông ta đề nghị Y Bham Enuôl gửi cho Liên Hiệp Quốc một bức thư phản đối chính sách tiêu diệt dân tộc thiểu số của chính quyền Sài Gòn. Trong bức thư này, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro nhấn mạnh rằng những chiến sĩ bị bắt trong chiến trường Pleiku vào ngày 17 tháng 12 năm 1965 là những tù binh chiến tranh chứ không phải là những “tội phạm hình sự” có hành động chống phá chính phủ Việt Nam như Sài Gòn đã tuyên bố. Y Bham Enuôl thỉnh cầu Liên Hiệp Quốc tố cáo vụ án trên hoàn toàn đi ngược lại với qui ước về tù binh chiến tranh của Liên Hiệp Quốc¹²⁸.

¹²⁷ Tài liệu Fulro: 12-65. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 141 và Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 29.

¹²⁸ Tài liệu Fulro: 12-65.

Tình hình năm 1964-1969

Đại tá Lès Kosem chỉ thị cho Y Bham Enuôl gửi một bức thư cho tổng thống Mã để bày tỏ sự thất vọng của Fulro trước sự im lặng của chính quyền Hoa Kỳ về vụ án tử hình chiến sĩ Fulro. Và ông ta tố cáo Hoa Kỳ áp dụng lá bài hai mặt. Một bên, quân đội Mỹ xử dụng người “Thượng” để chiến đấu chống lại cộng sản và một bên quân đội Mỹ lại cho phép chính phủ Sài Gòn tàn sát người “Thượng”¹²⁹.

Biến cố năm 1966

Sự bất hòa giữa lòng FLHPC-Fulro

Sự vùng dậy của Fulro vào ngày 17 tháng 12 năm 1965 đã tạo nên mối bất hòa trầm trọng giữa cấp lãnh đạo của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro. Bước vào thêm năm mới 1966, Y Bham Enuôl tố cáo Y Dơn Adrông, Y Nhuin, Y Nham Eban và Y Bhan Kpơ là những nhà lãnh đạo quân sự phải chịu trách nhiệm về sự thiệt mạng của chiến sĩ Fulro hơn 100 người trong vụ tấn công ngày 17-12-1965 chưa kể bốn chiến sĩ Jarai bị tử hình. Theo Y Bham Enuôl, những thành viên này là những vị chỉ huy vô trách nhiệm đã khởi động một trận chiến chống Việt Nam mà không cần sự đồng ý của ông ta. Chính vì thế, Y Dơn Adrông, Y Nhuin, Y Nham Eban và Y Bhan Kpơ phải nhận lãnh một hình phạt gương mẫu¹³⁰.

Để trả lời cho sự kết tội ấy, Y Dơn Adrông, Y Nhuin, Y Nham Eban và Y Bhan Kpơ tuyên bố rằng chính đại tá Lès Kosem là người ra lệnh cho cuộc tấn công này. Vì vậy, ông Y Bham Enuôl nên tục tiếp đặt vấn đề với Lès Ksem hơn là đổ lỗi cho họ¹³¹.

¹²⁹ Tài liệu Fulro: 12-65.

¹³⁰ Tài liệu Fulro: 1-65. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 25.

¹³¹ Tài liệu Fulro: 1-66.

Tình hình năm 1964-1969

Dựa vào câu trả lời trên, Y Bham Enuôl nghĩ rằng có sự thông đồng giữa Lès Kosem và nhóm Y Dươn Adrông. Vì không còn tin tưởng vào nhóm Y Dươn Adrông nữa, Y Bham Enuôl đề nghị hai thành viên trẻ tuổi là Y Sen Niê Kdam và Y Ngô Buôn Ya quyền điều hành lực lượng vũ trang của phong trào này và viết một bản tường trình tố cáo nhóm Y Dươn Adrông đang chuẩn bị mưu đồ lật đổ ông ta. Biến cố này đã đưa Hội Đồng Tối Cao Fulro vào không khí ngột ngạt, nghi kỵ và hiềm khích nhau. Để trả lời cho Y Bham Enuôl, nhóm Y Dươn Adrông lên tiếng tố cáo Y Sen Niê Kdam là nhân viên tình báo của tướng Nguyễn Khánh kể từ năm 1964 tìm cách len lỏi vào Hội Đồng Tối Cao Fulro hầu dập tan mặt trận này. Sự kiện trên đã tạo ra sự tranh cãi gây gắt giữa Y Bham Enuôl và nhóm Y Dươn Adrông¹³².

Áp lực quân đội Mỹ đối với Sài Gòn

Sự đàn áp chống lực lượng Fulro sau biến cố ngày 17-12-1965 tại Peiku đã đưa các nhà lãnh đạo quân đội Mỹ vào con đường bối rối. Trong dịp tiếp xúc với tướng Nguyễn Hữu Cốc, bộ trưởng Bộ Quốc Phòng Việt Nam, vào đầu năm 1966 tại Sài Gòn, tướng William Westmoreland, tổng tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam tuyên bố rằng chính sách đàn áp Fulro sẽ đưa vấn đề an ninh Cao Nguyên đi vào con đường nguy hiểm và càng thúc đẩy thêm người “Thượng” liên kết với cộng sản. Để tháo gỡ cho cuộc khủng hoảng này, ông ta đề nghị nên thoả mãn những yêu sách Fulro gồm 3 điểm như sau:

1. Thiết lập lại tòa án phong tục cho dân tộc thiểu số
2. Tái lập chương trình dạy tiếng mẹ đẻ cho con em dân tộc thiểu số.

¹³² Tài liệu Fulro: 1-66.

3. Công nhận quyền sở hữu chủ đất đai của dân tộc thiểu số.

Tướng Nguyễn Hữu Cồ hứa sẽ trình bày lại những yêu sách này khi có phiên họp hội đồng chính phủ.

Nhân dịp viếng thăm Việt Nam, ông Dean Rusk, Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ, có phiên gặp mặt với tướng Nguyễn Cao Kỳ và yêu cầu ông ta nên tìm một giải pháp hợp lý để giải quyết yêu sách Fulro nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị và quân sự trên Cao Nguyên¹³³.

Sau cuộc gặp mặt này, chính quyền Sài Gòn tổ chức ngày 12-2-1966 tại Pleiku, một hội nghị mang tên là “Kinh Thượng đoàn kết” nhằm xoa dịu sự phẫn nộ của dân tộc Tây Nguyên về vụ án tử hình 4 chiến sĩ Fulro và thuyết phục dân tộc vùng cao nguyên cộng tác chặt chẽ hơn với chính quyền Việt Nam¹³⁴.

Ngày 15 tháng 2 năm 1966, đại tá Lès Kosem nhận bản báo cáo về sự mất tích của Y Dơn Adrông và Y Nhuin, hai thành viên trong nhóm đối lập chống Y Bham Enuôl và ra lệnh tìm kiếm hai người này cho bằng được. Sau vài ngày hành quân truy lục, người ta tìm thấy thi hài của Y Dơn Adrông và Y Nhuin tại Dak Dam không xa biên giới Khơ Me-Việt. Theo bản điều tra của cơ quan có thẩm quyền cho biết, Y Dơn Adrông và Y Nhuin bị tra tấn đến chết và thi hài của họ trần truồng được ném vào một con suối¹³⁵. Một số nhà lãnh đạo Fulro nghi ngờ Y Bham Enuôl là nhân có liên hệ trong mưu đồ ám sát ông Y Dơn Adrông và Y Nhuin. Một số người khác tố cáo Y Sen Niêk Dam và Y Ngô Buôn Ya là hai nhân viên mà chính quyền

¹³³ Gerald C. Hickey, 1982b: 143-144.

¹³⁴ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 30.

¹³⁵ Tài liệu Fulro: 2-66. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 142.

Sài Gòn giao trách nhiệm để thủ tiêu ông Y Dơn Adrông và Y Nhuin. Trước biến cố này, Lès Kosem đến mặt khu Mondulkiri gặp Y Bham Enuôl và yêu cầu ông ta giải thích sự kiện đã xảy ra. Y Bham Enuôl thể thốt rằng ông ta hoàn toàn không liên hệ gì đến cái chết của Y Dơn Adrông và Y Nhuin¹³⁶.

Sự ám sát hai nhà lãnh đạo Y Dơn Adrông và Y Nhuin đã đưa Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro đi vào một khúc quanh mới. Từ nay về sau, tổ chức của mặt trận bị chia ra thành hai nhóm đối chọi nhau một cách công khai. Nhóm thứ nhất tập trung những người thân của Y Dơn Adrông đó là Y Bhan Kpơr (Radê), Y Nham Eban (Radê), Kpa Dơh (Jarai) và Ksor Duôt (Jarai) và nhóm thứ hai gồm những thành viên trung thành với Y Bham Enuôl.

Vì quá lo âu về hậu quả của biến cố này, đại tá Lès Kosem không muốn đưa vấn đề ra xét xử công khai, e rằng một số nhân vật cao cấp trong mặt trận có nhúng tay vào vụ ám hại Y Dơn Adrông và Y Nhuin. Riêng cá nhân Lès Kosem, ông ta vẫn còn nghi ngờ rằng Y Bham Enuôl có liên hệ trực tiếp hay gián tiếp trong vụ án này.

Theo Lès Kosem, Y Bham Enuôl là một nhân vật bảo thủ, không bao giờ chấp nhận bất cứ ai chỉ trích hay phê bình ông ta, thường đóng vai trò tù trưởng của một bộ lạc hơn là một nhà lãnh đạo chính trị. Để đảm bảo an ninh cho nhóm đối nghịch với Y Bham Enuôl, Lès Kosem quyết định thành lập một mặt khu mới vào cuối tháng 2 năm 1966 tại Poh Cah trong tỉnh Mondulkisi mang tên là mặt khu III dành cho nhóm Y Bham Kpơr, Y Nham Eban, Kpa Dơh và Ksor Duôt¹³⁷.

¹³⁶ Tài liệu Fulro: 2-66.

Theo Ngôn Vĩnh (1995: 70), Y Bham Enuôl là người ra lệnh ám sát hai người này, nhưng tác giả không cho biết nguồn tư liệu ở đâu.

¹³⁷ Tài liệu Fulro: 2-66.

Tình hình năm 1964-1969

Dưới sự áp lực của Mỹ và dựa vào kết quả của hội nghị “Kinh Thượng Đoàn Kết” ở Pleiku ngày 12-2-1966, thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ quyết định ngày 21-12-1966 đổi Nha Đặc Trách Thượng Vụ thành Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ đặc dưới quyền điều hành trực tiếp của hội đồng bộ trưởng, có sứ mạng cung cấp cho chính quyền Sài Gòn những đề nghị cụ thể để giải quyết những vấn đề Tây Nguyên mà tổ chức Fulro đã đề ra. Ông Paul Nử (Bana) được đề cử vào chức vụ giám đốc của cơ quan này¹³⁸.

Ngay sau khi nhậm chức, Paul Nử tổ chức một cuộc họp gồm bốn nhân vật Tây Nguyên và một người Chăm (Châu Văn Mổ) hầu vạch ra một chương trình hoạt động. Ông ta giao cho Nay Luett (Jarai) và Ychôn Mlô Duôn Du (Radê), cựu sinh viên quốc gia hành chánh Sài Gòn, sứ mạng giữ mối liên lạc với Fulro¹³⁹.

Đẩy mạnh sự đàm phán giữa Fulro và chính quyền Sài Gòn

Ngày 11 tháng 4 năm 1966, Y Dhé Adrông, trưởng Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức của Fulro (Délégation Spéciale et Officielle, viết tắt là DSO-Fulro) tại Buôn Mê thuật gửi cho thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ một văn thư bày tỏ sự ủng hộ của Fulro về việc đề cử ông Paul Nử làm giám đốc Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ và mong muốn mở lại cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Fulro. Ngay khi nhận được bức thư này, tướng Nguyễn Cao Kỳ ra lệnh sửa soạn cuộc thương thuyết với Fulro¹⁴⁰ vào

¹³⁸ N. C. La Brie, 1971: 88.

¹³⁹ Gerald C. Hickey, 1982b: 144-145.

¹⁴⁰ Tài liệu Fulro: 4-66. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 34 và N. C. La Brie, 1971: 88.

Tình hình năm 1964-1969

ngày 6-5-1966 tại Buôn Mê Thuột. Phái đoàn Sài Gòn được đặt dưới sự hướng dẫn của Paul Nưt, có những đại diện của quân đoàn II và của tỉnh Darlac. Phái đoàn của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro thì Do Y Dhé Adrông hướng dẫn. Sau hai ngày đàm phán, phái đoàn Fulro đòi ba yêu sách dưới đây:

- 1- Phải ban hành qui chế đặc biệt cho dân tộc thiểu số.
- 2- Chấp nhận cho Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro quyền có một lá cờ riêng.
- 3- Cho phép thành lập một quân đội riêng của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro” trên Cao Nguyên¹⁴¹.

Ngày 6 tháng 6 năm 1966, một cuộc đàm phán lần thứ hai đã xảy ra tại Buôn Mê Thuột. Trong dịp này, chính quyền Sài Gòn chấp nhận chính thức hóa Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (Délégation Spéciale et Officielle, DSO-Fulro) bằng một sắc lệnh của thủ tướng đề ngày 8 tháng 8 năm 1966¹⁴². Trong cuộc đàm phán này, Y Dhé Adrông, trưởng Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO –Fulro), thông báo với chính quyền Sài Gòn là Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro chấp nhận cho 500 binh sĩ của họ đang có mặt tại các “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zone militaires exclusives) về hợp tác với chính quyền Việt Nam¹⁴³.

Ngày 12 tháng 7 năm 1966, thiếu tướng thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ

¹⁴¹ Tài liệu Fulro: 5-66. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 34 và N. C. La Brie, 1971: 89.

¹⁴² Tài liệu Fulro: 8-66. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 154.

¹⁴³ Tài liệu Fulro: 6-66. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 153 và Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 34.

ký sắc lệnh số 28/66 triệu tập Quốc Hội phụ trách biên soạn hiến pháp của đệ nhị công hòa Việt Nam. Trong sắc lệnh này, chế độ Sài Gòn chấp thuận hai ghế cho Fulro trong Quốc Hội¹⁴⁴. Trong một thông báo do Lès Kosem và Y Bham Enuôl ký, ông Y Wik Buôn Ya (Rađê) và Ksor Rốt (Jarai) được chỉ định đại diện Fulro trong Quốc Hội này¹⁴⁵.

Ngày 15 tháng 10 năm 1966, tướng Vĩnh Lộc, tư lệnh quân đoàn II, tổ chức tại Pleiku một buổi lễ lớn để đánh dấu sự trở về hợp tác của các chiến binh Fulro với chính quyền Sài Gòn, như đã nêu ra trong cuộc đàm phán ngày 6 tháng 6 năm 1966¹⁴⁶. Theo chính phủ Sài Gòn, con số các chiến binh Fulro trở về hợp tác lên đến 800 người. Sự thật, những người này chỉ là chiến sĩ từ các “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zone militaires exclusives) trên lãnh thổ Việt Nam và số lượng của họ ít hơn so với chỉ số mà Sài Gòn đưa ra¹⁴⁷. Theo tài liệu Fulro, chỉ vì người Mỹ không tiếp tế lương thực, súng đạn như đã hứa mà Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro đã cho phép họ trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn¹⁴⁸.

Tướng Nguyễn Văn Thiệu, chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia và tướng Nguyễn Cao Kỳ, chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, đến Pleiku vào ngày 15 tháng 10 năm 1966

¹⁴⁴ Tài liệu Fulro: 7-66. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 154 và Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 39.

¹⁴⁵ Tài liệu Fulro: 9-66. Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 130.

¹⁴⁶ N. C. La Brie, 1971: 90-91 và Gerald C. Hickey, 1982b: 155.

¹⁴⁷ Những quan sát viên cho rằng chỉ có 200 chiến sĩ Fulro trong số 800 người mà chính quyền Sài Gòn nêu ra, còn 600 người khác là những binh lính dân tộc thiểu số hiện đang phục vụ trong quân đội Sài Gòn (Gerald C. Hickey, 1982b: 155). Ngược lại, Nguyễn Trắc Dĩ (1969a: 41, 51) cho rằng lễ trở về hợp tác xảy ra ngày 16-10-1966 có sự hiện diện của 500 binh sĩ Fulro trở về (trang 41). Nhưng trang 51, ông ta lại viết chỉ có 250 người, trong đó có 1000 cảm tình viên của Fulro tham dự lễ này.

¹⁴⁸ Tài liệu Fulro: 10-66.

Tình hình năm 1964-1969

để tham dự buổi lễ Fulro trở về hợp tác. Trong dịp này Tướng Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố rằng chính quyền Việt Nam quyết định trả tự do cho 50 tù binh Fulro để mừng ngày trở về hợp tác này¹⁴⁹.

Để thỏa mãn một trong những yêu sách của Fulro, một phiên họp giữa Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ và đại diện của Fulro được tổ chức vào ngày 15 tháng 10 năm 1966 để thành lập một ban liên lạc giữa chính quyền Sài Gòn và Hội Đồng Tối Cao của mặt trận này¹⁵⁰.

Ngày 26 tháng 12 năm 1966, Sài Gòn tổ chức một hội đàm khác tại Pleiku giữa phái đoàn Việt Nam do tướng Vĩnh Lộc hướng dẫn, có sự hiện diện của Paul Nử và những đại biểu của Fulro. Mục đích của hội đàm là bàn luận cuộc trở về hợp tác lần thứ hai của các chiến binh Fulro đang sinh hoạt tại các “khu quân sự bất khả xâm phạm” (zone militaires exclusives) thuộc tỉnh Darlac¹⁵¹.

Biến cố năm 1967

Đầu tháng 1 năm 1967, đại tá Lès Kosem và Y Bham Enuôl tổ chức phiên họp để bàn về việc trở về Việt Nam của một số gia đình binh sĩ không còn ở Kampuchea nữa¹⁵². Được giấy triệu tập của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, Y Dhé Adrong, trưởng Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) sang Kampuchea ngày 27 tháng 2 năm 1967 để thảo luận vấn đề này¹⁵³.

¹⁴⁹ Tài liệu Fulro: 10-66. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 42 và Gerald C. Hickey, 1982b: 155.

¹⁵⁰ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 45.

¹⁵¹ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 47.

¹⁵² Tài liệu Fulro: 1-67.

¹⁵³ Tài liệu Fulro: 2-67. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 51.

Tình hình năm 1964-1969

Những yêu sách của Fulro

Ngày 29 tháng 3 năm 1967, Y Dhé Adrông trở về Việt Nam mang theo một công văn của Y Bham Enuôl cho biết Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro chấp thuận sự trở về lần thứ hai của 2500 chiến binh Fulro nếu chính quyền Việt Nam chấp nhận những yêu sách sau đây:

1. Chấp nhận một qui chế đặc biệt dành cho dân tộc thiểu số.
2. Thành lập một Tổng Ủy Sắc Tộc mà trụ sở đặt tại Ban Mê Thuột.
3. Công nhận cho Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro được quyền có quân đội riêng.
4. Công nhận cho Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro được quyền nhận trực tiếp viện trợ của nước ngoài.
5. Công nhận cho Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro có lá cờ riêng.
6. Đảm bảo sự tiếp tế lương thực và súng đạn cho các chiến sĩ Fulro.
7. Cam kết không truy nã và bắt giam các chiến sĩ Fulro.
8. Chấp thuận sự tham gia của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro vào hội đồng bộ trưởng Việt Nam.
9. Trả tự do cho tất cả tù binh Fulro
10. Cho phép dân tộc thiểu số có quyền tiếp tế lương thực cho lực lượng Fulro¹⁵⁴.

Sau khi nhận được văn thư của Y Bham Enuôl, Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ, nhân danh chính phủ Việt Nam, trả lời cho Mặt

¹⁵⁴ Tài liệu Fulro: 3-67. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 51.

Tình hình năm 1964-1969

Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro với nội dung như sau:

1. Ban hành qui chế đặc biệt và thành lập Tổng Ủy Sắc Tộc sẽ được cứu xét phù hợp với luật pháp Việt Nam.
2. Sự thành lập một quân đội riêng của Fulro có thể dự kiến, nhưng vấn đề này còn tùy thuộc vào ngân sách quốc gia và sự đồng ý của Bộ Quốc Phòng.
3. Quyền Fulro có một lá cờ riêng phải được hội đồng sắc tộc chấp nhận.
4. Việc trả tự do cho các tù binh Fulro chỉ có thể xảy ra sau khi có sự trở về hợp tác của Fulro lần thứ hai.
- 5- Chính quyền Sài Gòn không chấp thuận dân tộc thiểu số tiếp lương thực cho binh sĩ Fulro¹⁵⁵.

Thành lập hội đồng sắc tộc

Ngày 1 tháng 4 năm 1967, chính quyền Sài Gòn công bố hiến pháp mới của Việt Nam. Điều 66 của hiến pháp có ghi rõ là phó tổng thống nước Cộng Hòa Việt Nam kiêm nhiệm chức vụ chủ tịch Hội Đồng Sắc Tộc này. Điều 97 cho rằng hội đồng này có trách nhiệm đệ trình lên chính phủ những đề nghị cụ thể liên quan đến vấn đề dân tộc thiểu số. Theo điều 98 của hiến pháp mới, một phần tư thành viên của Hội Đồng Sắc Tộc sẽ được tổng thống tuyển chọn, những người khác sẽ do cử tri dân tộc thiểu số bầu ra trong một nhiệm kỳ là bốn năm¹⁵⁶.

Theo đại tá Lès Kosem, sự hình thành Hội Đồng Sắc Tộc là một văn chương lừa gạt, vì cơ quan này chỉ là hội đồng tham vấn nhưng không có quyền lực gì để giải quyết những vấn đề dân tộc thiểu số¹⁵⁷. Cũng trong thời gian đó, Mặt Trận Giải

¹⁵⁵ Tài liệu Fulro 3-67. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 57-58.

¹⁵⁶ Gerald C. Hickey, 1982b: 160.

¹⁵⁷ Tài liệu Fulro: 4-67.

Tình hình năm 1964-1969

Phóng Kampuchea Krom-Fulro ra một thông báo ủng hộ 10 điểm trong yêu sách của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro” đã đề ra vào ngày 29-3-1967¹⁵⁸.

Nhằm giải quyết sự ổn định chính trị và quân sự trên Cao Nguyên, chính quyền Việt Nam chấp thuận tổ chức một hội nghị thương thuyết với Fulro vào ngày 15-4-1967 tại Ban Mê Thuột. Trong hội nghị này, tướng Vĩnh Lộc là người đại diện cho chính phủ Sài Gòn và Paul Nử là phụ tá. Vì có sự mâu thuẫn trong nội bộ, Hội Đồng Tối Cao Fulro yêu cầu dời hội nghị sang ngày lại¹⁵⁹. Theo tài liệu Fulro cho biết, Hội Đồng Tối Cao Fulro từ chối cho phép Y Bham Enuôl tham dự hội nghị ấy với danh nghĩa là đại diện cho các dân tộc “Thượng” và Chă mà là đại diện cho tất cả ba tổ chức liên minh của Fulro. Dựa trên danh nghĩa này, Y Bham Enuôl có thể đưa ra vấn đề của tất cả dân tộc thiểu số ở miền nam Việt Nam trong đó có dân tộc Khơ Mer. Y Bham Enuôl từ chối quan điểm này, lý luận rằng chính phủ Sài Gòn không chấp thuận bàn đến vấn đề người Khơ Me sống tại miền nam Việt Nam.

Để giải quyết sự rắc rối ấy, Hội Đồng Tối Cao Fulro nhượng bộ một bước cho phép Y Bham Enuôl tham gia hội nghị dù chương trình của hội đàm chỉ đề cập đến các vấn đề người Thượng và người Chăm miền trung Việt Nam¹⁶⁰. Sự tiếp xúc đầu tiên diễn ra ngày 02-5-1967 tại Ban Mê Thuột giữa Y Bham Enuôl, đại diện Fulro và tướng Vĩnh Lộc, đại diện chính phủ Sài Gòn. Kết quả của hội đàm, Y Bham và Vĩnh Lộc ra một thông cáo chung vào ngày 5-5-1967 ghi rõ là chính quyền Việt Nam chỉ chấp nhận ban hành “qui chế đặc biệt” sau ngày

¹⁵⁸ *South Vietnam...1967: 29-30; Gerald C. Hickey, 1982b: 161.*

¹⁵⁹ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 59; Gerald C. Hickey, 1982b: 161.

¹⁶⁰ Tài liệu Fulro: 4-67.

trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn của tất cả lực lượng Fulro¹⁶¹.

Theo Nguyễn Trắc Dĩ, sự gặp gỡ lần đầu tiên này đã diễn ra trong bầu không khí cởi mở. Ngược lại, một số quan sát viên có mặt trong hội nghị ngỡ vực về kết quả của cuộc đàm phán này. Họ biết rằng Y Bham Enuôl là người đại diện cho mặt trận Fulro trong hội nghị, nhưng chỉ nắm giữ vai trò phụ thuộc trong phong trào này. Chính vì thế, những quan sát viên tiên đoán là Hội Đồng Tối Cao Fulro có trụ sở đặt tại Phnom-Pênh sẽ không tán thành nội dung bản thông cáo của Y Bham và Vĩnh Lộc¹⁶².

Y Bham Enuôl đánh chính

Ngày 12 tháng 5 năm 1967, Y Bham gặp đại tá Lès Kosem tại Phnom-Pênh để thông tin về những đề nghị của Việt Nam. Theo Lès Kosem, những đề nghị ấy chỉ là một chiến lược che mắt (poudre aux yeux). Fulro không bao giờ chấp nhận Y Bham Enuôl và lực lượng Fulro trở về Việt Nam hợp tác trong khi đó chính quyền Sài Gòn chưa ban hành “qui chế đặc biệt” cho Cao Nguyên. Dựa theo lời yêu cầu của Lès Kosem, Y Bham Enuôl viết một công văn¹⁶³ cho tướng Vĩnh Lộc đề số 65/ FLHPC/Fulro tức là chữ viết tắt của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, phủ nhận nội dung của thông cáo ngày 5 tháng 5 năm 1967 và đòi hỏi chính quyền Sài Gòn phải thỏa mãn những yêu sách sau đây của Fulro:

¹⁶¹ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 61; N. C. La Brie, 1971: 91 và Gerald C. Hickey, 1982b: 162.

¹⁶² Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 61.

¹⁶³ Tài liệu Fulro: 5-67.

Tình hình năm 1964-1969

1. Tổ chức hội nghị ở Phi Luật Tân giữa Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro và chính quyền Sài Gòn có sự hiện diện của các phái đoàn nước ngoài, nhằm duyệt xét lại nội dung của “qui chế đặc biệt” dành cho các dân tộc thiểu số trung phần Việt Nam.
2. Sau khi chấp nhận “qui chế đặc biệt” này, chính quyền Sài Gòn bãi bỏ Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ để thành lập Tổng Ủy Sắc Tộc có trụ sở đặt tại Buôn Mê Thuột. Tổng Ủy này có sứ mệnh quản lý khu vực Cao Nguyên tự trị.
3. Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro có quyền thành lập quân đội riêng gồm 150.000 người đặt dưới sự chỉ huy của Tổng Ủy Sắc Tộc.
4. Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro có quyền có lá cờ riêng
5. Chính quyền Sài Gòn sẽ tổ chức một hội nghị để triển khai và hợp pháp hóa “qui chế đặc biệt” này.
6. Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro có quyền nhận trực tiếp viện trợ của nước ngoài¹⁶⁴.

Để chứng tỏ sự thiện chí của mình, chính quyền Việt Nam trả lời rằng mọi yêu sách của Fulro phải do dân tộc thiểu số biểu quyết trong một hội nghị. Hội Đồng Tối Cao Fulro chấp nhận điều kiện mà Sài Gòn đã đưa ra.

Ngày 25 và 26 tháng 6 năm 1967, chính quyền Sài Gòn tổ chức một hội nghị các dân tộc thiểu số tại Ban Mê Thuột nhằm cứu xét yêu sách Fulro đề ra ngày 12-5-1967. Phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro gồm có Y Dhé Adrông, trưởng “Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức” (DSO-Fulro) và Y Ngô Buôn Ya, Y Druin Mlô (còn gọi là

¹⁶⁴ Tài liệu Fulro , 5-67. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 63.

Philippe Drouin)¹⁶⁵. Sau hai ngày thảo luận, hội nghị này đưa ra quyết định chung gồm có 5 điểm sau:

1. Chính quyền Sài Gòn phải ban hành trong thời gian ngắn nhất “qui chế đặc biệt” cho các dân tộc thiểu số.
2. Nếu không thể thành lập một Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc, chính quyền Sài Gòn phải thay thế Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ hiện hành thành Bộ Sắc Tộc.
- 3- Chính quyền Sài Gòn sẽ thành lập ở các tỉnh có dân tộc thiểu số một lực lượng vũ trang địa phương tập trung các binh lính sắc tộc đặc dưới quyền chỉ huy của vị tỉnh trưởng.
- 4- Hội nghị không chấp nhận Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro có lá cờ riêng.
- 5- Hội nghị không chấp nhận tổ chức cuộc đàm phán về sắc tộc ở Phi Luật Tân¹⁶⁶.

Vấn đề các đại diện của Fulro trong hội nghị này

Sự có mặt của Y Ngô Buôn Ya, Y Tang Phaok và Y Druin Mlô (Phippe Drouin) trong phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro để tham gia hội nghị các dân tộc thiểu số ngày 25 và 26-6-1967 đã trở thành một đề tài tranh luận trong phiên họp Hội Đồng Tối Cao Fulro. Theo tư liệu Fulro, một số trí thức “Thượng” không ưa thích ba chiến sĩ trẻ tuổi này, đặc biệt là Nay Luett đã tố cáo công khai Y Ngô Buôn Ya làm gián điệp cho Sài Gòn và cho Y Druin Mlô là kẻ tham ô, lợi dụng, sống nhờ đồng lương của các chiến sĩ Fulro đóng góp¹⁶⁷. Theo Y Bham Enuôl, ba người này không phải do ông ta

¹⁶⁵ Tài liệu Fulro: 6-67. Được xác nhận bởi Nguyễn Trác Dĩ, 1969a: 6; N. C. La Brie, 1971: 92 và Gerald C. Hickey, 1982b: 163.

¹⁶⁶ Nguyễn Trác Dĩ, 1969a: 65-66 và N. C. La Brie, 1971: 93.

¹⁶⁷ Tài liệu Fulro: 6-67. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 163.

Tình hình năm 1964-1969

đề cử mà do Y Dhé Adrông, trưởng Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) ở Buôn Mê Thuột đưa ra¹⁶⁸.

Áp dụng lần thứ nhất nghị quyết của hội nghị

Ngày 3-9-1967 là ngày bầu cử tổng thống Việt Nam Cộng Hòa. Để được lá phiếu của các dân tộc thiểu số, tướng Nguyễn Văn Thiệu và tướng Nguyễn Cao Kỳ, ứng cử viên tổng thống và phó tổng thống đến Ban Mê Thuột ngày 28-8-1967 để vận động cử tri. Trong dịp này, Nguyễn Văn Thiệu, chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia ký sắc lệnh số 0033/76 để ban hành “qui chế đặc biệt” dành cho dân tộc thiểu số mà hội nghị các dân tộc thiểu số ngày 25 và 26-6-1967 đã yêu cầu, và một sắc lệnh khác mang số 0034/67 công nhận quyền sở hữu đất đai của các dân tộc thiểu số, yêu sách mà Fulro đã đòi hỏi từ mấy năm qua¹⁶⁹.

Quan điểm của Y Bham Enuôl đối với hai sắc lệnh này

Sau khi nhận được bản sao của các sắc lệnh ấy, Y Bham Enuôl đã gửi cho tổng thống Nguyễn Văn Thiệu một công văn của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro mang số 238/FLHPC/Fulro đề ngày ngày 11-10-1967¹⁷⁰ (FLHPC là chữ viết tắt của Front de Libération des Hauts Plateaux du Champa, tức là Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa). Trong bức thư này, Y Bham Enuôl rất hoan nghênh sự ra đời của “qui chế đặc biệt” và công nhận quyền sở hữu đất đai của dân tộc thiểu

¹⁶⁸ Tài liệu Fulro: 6-67.

¹⁶⁹ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 67; N. C. La Brie, 1971: 94; Gerald C. Hickey, 1982b: 163; Ngôn Vinh, 1995: 84.

¹⁷⁰ N. C. La Brie, 1971: 95.

Tình hình năm 1964-1969

số, nhưng ông ta phản đối chính quyền Sài Gòn vì không chấp nhận giải quyết bốn điểm sau đây:

1. Sự thành lập “Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc”
2. Fulro được quyền có một quân đội riêng chứ không phải lực lượng địa phương ở cấp tỉnh.
3. Fulro có một lá cờ riêng.
4. Fulro được quyền nhận trực tiếp những viện trợ của nước ngoài¹⁷¹.

Ngày 3 tháng 9 năm 1967, Nguyễn Văn Thiệu đắc cử tổng thống và Nguyễn Cao Kỳ, phó tổng thống. Trong khi đó, Ksor Rốt (Jarai) và Tôn Ai Liêng (Chăm Châu đốc) là hai thành viên Fulro, đắc cử thượng nghị sĩ¹⁷². Nhân dịp này Lès Kosem viết thư chúc mừng Ksor Rốt và Tôn Ai Liêng¹⁷³.

Một tháng sau, ngày 22 tháng 10 năm 1967, trong cuộc bầu cử Quốc Hội, Y WiK Buôn Ya (Radê) đắc cử dân biểu dưới nhãn hiệu Fulro, năm người khác gồm Thượng và Chăm đắc cử với tư cách là ứng cử viên độc lập¹⁷⁴.

Cuối tháng 9 năm 1967, trong cuộc họp của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro tại Phnom-Pênh để bàn về cuộc bầu cử ở Việt Nam, đại tá Lès Kosem gửi đến các đại biểu dân tộc thiểu số một thông điệp khen ngợi. Đồng thời ông ta cũng lên tiếng bày tỏ sự lo âu của ông về một số ứng cử viên Chăm Phan Rang và Phan Rí không tôn trọng chỉ thị của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, lợi dụng cơ hội bầu cử để tranh chấp quyền lợi riêng tư và trả thù đối thủ của

¹⁷¹ Tài liệu Fulro: 10-67. Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 95.

¹⁷² Gerald C. Hickey, 1982b: 164.

¹⁷³ Tài liệu Fulro: 9-67.

¹⁷⁴ Tài liệu Fulro: 10-67. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 164.

Tình hình năm 1964-1969

mình để rồi gây ra sự chia rẽ và rạn nứt trong cộng đồng người Chăm ở Việt Nam¹⁷⁵.

Thành lập Bộ Phát Triển Sắc Tộc

Sự đắc cử tổng thống của tướng Nguyễn Văn Thiệu, nhà lãnh đạo gốc người Phan Rang nơi có đông dân cư người Chăm, đã đánh dấu một bước ngoặt trong mối liên hệ chính trị giữa chính quyền Sài Gòn và Fulro, bởi vì Nguyễn Văn Thiệu có quan điểm rằng chính phủ Sài Gòn phải giải quyết vấn đề dân tộc thiểu số của miền trung Việt Nam để cô lập ảnh hưởng của cộng sản trên Cao Nguyên.

Dựa vào kết quả của hội nghị các dân tộc thiểu số vào ngày 25 và 26 tháng 6 năm 1967 và sau khi tham khảo những đại biểu của hai viện Quốc Hội, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ký ngày 16-12-1967 một số sắc lệnh thay thế Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ thành Bộ Phát Triển Sắc Tộc.

Sự đề cử một nhân vật để điều hành Bộ Phát Triển Sắc Tộc là kết quả của một cuộc thương thuyết khó khăn giữa Fulro và chính quyền Sài Gòn. Hội Đồng Tối Cao Fulro đề nghị Nay Luett (Jarai) làm bộ trưởng. Ngược lại, chính phủ Sài Gòn muốn chọn Paul Nử (Bana). Cuối cùng, Paul Nử được đề cử vào chức vụ này. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng đề cử hai thứ trưởng, một người phụ trách về dân tộc Chăm và một người phụ trách về dân tộc thiểu số Bắc Việt di cư sau 1954. Nhưng Sài Gòn từ chối cử một thứ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc phụ trách về dân tộc Khờ Me Krom¹⁷⁶.

Sau ngày thành lập Bộ Phát Triển Sắc Tộc, đại tá Lès Kosem vẫn giữ thái độ không tin tưởng vào chế độ Sài Gòn và

¹⁷⁵ Tài liệu Fulro: 10-67. Được xác nhận bởi Jata Aneh, 1968: 23 và Lộ Trung Căn, 1999, 127-134.

¹⁷⁶ Tài liệu Fulro: 12-67. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1082: 164.

Tình hình năm 1964-1969

yêu cầu các vị lãnh đạo của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro không nên đánh giá thấp tài năng chính trị của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, một nhân vật có thể lật lại thế cờ bất cứ lúc nào để đem lợi ích cho chính quyền Sài Gòn hơn là cho tổ chức của Fulro¹⁷⁷.

Sài Gòn trả lời văn thư của Y Bham Enuôl đề ngày 11-10-1967

Để trả lời văn thư của Y Bham Enuôl đề ngày 11-10-1967 yêu cầu bổ sung sắc lệnh liên quan đến “qui chế đặc biệt” của các dân tộc thiểu số ký ngày 28-8-1967 của chính phủ Sài Gòn, văn phòng thủ tướng chính phủ Việt nam gửi đến ông Y Bham Enuôl một văn thư đề ngày 23-12-1967 mang số 98/P-TH.T/VP/M có nội dung cho rằng chính quyền Sài Gòn không có chức năng để tu bổ qui chế ấy, vì đó thuộc về thẩm quyền của Quốc Hội Việt Nam¹⁷⁸.

Sau khi nhận bức thư ấy, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro tuyên bố sẽ dùng vũ lực để giải quyết sự bất đồng quan điểm này¹⁷⁹.

Ngày 26 tháng 12 năm 1967, Paul Nử, bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc đề nghị với tổ chức Fulro mở một phiên họp nhằm tìm cách tháo gỡ việc sửa đổi “qui chế đặc biệt” mà Fulro đòi hỏi¹⁸⁰.

Biến cố năm 1968

¹⁷⁷ Tài liệu Fulro: 12-67.

¹⁷⁸ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 70.

¹⁷⁹ Tài liệu Fulro: 12-67.

¹⁸⁰ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 70.

Tình hình năm 1964-1969

Cách chức quận trưởng quận An Phước

Vào cuối năm 1967, tướng Vĩnh Lộc, tư lệnh quân đoàn II đóng tại Pleiku, nhận được một bản báo cáo nói rằng đại úy Dương Tấn Sở (dân tộc Chăm), quận trưởng quận An Phước được sự ủng hộ của Fulro, không còn tuân theo lệnh của cấp trên nữa, đặc biệt là trung tá Kha Vạn Huy, tỉnh trưởng Ninh Thuận. Ngày 6-1-1968, tướng Vĩnh Lộc đưa lực lượng sư đoàn 23 bộ binh đến Phan Rang, xâm chiếm trụ sở quận An Phước và cách chức đại úy Dương Tấn Sở vì tội theo Fulro, chống nhà nước Việt Nam. Ngày 17-01-1968, tướng Vĩnh Lộc ra lệnh chuyển đại úy Dương Tấn Sở về DaLat. Ngày 1-01-1968 hàng trăm chức sắc tôn giáo và trí thức Chăm tụ tập tại tỉnh lỵ Phan Rang yêu cầu chính quyền Sài Gòn trả tự do cho ông Dương Tấn Sở. Trước tình hình đó, tướng Vĩnh Lộc đưa đại úy Dương Tấn Sở về tạm trú ở Ban Mê Thuột để tiện việc canh chừng cẩn mật¹⁸¹.

Sự tử hình Y Kdruin Mlô

Ngày 26 tháng 1 năm 1968, dựa vào bản báo cáo của cơ quan tình báo Fulro, Y Bham Enuôl ra một thông cáo kết tội Y Kdruin Mlô (tức Philippe Drouin) là thành viên phản bội tổ chức, làm gián điệp cho Sài Gòn, lợi dụng tiền quỹ của Fulro làm của riêng tư của mình. Một vài ngày sau, Y Kdruin Mlô bị tử hình tại cầu 14 gần Ban Mê Thuột¹⁸².

Sự tử hình của Y Wik Buôn Ya

¹⁸¹ Tài liệu Fulro: 1-68.

¹⁸² Y Bham Enuôl, 1968. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 169-172.

Tình hình năm 1964-1969

Ngày 19 tháng 1 năm 1968, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, sau khi mở cuộc tấn công gọi là “tổng tấn công Tết Mậu Thân”, chiếm trụ sở Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) tại Ban Mê Thuột. Trong cuộc tấn công này, Y Wik Buôn Ya, dân biểu Quốc Hội Việt Nam đắc cử dưới lá cờ Fulro, bị bắt và bị tử hình¹⁸³.

Sau cuộc tổng tấn công tết Mậu Thân (1968), ngoài thành phố lớn và các căn cứ chiến lược quân sự ở Việt Nam, toàn khu vực Cao Nguyên đều bị quân cộng sản kiểm soát. Từ đó, lực lượng Fulro đóng quân tại Việt Nam không còn liên lạc được với tổng hành dinh ở Kampuchea nữa. Kể từ đó Y Bham Enuôl bắt đầu nghĩ đến chính sách trở về Việt Nam để hợp tác với chính phủ Sài Gòn. Đại tá Lès Kosem phản đối chiến lược này, lý luận rằng sự trở về hợp tác của Y Bham Enuôl với chính quyền Sài Gòn sẽ kéo theo sự sụp đổ của tổ chức Fulro¹⁸⁴.

Vào tuần thứ ba của cuối tháng 3 năm 1969, Y Bham Enuôl báo cho ông Y Dhé Adrông, trưởng Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) tại Ban Mê Thuột, biết rằng ông ta có ý định trở về hợp tác với chính phủ Việt Nam và yêu cầu chính quyền Sài Gòn bảo đảm an ninh cho sự trở về này¹⁸⁵.

Trước sự phản đối của Lès Kosem, Y Bham Enuôl hăm dọa rút lui ra khỏi Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro để thành lập một phong trào mới mang tên là Front de Libération des Hauts du Pays Montagnards du Sud (FLPMSI), tức là “Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương” và yêu cầu Hội Đồng Tối Cao Fulro công nhận mặt trận mới này như là một trong tổ chức liên minh của Fulro. Theo Y Bham Enuôl, danh xưng mặt trận mới này cũng nhằm giải

¹⁸³ N. C. La Brie, 1971: 131 và Gerald C. Hickey, 1982b: 181.

¹⁸⁴ Tài liệu Fulro: 1-68. Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 96.

¹⁸⁵ Norman C. La Brie, 1971: 96; Gerald C. Hickey, 1982b: 187.

thích với dân tộc Tây Nguyên rằng ông ta không phải ở Kampuchea để đấu tranh cho chính nghĩa Champa như đại tá Lès Kosem mong muốn mà là để bảo vệ quyền lợi những người “Thượng” ở miền trung Việt Nam¹⁸⁶.

Theo báo cáo của cơ quan tình báo Fulro, sự thành lập Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương phát xuất từ Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) tại Buôn Mê Thụt đã giải thích cho Y Bham Enuôl rằng chính quyền Sài Gòn từ chối mọi sự thương thuyết với Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, bởi vì, theo Sài Gòn, Y Bham Enuôl không có liên hệ lịch sử với Champa, một vương quốc của người Chăm, chứ không phải là xứ sở của người Thượng.

Một cuộc họp diễn ra vào cuối tháng 3 năm 1968 tại Phnom-Pênh giữa Lès Kosem và thành viên trung thành với ông ta như Ksor Duôt (Jarai), Kpa Dơh (Jarai), Y Nham Eban (Radê) Y Bhan Kpơr (Radê), Yang Neh (Đàng Năng Giáo, Chăm Phan Rang) để nghiên cứu lại vấn đề của Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương. Trong dịp này, những người có mặt yêu cầu Lès Kosem chinh phục Y Bham Enuôl phải ở lại trong ban lãnh đạo của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro. Và nếu cần thì làm áp lực với ông ta bằng cách đưa ra tòa án của mặt trận để giải thích vụ ám sát Y Dơn Adrơng, Y Nhuin (1966) và vụ tử hình Y Druin Mlô (1968). Lès Kosem trả lời rằng Hội Đồng Tối Cao Fulro không thể cản trở Y Bham Enuôl trở về Việt Nam. Để giải quyết vấn đề, Lès Kosem yêu cầu phải tìm một giải pháp khác làm thế nào sự trở về Việt nam của Y Bham sẽ mang lợi ích cho cả đôi bên¹⁸⁷.

¹⁸⁶ Tài liệu Fulro: 3-68. Được xác nhận bởi N. C. La Bric, 1971: 96 và Gerald C. Hickey, 1982b: 187.

¹⁸⁷ Tài liệu Fulro: 3-68.

Tình hình năm 1964-1969

Ngày 10 tháng 4 năm 1968, thủ tướng Việt Nam gửi công văn số 245/th.T/VT/M đến ông Paul Nư, bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc, cho phép ông ta mời ông Y Bham Enuôl đến bàn hội nghị. Y Dhé Adrông, trưởng Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) đến tổng hành dinh Fulro ở Mondulkisi (Kampuchea) để trao văn thư này cho Y Bham Enuôl¹⁸⁸.

Ngày 2 tháng 5 năm 1968, Y Bham Enuôl, nhân danh Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương mà ông ta vừa thành lập vào tháng 3 năm 1968, gửi cho tổng thống Nguyễn Văn Thiệu một công văn số 211/FLPMSI/S.

Ngày 9 tháng 5 năm 1968, Y Dhé Adrông rời Mondulkiri để trở về Việt Nam và trao cho chính quyền Sài Gòn văn thư chính thức ấy, trong đó Y Bham Enuôl cho biết ông ta sẽ về Việt Nam tham dự cuộc thương thuyết này với điều kiện là chính phủ Sài Gòn phải gửi cho ông những văn bản sau đây:

1. Một bức thư có chữ ký của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và chữ ký của đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn bảo đảm an ninh cho phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương trong những ngày cư trú tại Việt Nam.

2. Đảm bảo cung cấp cho các thành viên của phái đoàn những sự dễ dãi về lương thực và chỗ ở trong thời gian đàm phán¹⁸⁹.

Sau khi nhận được bản sao công văn của Y Bham Enuôl gửi đến chính quyền Sài Gòn nhân danh Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương nhưng không đề cập đến

¹⁸⁸ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 72.

¹⁸⁹ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 72.

Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, Lès Kosem yêu cầu Y Bham Enuôl đến Phnom-Pênh để giải thích lý do của sự thay đổi danh xưng này. Vì không còn lối thoát, đại tá Um Savuth và Lès Kosem chấp nhận mặt Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương là một thành viên trong tổ chức liên minh Fulro, với điều kiện là vị chủ tịch của Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương không phải là Y Bham Enuôl mà là Y Dhé Adrông, trưởng Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức» (DSO-Fulro). Theo Um Savuth và Lès Kosem, sự hình thành Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương là một yếu tố rất thích hợp với hoàn cảnh, vì mặt trận mới này có thể thay thế cho Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Nord không còn hoạt động nữa vì thiếu thành viên gia nhập. Để kết thúc phiên họp này, đại tá Um Savuth và Lès Kosem đề nghị là cuộc thương thuyết với chính phủ Sài Gòn được đặt dưới sự bảo trợ Mặt trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức (Fulro) và ông Y Bham Enuôl là người chỉ đạo cả ba phái đoàn dưới đây:

1. Phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Krom đặt dưới sự hướng dẫn của Tham Apol (biệt hiệu Thạch Chea, Khờ Me Krom).

2. Phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa do ông Souleiman (Thiên Sanh Thi, Chăm Phan Rang) hướng dẫn¹⁹⁰.

3. Phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương” do Y Dhé Adrông (Ra đê) hướng dẫn¹⁹¹.

Lès Kosem và Um Savuth cho rằng đây là giải pháp cuối cùng mà Y Bham Enuôl phải chấp nhận, nếu không, Hội

¹⁹⁰ Tài liệu Fulro (5-68) nói là trung ương Fulro giao cho Yang Neh (Đàng Năng Giáo) làm trưởng phái đoàn, nhưng Y Bham phản đối.

¹⁹¹ Tài liệu Fulro: 5-68.

Tình hình năm 1964-1969

Đồng Tố Cao Fulro sẽ không cho phép ông ta tham dự cuộc đàm phán¹⁹².

Ngày 19 tháng 6 năm 1968, thủ tướng Việt Nam Trần Văn Hương đề nghị tổ chức một hội nghị giữa chính quyền Sài Gòn và Fulro vào ngày 2 tháng 8 năm 1968 tại trường trung học kỹ thuật Y Ut, Ban Mê Thuột. Trong dịp này, ông ta gửi cho Y Bham Enuôl một thư mời chính thức nói rõ là chính quyền Sài Gòn sẽ chấp thuận dành cho các thành viên Fulro mọi sự dễ dãi trong những ngày lưu trú tại Việt nam¹⁹³.

Theo chương trình, phái đoàn Việt Nam đặt dưới quyền hướng dẫn của ông Paul Nư, Bộ Trưởng Phát Triển Sắc Tộc có sự hiện diện của Châu Văn Mổ, thứ trưởng phụ trách về vấn đề Chăm và những thành viên của Bộ Quốc Phòng, Bộ Nội Vụ cũng như nhiều nhà lãnh đạo quân sự quân đoàn II. Ngày 1 tháng 8 năm 1968, Paul Nư tổ chức một buổi họp để chuẩn bị tiếp đón, nhưng phái đoàn Y Bham Enuôl chỉ đến Việt Nam vào buổi chiều ngày 2-8-1968¹⁹⁴.

Những yêu sách của Fulro

Cuộc đàm phán diễn ra tại trường trung học kỹ thuật Y Ut Ban Mê Thuột từ ngày 3 đến 9 tháng 8 năm 1968, Trong diễn văn khai mạc, Paul Nư phản đối sự có mặt của phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Krom do ông Tham Pol (Khor Mer miền nam) hướng dẫn, vì cuộc đàm phán này chỉ đề cập đến các vấn đề người Thượng và Chăm. Y Bham Enuôl trả lời nếu ông

¹⁹² Tài liệu Fulro: 5-68. Được xác nhận bởi Ngôn Vĩnh, 1995: 85

¹⁹³ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 73; N. C. La Brie, 1971: 96 và Gerald C. Hickey, 1982b: 188.

¹⁹⁴ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 75; N. C. La Brie, 1971: 97 và Gerald C. Hickey, 1982b: 188;

Tình hình năm 1964-1969

Tham Pol có mặt ở đây, vì Fulro là một tổ chức liên hiệp gồm có ba mặt trận sau đây:

- Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Krom
- Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa
- Mặt Trận Giải Phóng Xứ Thượng Miền Nam Đông

Dương thay thế cho Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Phía Bắc¹⁹⁵.

Sau cuộc bàn cãi gây go, chính quyền Sài Gòn chấp nhận sự có mặt của Mặt Trận Giải Phóng Kampuchea Krom như là quan sát viên.

Trong diễn văn của mình, ông Y Bham Enuôl với tư cách là trưởng phái đoàn Fulro (Mặt trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức) nhắc lại những yêu sách của tổ chức đề ngày 11 tháng 10 năm 1967.

1. Thay thế Bộ Phát Triển Sắc Tộc bằng Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc (commissariat général des minorités ethniques) mà trụ sở đặt tại Ban Mê Thuột. Phủ Tổng Ủy là đơn vị hành chính có quy chế tự trị.

2. Fulro được quyền thành lập một quân đội riêng trong những khu vực có sắc dân thiểu số.

3. Fulro có một lá cờ riêng mang ba ngôi sao tượng trưng cho sự đoàn kết của Khờ Me, Chàm và người Thượng.

4. Fulro có quyền nhận viện trợ của nước ngoài.

5. Fulro được quyền tham dự những hội nghị quốc tế liên quan đến ba sắc dân đề cập trên đây¹⁹⁶.

Phái đoàn Sài Gòn trả lời là họ không có thẩm quyền để thỏa mãn những yêu sách trên và đề nghị ông Y Bham Enuôl đến Sài Gòn để gặp thủ tướng chính phủ Việt Nam¹⁹⁷.

¹⁹⁵ N. C. La Brie, 1971: 97 và Gerald C. Hickey, 1982b: 189.

¹⁹⁶ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 80; Gerald C. Hickey, 1982b: 189

Tình hình năm 1964-1969

Ngày 11 tháng 8 năm 1968, Y Bham Enuôl hướng dẫn phái đoàn Fulro về Sài Gòn để gặp thủ tướng Trần Văn Hương. Cuộc hội đàm kéo dài từ 11 đến 14 tháng 8. Tiếp theo đó, văn phòng phủ thủ tướng tuyên bố là những đề nghị của Fulro phải được nghiên cứu sâu đậm hơn và thủ tướng chính phủ sẽ trả lời sau¹⁹⁸.

Sài Gòn phản đối đề nghị Fulro

Ngày 24 tháng 8 năm 1968, chính quyền Sài Gòn ra một thông cáo có nội dung như sau:

1. Fulro có thể có một lá cờ riêng, nhưng lá cờ này phải được chính quyền Sài Gòn chấp nhận.

2. Chính phủ Việt Nam từ chối giải thể Bộ Phát Triển Sắc Tộc. Ngược lại, chánh phủ Sài Gòn chấp nhận thành lập Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc (commissariat général des minorités ethniques), nhưng chỉ tương đương với một ban có quyền hành cao nhất trong Bộ Phát Triển Sắc Tộc này

3. Y Bham Enuôl sẽ được đề cử giữ chức vụ quan trọng trong phủ Tổng Ủy Sắc Tộc này.

4. Chính phủ Việt Nam chấp thuận đề cử tại mỗi tỉnh có đông đồng bào thiểu số, một phó tỉnh trưởng đặc trách về các dân tộc thiểu số và thành lập ở những địa phương này một Ty Phát Triển Sắc Tộc.

¹⁹⁷ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 85; N. C. La Brie, 1971: 98 và Gerald C. Hickey, 1982b: 189; Ngôn Vinh, 1995: 85-86.

¹⁹⁸ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 86 và N. C. La Brie, 1971: 99.

5. Lực lượng vũ trang Fulro có thể liên kết lại thành đại đội trong tổ chức quân sự có qui chế hành chánh và lương bổng của địa phương quân¹⁹⁹.

Ngày 26 tháng 8 năm 1968 Y Bham Eneuôl và phái đoàn Fulro rời Việt Nam về mặt khu Mondulkiri (Kampuchea). Ngày 17-9-1968, ông ta đi Phnom-Pênh để báo cáo lại kết quả của hội nghị.

Sau khi nhận được đầy đủ thông tin, Lès Kosem kết luận rằng hội nghị hòa bình giữa Fulro và chế độ Sài Gòn không mang lại kết quả gì là cụ thể cả. Dựa vào điểm 2 và 3 mà chính quyền Sài Gòn đã đưa ra trong cuộc đàm phán này, Lès Kosem cho rằng chính quyền Việt Nam không dành cho Y Bham Eneuôl một vai trò quan trọng gì trong bộ máy hành chính Việt Nam, vì Y Bham Eneuôl chỉ giữ một chức vị cao nhất của một đơn vị hành chánh đặt dưới quyền chỉ huy của bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc mà thôi.

Tóm lại, những đề nghị của Sài Gòn nhằm giải quyết vấn đề dân tộc thiểu số không được Hội Đồng Tối Cao Fulro chấp nhận.

Những yêu sách mới của FULRO

Sau phiên họp Hội Đồng Tối Cao Fulro vào ngày 17-9-0t, đại tá Um Savuth và Lès Kosem yêu cầu Y Bham Eneuôl trả lời cho chính quyền Việt Nam nhằm đưa ra những yêu sách cụ thể của Fulro như sau:

1. Giữ lá cờ Fulro tượng trưng cho sự đoàn kết các dân tộc Khơ Me, Chăm và Thượng. Lá cờ này có diện tích bằng hai

¹⁹⁹ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 87; N. C. La Brie, 1971: 99 và Gerald C. Hickey, 1982b: 189.

phần ba lá cờ Sài Gòn và sẽ được treo bên trái của lá cờ Việt Nam.

2. Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc sẽ là cơ quan quản lý lãnh thổ tự trị của Cao Nguyên. Lãnh thổ này sẽ có nền hành chính riêng, công an riêng, quân đội riêng, tiền tệ riêng (nếu việc in tiền là cần thiết), nhưng không phải là một quốc gia độc lập.

3. Về quân đội, Fulro có quyền thành lập những đơn vị đại đội ở cấp huyện và tiểu đoàn ở cấp tỉnh.

4. Chính phủ Sài Gòn tiến cử Y Bham Enuôl lên chức chuẩn tướng để điều hành Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc này²⁰⁰.

Theo tài liệu Fulro, sự thành lập Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc là một yêu sách tối quan trọng, vì đây là qui chế hành chính tự trị có thể giúp đồng bào thiểu số ở miền trung Việt Nam có quyền nhận viện trợ của nước ngoài, nhất là của Kampuchea, một quốc gia có cùng biên giới với Tây Nguyên, nhằm phát triển chương trình kinh tế, giáo dục, quân sự và đặc biệt là cơ cấu hạ tầng cơ sở trên Cao Nguyên²⁰¹.

Ngày 18 tháng 10 năm 1968, văn phòng phủ thủ tướng Việt Nam gửi cho Y Bham Enuôl văn thư số 1083/P.Th.T /VP/M để thông báo rằng chính quyền Sài Gòn từ chối yêu sách của Fulro nhằm biến Tây Nguyên thành một lãnh thổ tự trị đặt dưới sự điều hành của Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc mà Y Bham Enuôl là người đứng ra điều hành²⁰².

Trước khi Sài Gòn gửi cho Y Bham Enuôl công văn số 1083/P.Th.T /VP/M đề ngày 18 tháng 10 năm 1968, Y Dhé Adrông, trưởng Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-

²⁰⁰ Tài liệu Fulro: 9-68. Được xác nhận bởi Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 89-90.

²⁰¹ Tài liệu Fulro: 9-68.

²⁰² Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 91.

Tình hình năm 1964-1969

Fulro), tổ chức tại Ban Mê Thuột một phiên họp vào ngày 14-10-1968. Trong phiên họp này, Jaya Mrang (Huỳnh Ngọc Sấn) đặt lại vấn đề thế nào là vai trò của người Chăm Việt Nam trong mặt trận Fulro²⁰³. Những đại biểu khác nêu ra giải pháp nhằm thuyết phục Y Bham Enuôl từ bỏ Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro để thành lập một mặt trận mới với tên gọi là Mặt Trận Giải Phóng Dega-Chàm. Sự hình thành mặt trận mới này nhằm đưa Y Bham Enuôl trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn. Y Dhé Adrông và các thành viên trong phiên họp cũng lên tiếng ủng hộ nội dung bức thư của văn phòng phủ thủ tướng Việt Nam đề ngày 24-8-1968, có nghĩa là bác bỏ yêu sách Tây Nguyên tự trị của Fulro.

Ngày 22 tháng 10 năm 1968 Y Dhé Adrông gửi cho Paul Nư, bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc, một công văn mang số 1048 FLHPC/Fulro/DSO/4p (HLHPC là chữ viết tắt của Front de Libération des Hauts Plateaux du Champa tức là Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa) đề cập đến một số yêu sách mà nhóm ông ta đã đưa ra trong phiên họp ngày 14-10-1968:

1. Thành lập Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc tương đương với Nha hay bộ phận hành chính trong tổ chức của một Bộ.
2. Đề cử Y Bham Enuôl làm Tổng Ủy Sắc Tộc.
3. Chấp thuận cho các thành viên Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro trở về Việt Nam hợp tác với chính quyền Sài Gòn²⁰⁴.

Ngày 15 tháng 11 năm 1968, Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) dưới sự hướng dẫn của Y Bling Krong Păng (Radê) cùng □ với ông Y Dhat Niê Kdam (Radê), Ya

²⁰³ Tài liệu Fulro: 10-68.

²⁰⁴ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 92.

Tình hình năm 1964-1969

Duck (Churu) Jaya Mrang (Chăm) đến Sài Gòn gặp Paul Nử để đặt lại vấn đề liên quan đến sự trở về Việt Nam của ông Y Bham Enuôl. Bộ trưởng Paul Nử trả lời rằng ông ta mong muốn có sự trao đổi với ông Y Dhé Adrông trước khi đưa ra thỏa thuận²⁰⁵.

Ngày 22 tháng 11 năm 1968, Y Dhé Adrông và ba 3 thành viên của Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) đến Sài Gòn để xem lại lần cuối cùng nội dung của hiệp ước liên quan đến sự trở về Việt Nam của ông Y Bham Enuôl²⁰⁶.

Ngày 12 tháng 12 năm 1968, hiệp ước thỏa thuận về việc Y Bham Enuôl trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn được ký kết giữa ông Paul Nử (đại diện chính phủ Việt Nam) và Y Dhé Adrông, nhân danh Y Bham Enuôl. Hiệp ước này có năm điểm như sau:

1. Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro sẽ có lá cờ riêng phù hợp với luật pháp hiện hành Việt Nam.
2. Bộ Phát Triển Sắc Tộc sẽ được thay thế bằng Bộ Sắc Tộc
3. Sau ngày trở về, Y Bham Enuôl sẽ được đề cử vào chức vụ xứng đáng trong cơ cấu tổ chức hành chính Việt Nam.
4. Sẽ thành lập một văn phòng đại diện các sắc tộc trên cao nguyên có quyền hạn tương đương với cơ quan cao cấp nhất trong một Bộ.
5. Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro có quân đội riêng ở cấp đại đội²⁰⁷.

²⁰⁵ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 93.

²⁰⁶ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969: 93 và N. C. La Brie, 1971: 100.

²⁰⁷ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 64-67 và N. C. La Brie, 1971: 100.

Tình hình năm 1964-1969

Dựa vào sự thoả thuận này, thủ tướng Trần Văn Hương ký sắc lệnh số 1421/P/Th.T/T Tr/M đề ngày 19/12/1968 cho phép sự trở về Việt Nam của YBham Enuôl²⁰⁸.

Sau khi nhận được bản sao sắc lệnh số 1421/P/Th.T/T Tr/M của thủ tướng Trần Văn Hương do cơ quan tình báo chuyển đến, Lès Kosem liền tổ chức một cuộc họp Hội Đồng Tối Cao Fulro tại Phnom-Pênh nhưng không có sự hiện diện của YBham Enuôl, nhằm cứu xét diễn biến chính trị mới này²⁰⁹. Theo Lès Kosem, Y Bham Enuôl và một số thành viên thân cận của ông ta quyết định từ bỏ chính sách đấu tranh vũ trang để trở về Việt Nam hợp tác với chính quyền Sài Gòn. Ngược lại, những người thân cận với Lès Kosem như Kpa Dơh (Jarai), Ksor Duot (Jarai), Y Nham Eban (Radê), Y Bhan Kpơr (Radê), Yang Neh (Đàng Năng Giáo, Chàm Phan rang) chống đối kịch liệt quan điểm của ông Y Bham Enuôl. Theo đại tá Lès Kosem và Um Savuth, sự trở về Việt Nam của Y Bham Enuôl sẽ đánh dấu sự sụp đổ của tổ chức Fulro. Nhằm tránh sự tan rã ấy, Hội Đồng Tối Cao Fulro quyết định giữ lại Y Bham Enuôl trên lãnh thổ Cao Miên và giao việc điều hành Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro cho nhóm KapaDơh, Ksor Duot, Y Nham Eban, YBhan Kpơr, Yang Neh, Souleiman²¹⁰.

Việc bắt giữ Y Bham Enuôl

Ngày 28 tháng 12 năm 1968, những thành viên của Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) đến Kampuchea để trao cho Y Bham Enuôl văn bản thoả thuận của thủ tướng Trần Văn Hương đề ngày 19-12-1968. Thừa lệnh đại

²⁰⁸ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 100.

²⁰⁹ Được xác nhận bởi N. C. La Brie, 1971: 101.

²¹⁰ Tài liệu Fulro: 12-68.

Tình hình năm 1964-1969

tá Lès Kosem, đại úy Souleiman (Chăm Hồi Giáo Kampuchea)²¹¹ của quân đội hoàng gia Khơ Me, đưa một lực lượng nhảy dù đến biên giới gần trại lính Le Rolland, để bắt giam những thành viên của Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) mang văn thư của thủ tướng Trần Văn Hương từ Việt Nam sang và tịch thu hồ sơ của họ. Sau đó, đại úy Souleiman đến tổng hành dinh Fulro ở Sen Monorom (tỉnh Mondulkiri) yêu cầu ông Y Bham Enuôl phải về Phnom-Penh cùng với ông ta²¹².

Vì không chấp nhận sự áp chế của lực lượng nhảy dù Khơ Me, Y Bham Enuôl yêu cầu Souleiman phải rút quân ra khỏi tổng hành dinh Fulro trước khi ông ta trả lời câu hỏi của ông đại úy này. Nhân danh chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, Y Bham Enuôl khẳng định rằng ông ta không chấp nhận bất cứ ai dùng vũ lực để gây sức ép đối với ông ta. Sau cùng, ông ta tuyên bố rằng đây là mưu đồ đảo chính do Lès Kosem tổ chức chống lại ông ta²¹³.

Trước tình hình hỗn độn này, lực lượng vũ trang Fulro báo động các đơn vị nhằm bảo vệ YBham Enuôl. Vì không lối thoát, đại úy Souleiman chĩa súng lục vào Y Bham Enuôl yêu cầu ông ta ra lệnh cho lực lượng Fulro hạ vũ khí, nếu không đại úy Souleiman bắt buộc phải bắn ông ta. Theo lời yêu cầu của Y Bham Enuôl, lực lượng vũ trang Fulro quyết định ra hàng. Sau đó, Đại úy Souleiman bắt Y Bham Enuôl cùng cả gia đình chở về Phnom-Penh. Ngày 31/12/1968 đại tá Lès Kosem gặp ông Y Bham tại tư dinh dành cho ông ta để giải thích những lý do của sự bắt giam này²¹⁴.

²¹¹ Không phải Souleiman biệt hiệu của Thiên Sanh Thi, Chăm Phan Rang.

²¹² Tài liệu Fulro: 12-68. Được xác nhận bởi và Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a :100; Norman C., La Brie, 1971: 101-103 và Gerald C. Hickey, 1982b: 190.

²¹³ Tài liệu Fulro: 12-68.

²¹⁴ Tài liệu Fulro: 12-68.

Biến cố năm 1969

Sự rạn nứt trong tổ chức Fulro ở Mondulkiri

Ngày 1 tháng 1 năm 1969, Kpa Dơh, Ksor Duôt, Y Nham Eban, Y Bhan Kpơr, Yang Neh và Sonleiman (Thiên Sanh Thi), đến Moudulkiri, nhân danh đại tá Lès Kosem, để giải thích chính sách của Hội Đồng Tối Cao Fulro và những lý do phải bắt giữ ông YBham Enuôl. Sau cùng họ cho biết là Hội Đồng Tối Cao Fulro yêu cầu các chiến sĩ nên chọn lựa hai giải pháp: Hoặc trở về Việt Nam để hợp tác với chính quyền Sài Gòn, hoặc ở lại Kampuchea để tiếp tục đấu tranh vũ trang. Đa số chiến sĩ Fulro người Tây Nguyên thân cận với ông Y Bham Enuôl bỏ súng và hô khẩu hiệu chống đối người Chăm, nhứt là ông Lès Kosem về mưu đồ lật đổ Y Bham Enuôl. Sau đó, họ rời khỏi mặt khu Fulro ở Mondulkiri để trở về Việt nam. Những người khác gần gũi với Lès Kosem bày tỏ sự trung thành với tổ chức Fulro tiếp tục ở lại Kampuchea để đấu tranh²¹⁵.

Theo báo cáo của Fulro, có rất nhiều chiến sĩ Fulro trở về Việt Nam ngày 2 tháng 1 năm 1969, nhưng cũng có một số người khác vẫn ở lại Kampuchea²¹⁶.

Sự trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn

Ngay sau khi đến Việt nam, những chiến binh Fulro yêu cầu chính quyền Sài Gòn giải thoát Y Bham Enuôl và gia đình ta đang bị giam giữ tại Phnom Penh và dùng những biện pháp cứng rắn đối với Kpa Dơh, Ksor Duôt, Y Nham Eban, Y Bhan

²¹⁵ Tài liệu Fulro: 1-69. Được xác nhận bởi Gerald C. Hickey, 1982b: 191.

²¹⁶ Tài liệu Fulro: 1-69.

Tình hình năm 1964-1969

Kpơr, Yang Neh và Souleiman (Thiên Sanh Thi), là thành phần kích động trong cuộc lật đổ YBham Enuôl²¹⁷.

Ngày 15 tháng 1 năm 1969, Y Dhé Adrông, Y Bling Buôn Krong Pang, Y Sen Niê về Sài Gòn để thông báo cho Bộ Phát Triển Sắc Tộc biết rằng những chiến binh của Fulro đã trở về Việt Nam để hợp tác với chính quyền Sài Gòn và từ bỏ mọi đấu tranh vũ trang chống lại quốc gia này²¹⁸.

Ngày 1 tháng 2 năm 1969, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đến Ban Mê Thuột để chủ tọa lễ chiêu hồi của 2017 chiến binh Fulro trước sự hiện diện của 7 vị bộ trưởng Việt Nam và phái đoàn ngoại giao tại Sài Gòn²¹⁹.

Trong bài diễn văn của mình, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu phê bình cực lực và tố cáo chính quyền Khơ Me đã nhúng tay vào nội bộ Việt Nam, yêu cầu quốc trưởng Norodom Sihanouk phải trả tự do vô điều kiện cho ông Y Bham Enuôl đang bị cầm giữ làm con tin tại Phnom Penh²²⁰.

Để trả lời cho bài diễn văn này, chính phủ Khơ Me ra một thông cáo ngày 21-2-1969 cho rằng sự tố cáo của Sài Gòn chỉ là một bản án bôi nhọ quốc gia Kampuchea vì quân đội hoàng gia Khơme không liên hệ gì đến việc bắt ông YBham Enuôl làm con tin vào ngày 28-12-1968²²¹.

Theo Nguyễn Trắc Dĩ, những thành viên Fulro trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn ngày 1 tháng 2 năm 1969,

²¹⁷ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 101 và N. C. La Brie, 1971: 102.

²¹⁸ Gerald C. Hickey, 1982b: 191.

²¹⁹ N. C. La Brie, 1971: 103 và Gerald C. Hickey, 1982b: 191.

²²⁰ Gerald C. Hickey, 1982b: 191.

²²¹ Réalité cambodgiennes, n. 636, 1969: 17 và N. C. La Brie, 1971: 103.

Tình hình năm 1964-1969

mang theo 895 vũ khí cá nhân hay tập thể và có số lượng như sau:

- 2.575 chiến binh xuất thân từ hàng ngũ quân đội Sài Gòn
- 28 cựu công chức của Sài Gòn
- 165 sĩ quan cũ của Sài Gòn
- 162 thường dân gốc Tây Nguyên
- 2.754 phụ nữ và trẻ em²²².

Năm 1969 cũng là năm đánh dấu cho sự biến động chính trị quan trọng ở vương quốc Campuchia. Vào tháng 6 năm 1969 Lon Nol, thủ tướng Kampuchea, đứng ra phản đối công khai về sự hiện diện quá đông đảo trên lãnh thổ Khơme của lực lượng vũ trang Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (cộng sản). Theo Lon Nol, lực lượng vũ trang của cộng sản có chỉ số gấp bốn lần so với quân đội Khơ Me. Chính vì thế ông ta ra lệnh hành quân để truy nã những toán binh Việt Cộng trong các tỉnh Mondulkiri và Rattanakiri. Những sĩ quan Fulro đang theo khóa huấn luyện ở Phnom-Penh được lệnh tham gia vào cuộc hành quân ấy²²³.

Ngày 29 tháng 7 năm 1969, đại tá Lès Kosem mở phiên họp tại Phnom-Penh để xem xét lại tình hình nội bộ của tổ chức Fulro và đưa ra giải pháp để cử một vị lãnh đạo mới thay thế YBham Enuól để điều hành Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro. Trong dịp này, Lès Kosem đề nghị ông Y Bun Sur (Mnong Rlam) đang theo học tại Pháp làm chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro.

²²² Nguyễn Trắc Dĩ, 1969a: 102.

²²³ Tài liệu Fulro: 6-69. Được xác nhận bởi Ngôn Vĩnh, 1995: 113.

TÌNH HÌNH NĂM 1970-1975

Biến cố năm 1970

Cuộc đảo chính tại Kampuchea

Trước khi lên đường viếng thăm chính thức ở các nước Pháp, Liên Xô, Trung quốc, v.v., hoàng thân Norodom Sihanouk yêu cầu thống tướng Lon Nol, thủ tướng chính phủ, tổ chức những cuộc biểu tình bất bạo động đòi hỏi Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (cộng sản) phải rút quân ra khỏi lãnh thổ Campuchia .

Đại tá Lès Kosem, cũng là nhân vật chủ chốt trong biến cố này, triệu tập Hội Đồng Tối Cao Fulro để giải thích thế nào là vai trò của tổ chức Fulro trong cuộc biểu tình quần chúng sắp đến. Lès Kosem chia những thành viên Fulro có mặt tại Phnom-Pênh thành ba nhóm. Nhóm thứ nhất có nhiệm vụ trà trộn vào đám đông để hô những khẩu hiệu chống đế quốc Việt Nam xâm chiếm Champa và Kampuchea Krom. Nhóm thứ hai phải có mặt trước tòa đại sứ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (Việt cộng) để xúi quần chúng biểu tình tấn công trụ sở ngoại giao này. Nhóm thứ ba tìm cách vận động đám đông đốt phá sứ quán của Hà Nội.

Ngày 11-3-1970 đánh dấu ngày xuống đường của hàng trăm ngàn người Khơ Me hô hào khẩu hiệu «việt cộng phải rút quân ra khỏi Campuchia», «đã đảo Việt Nam xâm chiếm Campuchia Krom và Champa» «Kap Yuôn, Kap Yuôn» tức là «chém đầu người Việt, chém đầu người Việt» và đập phá tòa đại sứ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và Hà Nội .

Tình hình năm 1970-1975

Sau khi được tin đoàn biểu tình tấn công toà đại sứ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và Hà Nội, hoàng thân Norodom Sihanouk đang ở Paris lên tiếng tố cáo thống tướng Lon Nol âm mưu xúi dục quân chúng lật đổ chính quyền. Ngày 18-3-1970, thủ tướng Lon Nol triệu tập quốc hội và hội đồng hoàng gia Kampuchea bỏ phiếu truất phế hoàng thân Norodom Sihanouk và thành lập chính thể cộng hòa ở Campuchia mà quyền lực hoàn toàn nằm trong tay của thống tướng Lon Nol.

Ngày 27-3-1970 chính quyền Hà Nội và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với Kampuchea và ra lệnh cho lực lượng vũ trang của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tấn công Campuchia. Lès Kosem yêu cầu các đơn vị vũ trang phải bảo vệ căn cứ Fulro nằm trong lãnh thổ của vương quốc này. Đầu tháng 4 năm 1970, ngoại trừ những thành phố lớn và những khu vực chiến lược quân sự, lãnh thổ Kampuchea đã rơi vào bàn tay kiểm soát của công sản.

Để trả lời cho quân xâm lược, nhân dân Campuchia vùng dậy chém giết hàng nghìn người Việt kiều định cư ở vương quốc này. Biến cố này buộc chính quyền Sài Gòn phải gửi đến Phnom-Pênh một hạm đội thủy quân nhằm đưa Việt kiều còn sống sót trở về Việt Nam và đưa quân vào Campuchia để truy nã lực lượng cộng sản, trong khi đó quân đội Hoa Kỳ, theo lời yêu cầu của chính phủ Lon Nol, đã có mặt trên vương quốc này kể từ ngày 30-4-1970.

Tình trạng khó xử của chiến binh Fulro

Sự có mặt của quân đội Sài Gòn tại Campuchia buộc Lès Kosem phải giải thích cho chiến sĩ Fulro tại Phnom Penh biết rằng sự hiện diện của quân lực Việt Nam Cộng Hòa trên lãnh thổ Campuchia là nhằm chiến đấu đánh đuổi quân xâm

Tình hình năm 1970-1975

lược Việt Cộng. Chính vì thế, các binh sĩ Fulro phải xem họ là lực lượng đồng bạn. Chính vì thế, Lès Kosem ra lệnh trừng phạt những ai dùng vũ khí chống lại quân lính Sài Gòn trên lãnh thổ Campuchia. Mặc dù có sự hăm dọa ấy, nhưng vẫn có nhiều cuộc đụng độ đã xảy ra giữa chiến sĩ Fulro và binh lính Sài Gòn trong khu vực Phnom-Pênh .

Vào tháng 5 năm 1970, một cuộc họp của Hội Đồng Tối Cao Fulro đã diễn ra tại Phnom-Pênh. Lès Kosem nhấn mạnh rằng sự hiện diện của quân đội Sài Gòn tại Phnom-Pênh không chỉ có mục đích chống lại Cộng Sản mà còn có nhiệm vụ thuyết phục Y Bham Enuôl và chiến sĩ Fulro trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn. Chính vì thế, Lès Kosem yêu cầu thành viên Fulro có mặt tại thủ đô Nam Vang này phải:

1. Tăng cường an ninh xung quanh tư dinh của Y Bham Enuôl, vì tình báo Sài Gòn đang chuẩn bị bắt cóc ông ta để đưa về Việt Nam.

2. Tăng cường hoạt động tình báo Fulro để bảo vệ bí mật của tổ chức, vì có một vài thành viên Fulro đã hình thành đường dây liên hệ với nhân viên tòa đại sứ Sài Gòn tại Nam Vang. Cuối cùng Lès Kosem lưu ý tất cả mọi người về sự kiện là Phnom Pênh đã trở thành một địa điểm tập trung rất tình báo nước ngoài, đặc biệt là tình báo của Sài Gòn .

Ngày 25 tháng 6 năm 1970, Chéng Hég, tân quốc trưởng Campuchia, ký một sắc lệnh tổng động viên ở vương quốc này. Đại tá lès Kosem lợi dụng cơ hội này để ký với chính quyền Khơ Me một qui ước cho phép thành lập 5e Brigade d'Infanterie Spéciale-5BIS, tức là «lữ đoàn 5 bộ binh đặc biệt» qui tụ tất cả chiến sĩ Fulro đang có mặt tại Campuchia đặt dưới quyền chỉ huy của ông ta. Đây là nội dung chính ghi trong qui ước:

Tình hình năm 1970-1975

1. Lữ đoàn 5 bộ binh đặc biệt (5BIS) gồm có bốn tiểu đoàn. Ba tiểu đoàn do các sĩ quan quân đội Khơ Me, gốc Chăm hồi giáo, chỉ huy trong đó có thiếu tá Cheik Ibrahim, Souleiman và Osman. Tiểu đoàn thứ tư, gồm những chiến sĩ Fulro gốc Tây Nguyên đặc dưới sự chỉ huy của bốn thiếu tá: Kpa Dơh (Jarai), Ksor Duot (Jarai), Y Nham Eban (Radê) và Y Bhan Kpơh (Radê).

2. Những chiến sĩ Fulro sẽ được thăng chức theo thâm niên và khả năng vào chức vụ hạ sĩ quan hay sĩ quan để phục vụ trong Lữ đoàn 5 bộ binh đặc biệt (5BIS) này. Căn cứ vào đề nghị của Hội Đồng Tối Cao Fulro, bộ quốc phòng Campuchia ký sắc lệnh thăng chức.

3. Lữ đoàn 5 bộ binh đặc biệt (5BIS) có những quyền lợi và bổn phận như tất cả các lữ đoàn khác của quân đội Khơme.

4. Lữ đoàn 5 bộ binh đặc biệt (5BIS) được phép sử dụng những vũ khí và dụng cụ chiến tranh cũ của họ mà không cần phải ghi vào sự kiểm kê của bộ quốc phòng Khơ Me.

5. Sau khi chấm dứt chiến tranh ở Campuchia, lữ đoàn 5 bộ binh đặc biệt (5BIS) có quyền trở lại chiến khu của Fulro với các vũ khí của họ để tiếp tục đấu tranh vũ trang.

Vào tháng 7 năm 1970, Lès Kosem đưa Y Bun Sur (Mnong Rlam) từ Pháp về Phnom Pênh và thăng chức thiếu tá cho ông ta để chỉ huy tiểu đoàn Tây Nguyên, kiêm tỉnh trưởng tỉnh Mondulkiri. Trong phiên họp Hội Đồng Tối Cao Fulro cũng vào tháng 7 này, Lès Kosem nêu ra vấn đề vai trò của Y Bham Enuôl trong mặt trận Fulro. Lès Kosem cho biết rằng sau khi Y Bham Enuôl bị bắt vào tháng 12 năm 1968, ông ta không còn tuân theo mệnh lệnh của Hội Đồng Tối Cao Fulro nữa và thường hay từ chối ký các hồ sơ hành chánh của tổ chức với lý do là ông ta không còn là chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Cao

Tình hình năm 1970-1975

Nguyên Champa-Fulro nữa. Chính vì thế, Lès Kosem đề nghị Y Bun Sur thay thế Y Bham Enuôl để điều hành mặt trận .

Biến cố năm 1971

Bộ trưởng bộ phát triển sắc tộc mới

Vào đầu năm 1971, lợi dụng sự hiện diện quân đội Việt Nam Cộng Hòa ở Campuchia, Paul Nử, bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc, đưa ra kế hoạch theo sự chỉ đạo chính quyền Sài Gòn để đưa Y Bham Enuôl về Việt Nam. Để thực thi dự án này, Paul Nử gửi phu nhân của ông ta và Domeyet (Chăm Châu Đốc), trưởng ty Phát Triển Sắc Tộc tỉnh Tây Ninh sang Campuchia. Lấy cớ là kinh doanh xe cộ, hai người này tìm cách thăm dò địa chỉ tư dinh của Y Bham Enuôl tại Phnom Pênh và thuyết phục những thành viên Fulro trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn.

Lès Kosem, đã được thăng chức thiếu tướng vào cuối năm 1970, ra lệnh bắt giữ hai người này lại bằng cách chụp ảnh những vũ khí mà nhân viên tình báo Khơ Me đã đặt vào xe của họ. Vài ngày sau, tướng Lès Kosem loan tin với báo chí Khơ Me và Việt Nam là phu nhân của Paul Nử và Domeyet sang Campuchia buôn lậu súng đạn. Sau khi cho phổ biến những ảnh chụp được, Lès Kosem yêu cầu Paul Nử phải từ chức ghế bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc, nếu không phu nhân ông ta sẽ bị giam giữ ở Campuchia cho đến khi có phiên tòa xét xử.

Để chấm dứt biến cố liên hệ đến phu nhân của một ông bộ trưởng sang Campuchia mua bán vũ khí mà báo chí Việt Nam đang khai thác, chính phủ Việt Nam tìm cách thương thuyết với tướng Lès Kosem. Để cứu phu nhân của mình, Paul Nử chỉ còn con cách là chấp nhận từ chức. Trong dịp này, Lès Kosem đề nghị Nay Luett (Jarai) lên làm bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc thay thế Paul Nử . Sau đó tổng thống Nguyễn

Tình hình năm 1970-1975

Văn Thiệu ký nghị định đề cử Nay Luett vào chức vụ bộ trưởng vào ngày 15 tháng 6 năm 1971 .

Đào tạo cán bộ và sĩ quan Fulro ở nước ngoài

Sự hiện diện của Nay Luett, cựu thành viên Bajaraka và Fulro ở vị trí tối cao của Bộ Phát Triển Sắc Tộc đã đưa Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa nghĩ đến một chiến lược mới trong tổ chức đấu tranh. Vào tháng 8 năm 1971, Hội Đồng Tối Cao Fulro hoạch định một chương trình đào tạo cán bộ và sĩ quan ở nước ngoài. Chương trình đầu tiên là đào tạo một số cán bộ Fulro ở Pháp. Một số sĩ quan khác được đào tạo trong các trường quân sự ở Hoa Kỳ, Okinawa và Indonésia .

Bầu cử quốc hội lập hiến tại Việt Nam

Để chuẩn bị cho cuộc bầu cử quốc hội lập hiến vào ngày 29-8-1971, chính quyền Sài Gòn đưa ra một đạo luật bầu cử mới qui định rằng những đại biểu đại diện cho dân tộc thiểu số trong nước sẽ không do cử tri dân tộc thiểu số bỏ phiếu mà cả cử tri người Việt nữa.

Mục đích của đạo luật mới này là buộc ứng cử viên thiểu số phải ra tranh cử dưới nhãn hiệu của một đảng phái Việt Nam, nhất là đảng phái của Nguyễn Văn Thiệu, nếu không, họ không có may mắn để được đắc cử. Chính vì thế, Hội Đồng Tối Cao Fulro ra thông cáo yêu cầu các dân tộc thiểu số toàn quốc chỉ nên đề cử một ứng cử viên duy nhất cho một đơn vị bầu cử. Việc này sẽ tạo thuận lợi cho các dân tộc thiểu số chọn lựa đại biểu của mình vào quốc hội hơn là do cử tri người Việt quyết định .

Phải công nhận rằng, hầu hết dân tộc Tây Nguyên đã áp dụng chỉ thị của Fulro về việc chọn lựa người đại diện cho họ trong quốc hội Việt Nam. Ngược lại, người Chăm ở đồng

Tình hình năm 1970-1975

bằng không ai biết đến chỉ thị này, chọn lựa hơn 9 ứng cử viên trong một đơn vị bầu cử ở khu vực Phan Rang, để rồi những ứng cử viên này đối chọi nhau một cách quyết liệt, gây chia rẽ trầm trọng trong cộng đồng người Chăm. Thiếu tướng Les Kosem đứng ra chỉ trích công khai những ứng cử viên người Chăm Phan Rang không tôn trọng chỉ thị của Fulro và thái độ không đoàn kết của họ .

Cuộc bầu cử đã diễn ra vào cuối năm 1971. Ba thượng nghị sĩ trúng cử dưới nhãn hiệu Fulro là Ksor Rót (Jarai) Y Bling Buôn Krong Pang (Radê), Tôn Ái Liêng (Chăm) và cùng hai dân biểu: Y Dhé Adrông trưởng Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) và Recom Anhot (Jarai). Thêm vào đó có 6 dân biểu khác được đắc cử dưới nhãn hiệu của một đảng phái Việt Nam . Theo Les Kosem, kết quả của cuộc bầu cử này đã nói lên thế nào là vai trò của Fulro trong bàn cờ chính trị ở Việt Nam

Biến cố năm 1972

Đầu năm 1972, chính quyền Sài Gòn chỉ thị cho Trương Kim Cang, đại sứ Việt Nam tại Phnom-Pênh phải làm bất cứ giá nào để đưa Y Bham Enuôl về Việt Nam. Tình báo Fulro báo cáo với tướng Lès Kosem về vụ này. Kể từ đó, Fulro ra lệnh tăng cường canh phòng rất nghiêm ngặt xung quanh nhà tư dinh của Y Bham Enuôl

Nhận thấy dự án của Trương Kim Cang đã bị thất bại, bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc là Nay Luett gửi đến Phnom-Pênh vào đầu tháng 5 năm 1972, một thành viên Fulro tên là Jaya Mrang (Huỳnh Ngọc Sấn, Chăm Phan Rang) mà tình báo Fulro đã cảnh giác từ tháng 5 năm 1968 và bị Lès Kosem cấm không được vào chiến khu Fulro ở Mondulkiri nữa . Jaya Marang tìm cách gặp Y Bham Enuôl một cách bí mật. Nhân dịp này, Y Bham Enuôl giao cho Jaya Marang một bức thư trong đó

Tình hình năm 1970-1975

ông ta cho biết sẽ trở về Việt Nam vào tháng 7 năm 1972. Tiếc rằng dự án này bị tình báo Fulro phá hỏng .

Trước sự tấn công ngày càng gia tăng của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trên Cao Nguyên từ tháng 5-1972 trong khi đó quân đội Mỹ chuẩn bị rút quân ra khỏi Việt Nam, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cho ra một đạo luật bãi bỏ chế độ miễn quân dịch dành cho dân tộc thiểu số. Nay Luett đứng ra phản đối đạo luật mới này, nhưng không thành .

Ngày 26 tháng 10 năm 1972, tổng thống Lon Nol giao trách nhiệm cho tướng Lès Kosem đặt mối quan hệ với các nước hồi giáo. Kể từ tháng 12 năm 1972, Lès Kosem gửi rất nhiều phái đoàn gồm có người Chăm hồi giáo Kampuchea đến một số quốc gia hồi giáo nhằm giải thích tình hình chiến tranh ở Campuchia và quảng cáo mục đích của Fulro là giải phóng Champa ra khỏi ách thống trị của Việt nam .

Biến cố năm 1973

Ngày 27-1-1973 tại Paris, chính phủ Hoa Kỳ, Hà Nội, Sài Gòn và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ký hiệp ước hòa bình Việt Nam. Theo hiệp ước này, Hoa Kỳ sẽ rút quân ra khỏi Việt Nam trước tháng 3 năm 1973.

Tháng 12 năm 1973, Kapa Koi (Jarai) và Y Preh Buôn Krong (Rađê) gửi cho Y Bih Aleo, phó chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam kiêm chủ tịch Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị một bức thư cho biết là nhóm Fulro của ông ta mong muốn hợp tác với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Công an Sài Gòn phát hiện sự kiện này nên nhóm Kapa Koi phải chạy vào bưng biển thành lập lực lượng vũ trang ngầm. Tự xưng là người đại diện cho Y Bham Enuôl, Kapa Koi kêu gọi quần chúng Tây Nguyên gia nhập Fulro để chống lại chính sách Sài gòn. Nhóm Kapa Koi là một lực lượng vũ trang độc lập, không liên hệ gì

Tình hình năm 1970-1975

với tổ chức Fulro ở Kampuchea. Có chăng vì tổ chức Fulro có trung ương ở Nam Vang đã thay đổi chiến lược là không gây chiến với chế độ Sài Gòn nữa và đang giam giữ Y Bham để làm con tin.

Chỉ trong vòng một vài tháng, Nhóm Kapa Koi đã kết nạp khá nhiều binh sĩ, nhất là những thành viên cũ của Fulro đã trở về hợp tác vào năm 1969, nhưng rất bất mãn chế độ Sài Gòn vì không thực hiện lời hứa giúp đỡ họ. Để ngăn chặn phong trào Kapa Koi, Nay Luett ra một thông cáo kêu gọi người Thượng không nên tin vào lời tuyên truyền của nhóm này vì Kapa Koi không phải là người đại diện cho tổ chức Fulro thật sự.

Một số nhân vật quan trọng Tây Nguyên tiếp tay với nhóm Fulro của Kpa Koi đó là Y Chôn Mlô Duôn Du, nhân viên cao cấp của Bộ Phát Triển Sắc Tộc và Y Preh Buôn Krong. Họ thường gặp nhau để bàn thảo về tình hình Việt Nam và đi đến kết luận rằng miền Nam Việt Nam sẽ rơi vào tay của cộng sản sau ngày quân đội Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam. Chính vì thế, họ tìm cách hợp tác với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Vào cuối năm 1973, họ tổ chức một cuộc gặp gỡ tại đồn điền cà phê Mewal, gần Ban Mê Thuột với ông Đức Kim, sĩ quan Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, nhằm thảo luận một chương trình liên kết của nhóm Kapa Koi với Việt Cộng.

Biến cố năm 1974

Vào tháng 3 năm 1974, Y Jut (Radê), nhân viên cao cấp của Bộ Phát Triển Sắc Tộc thông tin cho chính phủ Sài Gòn rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã qui tụ được nhóm Fulro của Kapa Koi, trong đó có Y Preh Buôn Krong và Y Chôn Mlô Duôn Du. Y Jut cho rằng sự có mặt của một số thành viên

Tình hình năm 1970-1975

Fulro quan trọng trong sư đoàn E 25 của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là bằng chứng cụ thể. Nhóm Kapa Koi tuyên bố rằng chính Y Bham Enuôl là người đứng ra kêu gọi nhân dân Tây Nguyên đấu tranh bên cạnh Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Nhận được thông tin này, công an Sài Gòn truy nã ba người lãnh đạo trên. Để bảo vệ cho người bạn của mình, Y Jut đề cử Y Chôn Mlô Duôn Du vào chức vụ giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Dân Tộc Thiểu Số tại Dalat. Y Chôn Mlô chấp nhận. Ngược lại, Kpa Koi tiếp tục thu nạp trên cao nguyên đông đảo chiến sĩ Fulro để tiếp tục cuộc đấu tranh vũ trang chống quân đội Sài Gòn. Ngày 2 tháng 11 năm 1974, tờ báo New York Times, loan tin có khoảng 500 binh sĩ tự cho là chiến sĩ Fulro, đặt dưới sự chỉ đạo của Kpa Koi, chuẩn bị tấn công những căn cứ quân sự của Sài Gòn và đã giết hơn năm chục binh sĩ của Nguyễn Văn Thiệu trong vòng một tháng. Chính vì thế, chính quyền Sài Gòn phải gửi hai tiểu đoàn lên cao nguyên để chống lại tổ chức của Kpa Koi.

Sự liên hệ cuối cùng của Y Bham Enuôl với Sài Gòn

Trong khoảng thời gian đó, tướng Lès Kosem ra lệnh cho ông Y Bham Enuôl gửi một bức thư vào tháng 6 năm 1974 cho Nay Luett, nói rằng ông ta chấp nhận trở về Việt Nam nếu chính quyền Sài Gòn giải quyết ba điểm mà Hội Đồng Tối Cao Fulro đòi hỏi:

1. Chấp thuận qui chế tự trị cho Cao Nguyên.
2. Chấp thuận cho Fulro thành lập quân đội riêng
3. Chấp thuận cho Fulro có một lá cờ riêng.

Nếu Sài Gòn không trả lời cho 3 yêu sách này, Hội Đồng Tối Cao Fulro sẽ chỉ thị cho lực lượng Fulro không đấu tranh bên cạnh quân đội Sài Gòn để chống Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trên Cao Nguyên nữa.

Tình hình năm 1970-1975

Biến cố năm 1975

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, với sự hỗ trợ của nhóm Kapa Koi, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam xâm chiếm Ban Mê Thuột, tỉnh lỵ đầu tiên rơi vào tay cộng sản sau hiệp định Genève.

Ngày 23 tháng 3 năm 1975, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chiếm thêm tỉnh lỵ KonTum, Pleiku, Phú Bổn. Chiều 23 tháng 3 năm 1975, Nay Luett, bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc tổ chức phiên họp với khoảng 50 nhà lãnh đạo người Thượng và Chăm đề nghị quyền tự trị ở Tây Nguyên như Fulro đã đòi hỏi từ năm 1965 .

Ở Kampuchea, Khơ Me đảo sửa soạn tấn công thủ đô Phnom-Pênh. Ngày 8 tháng 4 năm 1975, tướng Lès Kosem và gia đình rời bỏ Kampuchea để sang Pháp. Trước khi lên đường, ông ta ra lệnh cho các thành viên của Hội Đồng Tối Cao Fulro vào toà đại sứ Pháp để ẩn náu, trong trường hợp thủ đô Phnom Pênh rơi vào tay Khơ Me đảo .

Ở Phan rang, quân đội Sài Gòn tìm cách thoát thân, rút lui hỗn loạn, trước đà tiến của quân Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Jaya Marang (Chăm), cựu thành viên của Phái Đoàn Đặc Biệt và Chính Thức (DSO-Fulro) ở Buôn Mê Thuột kêu gọi một số người Chăm như Vạn Thanh Bình (cựu ứng cử viên dân biểu quốc hội), Kiều Ngọc Quyên (thành viên Fulro, trở về Việt Nam chiêu hồi vào năm 1971), Từ Công Xuân (cựu dân biểu) và nhiều thanh niên Chăm khác thành lập một đơn vị vũ trang với danh nghĩa Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro, dù họ không liên lạc được với tổ chức Fulro ở Phnom Pênh. Nhóm Jaya Marang thành lập mặt khu trong vùng Sông Pha, phía tây Phan Rang và tìm cách liên lạc với các

Tình hình năm 1970-1975

nhóm Tây Nguyên cũng tự tuyên bố là Fulro, đặt dưới quyền chỉ đạo của Ya Duck (Churu) ở Dalat và Y Djai (Radê) ở Buôn Mê Thuột.

Ngày 8 tháng 4 năm 1975, Jaya Marang ra lệnh phát cờ Fulro trong các làng Chăm ở vùng Phan Rang. Từ tổng hành dinh tại làng Hữu đức, Jaya Marang ra lệnh cho Nại Thành Hùng (Chăm), sĩ quan quân đội Sài Gòn, sửa soạn một cuộc vùng dậy. Trong khi đó, Vạn Thành Bình (cựu ứng cử viên dân biểu quốc hội) và Thành Phú Bá (quản đốc trường trung học Chăm ở Phan Rang) liên lạc với ông Thiết Ngữ (Chăm Phan Rang, cán bộ phụ trách vấn đề Chăm của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam) đang có mặt ở gần tháp Po Romé, Phan Rang. Đi cùng với Vạn Thành Bình và Thành Phú Bá, ông Thiết Ngữ đến thăm viếng hơn hai mươi hai làng Chăm và được đồng bào Chăm tiếp đón Thiết Ngữ như là một lãnh tụ cách mạng trở về quê hương. Một vài ngày sau đó, quân cách mạng tấn công nhóm Fulro của Jaya Marang và giết chết vị chỉ huy quân sự là Nại Thành Hùng.

Ngày 17 tháng 4 năm 1975, Khơ Me đổ xô xâm chiếm Phnom Pênh. Tất cả những nhà lãnh đạo trong Hội Đồng Tối Cao – ngoại trừ thiếu tá Y Bhan Kpơ (Radê) và đại úy Ksor Kốt (Jarai) đang học ở trường quân sự Fort Benning, tiểu bang Georgie Hoa Kỳ – đều chạy vào toà đại sứ Pháp để xin tị nạn như lời Lès Kosem đã yêu cầu.

Ngày 20 tháng 4 năm 1975, Khơ Me đổ dồn vũ lực để xâm nhập vào toà đại sứ Pháp, bắt tất cả những thành viên Fulro trước mặt ông đại sứ toàn quyền Pháp. Một vài giờ sau, Khơ Me đổ tử hình ông Y Bham Enuôl, Y Bun Sur, Kpa Dơh, Ksor Duôt, và Y Nham Eban.

Ngày 20 tháng 4 năm 1975 đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của một tổ chức mang tên là Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro.

Tình hình năm 1970-1975

Tài liệu trích dẫn

- Agence Khmère de Presse,
Comité Administratif de l'Amicale des Peuples Austriens,
19 Novembre 1965.
Archives du Fulro, 1964-1974.
- Ball, George W.,
«Top Secret: The Prophecy the President Rejected», in
Atlantic Monthly 230, n. 1, 1972.
- Boulbet, J.,
«Le Miir, culture itinérante sur ḅrlis avec jachère
forestière en pays Maa», in *BEFEO*, LIII., fasc. 1, 1966,
p. 77-98.
- Burchett, Wilfred,
– *The Furtive War: The United States in Vietnam and Laos*,
New York, 1963.
– *Vietnam Will Win*, 2e ed., A Guardian Book, New York,
1970.
- Bộ Kinh-Tế Quốc-Gia,
Việt-Nam Niên-Giám Thống Kê, Saigon, 1953.
- Department of State,
*A Threat to the Peace: Nord Viet-Nam's effort to
Conquer South Viet-Nam*, Department of State,
Washington, 1981.
- Duncanson, Dennis J.,
Gouvernement and revolution in Vietnam, Frederick A.
Praeger, New York, 1966.
- Extraits de l'histoire des hauts-plateaux du Centre Viet-Nam
(Pays Montagnard du Sud-Indochinois), zone
d'organisation*, 1956.
- Fall, Bernard,
– *The Two Vietnam: A Political and Military Analysis*,
Frederick A. Praeger, New York, 1963.

Tình hình năm 1970-1975

- Viet-Nam Witness, 1953-1966, Frederick A. Praeger, New York, 1966.
- Foreign Operation Administration,
Project Proposal and Approval Summary, P.M.S. Land Developpment, Saigon, 1967.
- Front de libération des Hauts Plateaux du Champa,
Historique, Phnom-Penh, 1965.
- Hickey, Gerald C.,
 - *The Highland People of South Vietnam: Social and Economique Development*, The Rand Corporation, Santa Monica California, september 1967.
 - *Free in the Forest. Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands 1954-1976*, New Haven and London, Yale University Press, 1982.
- Jackson, Larry,
«The Vietnamese Revolution and the Montagnards», in *Asian Survey* 9, n. 5, 1969.
- Jaspan, M. A.,
«Recent developments among the Chams of Indochina. The revival of Champa», in *Asian Affairs* 57-2 (1970), pp. 170-176.
- Jata Aneh,
«Xin hãy chấm dứt», in *Ước Vọng*, n. 1, 1968.
- Johnson, Alexis U.,
Communique of the United States Government, Saigon, 2-8-1965.
- Kuno Knoebl,
Victor Charlie, The face of war in Viet-Nam, Frederick A. Praeger, New York, 1967.
- La Brie, Norman C.,
FULRO: The History of Political Tension in the South Vietnamese Highlands, Diplôme de maîtrise de l'University of Massachusetts, 1971.

Tình hình năm 1970-1975

- Lafont, P-B.,
«L'Agriculture sur brûlis chez les Proto-indochinois des hauts-plateaux du centre Vietnam», in *Les Cahiers d'Outre-Mer, Revue de géographie*, tome XX, 1967, p. 37-50.
- Lartéguy, Jean,
Un million de dollars le Viet, Raoul Solar, 1965.
- Le Haut Comité du Front Unifié de Lutte des Races Opprimées,
Gouvernement Provisoire des Hauts Plateaux du Champa, Zone libre, 17 octobre 1964.
- Lộ Trung Cân
«Xin hãy chấm dứt. Quan điểm về cuộc trang cử dân biểu người Chăm 1967», in *Champaka*, số 1, 1999.
- Markham, James M.,
«Montagnard Uprising Poses a Threat to Saigon Drive», in *New York Time*, 2 novembre 1974.
- Meyer, Charles,
Derrière le sourire khmer, Plon, Paris, 1971.
- Michigan State University Vietnam Advisory Group,
Preliminary Research Report on the PMS, Saigon 1957.
- Mohr, Charles,
«Vietnamese Fear a Tribal Uprising», in *New York Times*, 13 april 1966.
- National Institute of Administration,
Viet Nam Government Organisation Manual, Saigon, 1957-1958.
- Ngôn Vĩnh
FULRO, Nhà Xuất Bản Văn Học, tái bản lần thứ 3, 1995.
- Nghiêm Dang,
«The National Institute of Administration», in *Vietnam: the First Five Years*, Michigan State University Press, 1959.

Tình hình năm 1970-1975

Nguyễn Trắc Dĩ

- *Tìm hiểu phong trào đấu tranh Fulro, 1958-1969*, Bộ Phát Triển Sắc Tộc, Saigon, 1969a.
- «Nhật-ký các phong-trào đấu tranh của đồng bào Thượng», in *Thượng Vụ* số 17, 1969b.

Pike, Douglas,

Việt Công: The Organization and Techniques of the National Liberation Front of South Vietnam, Mass. M.I.T. Press, Cambridge, 1966.

Ponchaud, F.,

Cambodge, Année zéro, Document, Juilliard, Paris, 1977.

Réalités cambodgiennes,

«Gazette du Pays Khmer», n. 636, 21-2-1969.

Shaplen, Robert,

«Nine Years after a Fateful Assassination : The Cult of Diem», in *New York Times Magazine*, 14 May 1972.

Sochurek, Howard,

«American Special Forces in Action in Vietnam», in *National Geographic* 127, n. 1, 1965.

South Vietnam National Front for Liberation,

Political Programme of the South Viet Nam National Front for Liberation South Vietnam, Giai Phong Publishing House, 1967.

U.S. Army,

Area Handbook for Vietnam, DA Pamphlet, N. 550-55, The American University, Government Printing Office, 1967.

Vĩnh Lộc,

Cái gọi là phong trào đòi tự trị Fulro, Pleiku-Manm"thuật, 9-1965.

Y Bham Enuol,

Tình hình năm 1970-1975

- *Le Président du Front de Libération Dega-Cham à Son Excellence, Monsieur le Président des Etats-Unis d'Amérique, Zone libérée, le 8 novembre 1965.*
- *Discours de S. E. Y Bham Enuol, chef de délégation du FULRO, Agence Khmer de Presse, Phnom-Penh, n. 5, 15 mars 1965.*
- *Relevée des fautes très graves et des crimes commis par Y Kdruin Mlo selon les renseignements recueillis, P.C. FULRO, 26 Janvier 1968.*

Tình hình năm 1970-1975



Y Bham Enuôl
và lễ chào cờ
Champa
tại chiến khu 1
(TL. Fulro, 1975)



Đại úy Soulaiman
(đeo găng bên phải)
nhân vật đảo chánh Y Bham Enuôl

Tình hình năm 1970-1975



Chiến sĩ Tây
Nguyên và lá cờ
Champa



Jaya Marang (đeo găng đang
chỉ ngón tay) và
chiến sĩ gốc Chăm Panduranga

Tình hình năm 1970-1975

Trang Khong

Fulro:
Biến cố nhất thời trong lịch sử hay
truyền thống đấu tranh của dân tộc
Champa*

Ts. Po Dharma
(Phó giáo sư Viện Viễn Đông Pháp)

Trong những năm 1965-1975 của chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, một phong trào vũ trang mà chính quyền địa phương và thông tin đại chúng thường nói đến, đó là Fulro, chữ viết tắt của *Front Unifié de Lutte des Races Opprimées*, tức là Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức. Mặc dù tổ chức Fulro không còn nữa, nhưng phong trào này đã trở thành một cốt truyện huyền thoại mà quần chúng hôm nay vẫn thường nhắc đến.

Fulro¹ là cuộc vùng dậy của dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam, xưa kia là lãnh thổ của vương quốc Champa, bao gồm khu vực đồng bằng duyên hải và vùng núi non mà người ta thường gọi là Cao Nguyên Trường Sơn. Trong những

* Bài đăng đầu tiên trong tác phẩm *Deuxième symposium franco-soviétique sur l'Asie du Sud-Est*, Institut d'Orientalisme de l'Académie des Sciences de l'URSS, Moscou, 1993, tr. 263-277.

¹ Conférence des peuples indochinois, *FULRO: Historique*, Phnom-Penh, 25 Février 1965; Norman C. La Brie, *Fulro, The history of political tension in the South Vietnamese Highlands* (Diplôme de maîtrise de l'University of Massachusetts), 1971; Y Chôn Mlô Duon Du, «Quan niệm về nếp sống của đồng bào Thượng và anh em Fulro» in *Nguyệt San Thượng Vụ*, số 3, 1966; Gerald C. Hickey, *Free in the Forest. Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands 1945-1976*, Yale University Press, 1982.

Fulro: Biến cố nhất thời...

thời vàng son của Champa, vùng duyên hải là nơi cư trú của dân tộc Chăm. Ngược lại, Cao Nguyên Trường Sơn là nơi cư trú của các sắc dân bản địa (Rađê, Jarai, BaNa, Séđăng, Churu, Raglai, Kaho, Sré v.v...) tức là thân dân Champa đã từng góp phần xây dựng vương quốc này trong quá trình lịch sử².

Bước vào thêm thế kỷ thứ 10, Đại Việt vương mình phát huy cuộc Nam Tiến, xuất quân xâm chiếm dần dần lãnh thổ Champa và đưa hàng loạt cư dân người Việt đến trú trú³ gây ra bao cuộc xung đột với dân tộc bản địa Champa, một cộng đồng tộc người không bao giờ chấp nhận một quốc gia láng giềng dùng vũ lực để xâm chiếm đất đai và bóc lột họ để rồi họ trở thành một tập thể công dân ngoại lệ đang sinh sống trên đất nước Việt Nam hôm nay.

Lúc ban đầu, cuộc Nam Tiến của Đại Việt chỉ đặt trọng tâm xâm chiếm miền duyên hải và né tránh tối đa việc tiến quân lên cao nguyên, một khu vực không thuận tiện cho việc định cư của dân tộc Việt. Chính vì thế, trong những năm mà người Pháp có mặt tại Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ XIX, cao nguyên Champa hoàn toàn vắng bóng người Kinh.

Năm 1955 đánh dấu một khúc quanh mới trong lịch sử cận đại của dân tộc Tây Nguyên. Một khi lên nắm chính quyền, Ngô Đình Diệm phát động phong trào di dân đến vùng Tây Nguyên. Kể từ đó, số dân người Kinh ngày càng đông đảo, nhất là những người Bắc Việt di cư. Họ đến lập nghiệp tại các tỉnh

² B. Gay, «Vue nouvelle sur la composition ethnique du Campa», in *Actes du séminaire sur le Campa*, Travaux du CHCPI, Paris, 1988, tr. 49-58; Po Dharma, *Le Panduranga (Campa). Ses rapports avec le Vietnam (1802-1835)*. Public. de l'EFEO (Tập 1), 1987.

³ Nguyen The Anh, «Le Nam Tien dans les textes vietnamiens», in *Les Frontières du Vietnam* (P-B. Lafont, éd.), L'Harmattan, Paris, 1989, tr. 121-127; Po Dharma, «Les frontières du Campa: Dernier état des recherches», in *Les Frontières du Vietnam* (P-B. Lafont, éd.), L'Harmattan, Paris, 1989, tr. 128-135.

Fulro: Biến cố nhất thời...

Kontum, Pleiku, Darlac, Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng, lần áp đất đai cư dân bản địa ở Tây Nguyên theo mô hình mà dân tộc Việt đã từng áp dụng để xâm chiếm vùng duyên hải Champa ở miền Trung Việt Nam.

Bị xô đuổi ra khỏi miếng đất do chính bàn tay và mồ hôi nước mắt mình tạo ra, dân tộc Tây Nguyên trở thành một tập thể dân bản địa sống lênh đênh trong những khu vực cằn cỗi, để rồi họ lâm vào cảnh nghèo đói khốn cùng không biết trong cậy vào ai để nương thân. Những ai giám đứng ra chống đối sự bóc lột của người Kinh trên Tây Nguyên thời đó thì sẽ bị đưa vào lao tù hay bị chụp mũ là thành viên Việt Cộng và cuối cùng họ bị kết tội tử hình. Trước bối cảnh lịch sử này, dân tộc Tây Nguyên tìm cách hình thành một phong trào đấu tranh bí mật vào năm 1958 mang tên là Bajaraka (chữ viết tắt: Bana + Jarai + Radê + Kaho) nhằm đòi quyền tự do được sống trên mảnh đất của tổ tiên mình để lại; phản đối sự hiện diện của cư dân Kinh quá đông đảo trên Tây Nguyên và chống lại chính sách Việt Nam đã phá tan mọi cơ cấu tổ chức xã hội, tôn giáo, kinh tế dân tộc bản địa Tây Nguyên⁴. Vì không chấp nhận chính sách quá tàn bạo của chế độ Sài Gòn, dân tộc Tây Nguyên tìm cách gieo sự bất ổn trên Cao nguyên. Ngày 22-2-1957 phong trào Bajaraka tổ chức cuộc ám sát Ngô Đình Diệm, tổng thống Cộng Hòa Việt Nam thời đó. Cùng trong thời điểm ấy, chính quyền Khơ Me, tức là đối tượng thù địch của chế độ Sài Gòn và chính phủ Hoa Kỳ⁵, đang mở rộng bàn tay đón nhận những thành viên Bajaraka bị công an Việt Nam truy nã. Một khi đã thoát thân đến Campuchia, những thành viên này liên kết với một số quân nhân gốc người Chăm và Campuchia Krom được chính phủ hoàng thân Norodom Sihanouk yểm trợ, để tổ chức những mặt trận quân sự nhằm giải phóng dân tộc Chăm và Tây

⁴ Gerald C. Hickey, 1982, Sdd., tr. 47-60.

⁵ C. Meyer, *Derrière le sourire khmer*, Plon, Paris, 1971.

Fulro: Biến cố nhất thời...

Nguyên ở miền trung Việt Nam, dân tộc Campuchia Krom ở miền nam Việt Nam và dân tộc Campuchia Nord ở vùng Champassak (Lào)⁶. Trong khi đó Mặt Trận Giải Phóng Champa cũng đã ra đời vào năm 1960 đặt dưới sự lãnh đạo của Lès Kosem, đại tá nhảy dù của quân đội Campuchia gốc người Chăm. Năm 1963, Mặt Trận Giải Phóng Champa liên kết với Mặt Trận Giải Phóng Campuchia Krom và Mặt Trận Giải Phóng Campuchia Nord để hình thành một tổ chức liên minh mang tên là *Front Unifié de Lutte des Races Opprimées*, viết tắt là Fulro (Mặt trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức). Mặt trận Fulro có trụ sở đặt tại Phnom-Penh thường nêu ra một yêu sách chính đáng, đó là tái lập lại một vương quốc Champa độc lập⁷. Ngày 20 tháng 9 năm 1964, lực lượng vũ trang Fulro vùng dậy tấn công một số tỉnh ở miền trung Việt Nam, chiếm đài đài phát thanh Ban Mê Thuột để phổ biến yêu sách của mình đó là giải phóng Cao Nguyên Champa ra khỏi ách nô lệ của quân xâm lược Việt Nam. Sau cuộc tấn công này, lực lượng Fulro rút quân về hậu cứ ở tỉnh Mondulhiri, phía bắc Campuchia. Trong khi đó, một số thành viên khác của Fulro chọn lựa con đường ở lại hợp tác với chính quyền Sài Gòn, đã phân chia phong trào này thành hai phe đối nghịch. Một bộ phận thì dựa vào chính quyền Sài Gòn để đấu tranh đòi quyền lợi, trong lúc đó phe thứ hai thì dựa vào vương quốc Campuchia tiếp tục cuộc đấu tranh vũ trang để giải phóng Champa.

Năm 1969 đánh dấu sự khủng hoảng trầm trọng trong nội bộ Fulro, đã đưa đại đa số chiến sĩ Fulro trở về hợp tác với chính quyền Việt Nam. Những người còn lại ở Cao Miên buộc phải theo thống tướng Lon Nol, thủ tướng Campuchia, nhân vật đứng ra tổ chức cuộc đảo chính ở Campuchia vào tháng 3 năm

⁶ C. Meyer, 1971, Sđd, 270.

⁷ M. A. Jaspán, «Recent developments among the Cham of Indo-China», in *Asian Affaires*, 57-2 (1970), tr. 170-176..

Fulro: Biến cố nhất thời...

1970 và thành lập nước Cộng Hòa Khơ Me. Cuộc đảo chính này đã dẫn đến sự cầu cứu chính quyền Sài Gòn gửi quân sang Campuchia để truy nã Việt Cộng. Sự hiện diện của quân đội Sài Gòn trên lãnh thổ Cao Miên thời đó đã làm cho các chiến sĩ Fulro mất hết niềm hy vọng về mục tiêu đấu tranh của mình. Thế là phong trào Fulro trở thành một bóng hình kể từ năm 1970 để rồi đi dần vào sự tan vỡ. Năm 1975, tổ chức Fulro bị giải thể, một khi vương quốc Campuchia rơi vào tay của Khơ Me Đỏ.

Ngược lại với những gì mà các nhà nghiên cứu, thông tin đại chúng ở Việt Nam và quân đội Mỹ đã từng đưa ra, Fulro không phải là phong trào vũ trang đầu tiên chống Việt Nam đã bùng nổ ra trên lãnh thổ Champa cũ. Vì rằng biên niên sử Champa và tư liệu lịch sử Việt Nam đã từng nhắc đến nhiều cuộc nổi dậy khác của dân tộc Champa đã diễn ra ở miền duyên hải cũng như ở Cao Nguyên trung phần Việt Nam giữa thế kỷ XVII và XX.

Không dừng lại ở các phong trào nhỏ nhoi chống đối Việt Nam trải dài trong ba thế kỷ, chúng tôi chỉ đề cập đến những cuộc vùng dậy quan trọng đã xảy ra từ 1693 đến 1887, tức là những cuộc đấu tranh vũ trang đã từng làm đảo lộn lịch sử quan hệ giữa chế độ phong kiến Việt Nam và nhân dân Champa thời đó.

Cuộc khởi nghĩa có tầm vóc rộng lớn vào cuối thế kỷ thứ XIX là Kalin Biang Thặng (1886-1887), đã xảy ra ở khu vực Phan Rang và Phan Rí với sự yểm trợ của E. Aymonier⁸, sĩ quan người Pháp hiện có mặt trong khu vực này. Đây là sự vùng dậy của nhân dân Champa chống lại phong trào Cần Vương nhằm đòi quyền tự trị ở Panduranga.

⁸ Sách Chăm cổ số CM 37(29). Được xác nhận bởi C. Fourniau, *Annam-Tonkin 1885-1896*, Harmattan, Paris, 1989, tr. 66-67.

Fulro: Biến cố nhất thời...

Trước cuộc đấu tranh của Biang Thang, người ta còn ghi nhận một cuộc nổi dậy khác chống Việt Nam đặt dưới quyền lãnh đạo của Ja Thak Wa (gốc Chăm Văn Lâm) cũng đã xảy ra vào năm 1834-1835⁹. Một khi đã tập hợp các thành viên chiến đấu ở khu vực Bình Thuận, Khánh Hòa và Đồng Nai Thượng, Ja Thak Wa ra lệnh vùng dậy chống lại quân xâm lăng nhằm đưa dân tộc Champa ra khỏi ách nô lệ của triều đình Huế. Đây là cuộc vùng dậy của toàn dân Champa tập trung toàn bộ lực lượng gốc người Chăm và anh em Tây Nguyên. Chính vì thế mặt trận của Ja Thak Wa đã gây bao lo âu thật sự cho chính quyền Việt Nam thời đó.

Một trăm ba mươi mốt năm trước sự hình thành tổ chức Furo, một cuộc khởi nghĩa khác cũng đã xảy ở Panduranga vào năm 1833-1834. Phong trào này đặt dưới quyền lãnh đạo của Katip Sumat, một chức sắc hồi giáo, hô hào khẩu hiệu “thánh chiến” để chống quân xâm lược của triều đình Huế¹⁰ nhưng bị thất bại trước lực lượng quân sự hùng mạnh của hoàng đế Minh Mạng.

Trước Katip Sumat, người ta cũng không quên một phong trào khác đã bùng nổ tại Panduranga vào năm 1776 đặt dưới quyền điều hành của Tuan Phaow mà biên niên sử Việt Nam phiên âm là Tuần Phu¹¹. Mục tiêu tổ chức của Tuan Phaow là giải phóng xứ sở Champa ra khỏi ách thống trị quân sự của nhà Nguyễn và chống lại một số người Chăm đã kết cấu với chính quyền Việt Nam thời đó.

Năm 1728, tức là 236 năm trước sự ra đời của Fulro, người ta còn chứng kiến một cuộc nổi dậy của nhân dân

⁹ Bửu Cầm, «Một đoạn lịch sử Chiêm Thành. Từ Nguyễn Hoàng đến triều Minh Mệnh» in *Văn Hóa Nguyệt San*, số 37, 1958, tr. 1246-1249; 1598, tr. 1246-1249.

¹⁰ Po Dharma, 1987, tập I, Sdd., tr. 41-149.

¹¹ Po Dharma, 1987, tập II, Sdd., tr. 74.

Fulro: Biến cố nhất thời...

Champa chống lại sự bóc lột của người Kinh định cư ở Panduranga chủ trương vay mượn với lãi suất trên 150% một năm. Vì lãi xuất quá cao, dân tộc Champa không thể trả nổi số nợ để rồi người Kinh cho vay chiếm đoạt đất đai hay cả bản thân của họ. Thái độ bất lịch này đã đưa đến sự xung đột liên miên giữa dân tộc Champa và cư dân người Việt sinh sống ở Panduranga thời đó và phát sinh những phong trào bài trừ người Kinh¹².

Bên cạnh những cuộc đấu tranh mà chúng tôi vừa mới đưa ra, một phong trào đấu tranh quan trọng nhất nhằm bảo vệ sự sống còn của Champa là sự vùng dậy của nhân dân Champa vào năm 1693.

Ai cũng biết, năm 1692 đánh dấu một khúc quanh mới trong tiến trình lịch sử Champa. Nhằm nút trọn lãnh thổ Champa còn lại ở miền nam, nhà Nguyễn xua quân xâm chiếm Champa vào năm 1692, chia lãnh thổ của vương quốc này thành ba đơn vị hành chính Việt Nam đó là Phố Hải, Phan Rí, Phan Rang đặt dưới quyền lãnh đạo của 3 tướng lãnh gốc người Kinh. Một tháng sau, nhà Nguyễn quyết định xóa bỏ ba đơn vị hành chính này để thành lập phủ Bình Thuận trên lãnh thổ Champa. Thế là Champa đã bị xóa tên trên bản đồ lần đầu tiên trong lịch sử. Chính sách xâm lược của nhà Nguyễn vào năm 1692 đã khuyếch đại mối căm thù của dân tộc Champa chống lại dân tộc Việt và nảy sinh ra cuộc khởi nghĩa của nhân dân Champa chống quân xâm lược của nhà Nguyễn vào tháng 12 năm Quý Dậu (1693). Với hai bàn tay trắng, dân tộc Champa đã thành công đánh đuổi quân xâm lược nhà Nguyễn và buộc triều đình Huế phải trao trả lại nền độc lập của Champa.

Sự vùng dậy của nhân dân Champa vào năm 1693 là cuộc khởi nghĩa đầu tiên trong danh sách rất dài của các cuộc

¹² *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (DNTLCB), Tập I, XVI, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1962-1966.

Fulro: Biến cố nhất thời...

khởi nghĩa chống Việt Nam mà chúng tôi đã đề cập. Chính vì thế, sự vùng dậy của Fulro vào năm 1964 chỉ là một cuộc khởi nghĩa sau cùng trong tiến trình lịch sử đấu tranh của dân tộc Champa.

Nhìn qua sự thống kê mà chúng tôi vừa nêu ra trên đây, những phong trào khởi nghĩa của nhân dân Champa đều có một mục tiêu chung đó là chống chính sách xâm lược Việt Nam dùng vũ lực để thôn tính vương quốc nhỏ bé này và thống trị dân tộc Champa còn sống sót sau khi vương quốc này bị xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832. Và những cuộc khởi nghĩa này hầu hết chỉ gặt hái sự thất bại trước lực lượng quân sự hùng mạnh của Việt Nam, ngoại trừ cuộc khởi nghĩa 1693 đã mang lại sự chiến thắng vẻ vang mà lịch sử không thể bỏ quên được.

Trở lại vấn đề Fulro. Câu hỏi đầu tiên mà chúng tôi muốn đưa ra ở đây đó là đi tìm lai lịch những thành viên trong tổ chức Fulro.

Dựa vào tư liệu mà chúng tôi đã tham khảo, đa số chiến sĩ Fulro là những thành viên cũ của phong trào Bajaraka, về sau đã hòa nhập vào Mặt Trận Giải Phóng Champa¹³. Như thế, Fulro qui tụ không những sắc dân Chăm, mà còn là những thành viên sắc dân Tây Nguyên ở miền trung Việt Nam, có nghĩa là thân dân xưa kia của vương quốc Champa. Họ vùng dậy đấu tranh để đòi Champa độc lập và chống lại chính sách Việt Nam đã tịch thu quyền sống cơ bản của họ. Dù là cuộc khởi nghĩa của Biang Thăng (1886-1887), Ja Thak Wa (1834-1835), Katip Sumat (1833-1834), Tuan Phaow (1796-1797) hay cuộc vùng dậy của nhân dân Champa vào năm 1693, nhiều tư liệu đã

¹³ Le “Front de Libération du Champa” (Mặt Trận Giải Phóng Champa) sau này là “Front de Libération des Hauts Plateaux du Champa” (Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa).

Fulro: Biến cố nhất thời...

chứng minh rằng các cuộc khởi nghĩa trên đều có sự kết hợp và đồng tình giữa dân tộc Tây Nguyên (còn gọi là “Người Thượng” hay “Dân Bản Địa Đông Dương” (Proto-Indochinois) và cư dân đồng bằng, tức là dân tộc Chăm. Tài liệu này cũng cho biết rằng tất cả công trình đấu tranh chung của người Tây Nguyên và Chăm nhằm chống lại chế độ Việt Nam đã trở thành một truyền thống trong lịch sử. Vì rằng, vào thế kỷ XIII, dân tộc Tây Nguyên và Chăm đã từng chung vai sát cánh để đánh đuổi quân xâm lược Mông Cổ¹⁴. Cũng vào thế kỷ XII, các dân tộc Radê, Jarai cũng từng liên kết với dân tộc Chăm vùng dãy chống lại tân quốc vương Champa vừa mới lên ngôi ở Vijaya mà họ cho là vị vua chiếm đoạt ngai vàng của triều đại khác bằng con đường vũ lực¹⁵. Thành ra, sự chiến đấu chung của dân tộc Tây Nguyên và Chăm, tức là thân dân xưa kia của Champa, trong mặt trận Fulro chỉ là sự tiếp nối của một truyền thống lâu đời đã từng diễn ra trong lịch sử của vương quốc này.

Một sự kiện khác mà chúng tôi rất lưu ý đến đó là hai nhân vật lãnh đạo tối cao của Fulro: Đại tá Lès Kosem, dân tộc Chăm ở Kampuchea và Y Bham Enuôl, dân tộc Radê. Đối với chính quyền Sài gòn, sự hiện diện Y Bham Enuôl trong tổ chức Fulro chỉ là mưu đồ của người Chăm muốn lợi dụng dân tộc Tây Nguyên¹⁶, là chiến lược của hoàng thân Norodom Sihanouk và thực dân Pháp nhằm lôi lái dân tộc Tây Nguyên theo chủ thuyết trung lập hóa Đông Dương của họ¹⁷, và cũng là thủ đoạn của Việt Cộng nhằm lôi kéo Fulro vào tổ chức của Mặt Trận

¹⁴ G. Maspero, *Le royaume de Champa*, Paris (Van Oest), 1928, tr. 174-176.

¹⁵ L. Finot, «Notes d'épigraphie XI. Les inscriptions de Mi Son», in *BEFEO*, IV (1904), tr. 906.

¹⁶ Nguyễn Trắc Dĩ, *Phong trào đấu tranh Fulro 1958-1969*, Bộ Phát Triển Sắc Tộc, Saigon, 1969, tr. 22.

¹⁷ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969, Sdd., tr. 12.

Fulro: Biến cố nhất thời...

Giải Phóng Miền Nam¹⁸. Đây chỉ là chiêu bài tuyên truyền của Sài Gòn mà các quan sát viên không ai tin vào đó. Vì rằng hầu hết những phong trào đấu tranh Champa thường được tổ chức chung tập trung dân tộc Chăm cư trú ở đồng bằng và dân tộc Tây Nguyên cư trú ở miền cao. Trong quá trình lịch sử, dân tộc Tây Nguyên luôn luôn đóng một vai trò quan trọng trong tổ chức của Champa. Sau thế kỷ thứ XV, nhiều tư liệu cho rằng dân tộc Tây Nguyên thường giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình và mấy lần làm quốc vương Champa. Bằng chứng cụ thể vua Po Romê (1627-1651) có bà mẹ gốc Tây Nguyên và Po War Palei, được tôn vinh làm quốc vương Panduranga-Champa trong thời kỳ nổi dậy của Ja Thăk Wa là một người Raglai¹⁹. Sự hiện diện của Y Bham Enuôl, gốc Tây Nguyên và Les Kosem, gốc Chăm trong danh sách của nhân vật lãnh đạo phong trào Fulro là một sự kiện bình thường và lôgic đã từng xảy ra trong quá trình lịch sử đấu tranh của dân tộc Champa.

Sự hiện của dân tộc Tây Nguyên trong phong trào đấu tranh chống đế quốc Việt Nam từ thế kỷ thứ XVII đã giải thích thế nào vai trò chiến lược của dãy trường sơn trong mỗi cuộc khởi nghĩa. Đọc qua những biên niên sử Việt Nam hay Champa, người ta đưa ra lời kết luận rằng trong mỗi lần khởi nghĩa, dãy núi trường sơn lúc nào cũng là pháo đài quân sự để làm mật khu đấu tranh và cũng là khu vực lui quân cho các cuộc chiến vũ trang chống các chế độ Việt Nam. Đại Nam Thực Lục Chính Biên (XVI, trang 84) cũng cho biết rằng, nếu Jathak Wa (1834-1835) tạo dựng được một phong trào đấu tranh vũ trang hùng mạnh là vì ông ta có hậu thuẫn từ “những bọn ngu ngốc, man rợ sống trong rừng núi”, ý nói là hậu thuẫn của dân tộc miền

¹⁸ Nguyễn Trắc Dĩ, 1969, Sđd., tr. 6, Vĩnh Lộc, *Cái gọi là phong trào đòi tự trị Fulro*, Pleiku-Banmêthuat, 9-1965, tr. 72.

¹⁹ Sách cổ Chăm số CM 24(5), tr. 168-189 et CM 32(6), tr. 104-103.

Fulro: Biến cố nhất thời...

cao²⁰. Katip Sumat cũng đặt tổng hành dinh của cuộc khởi nghĩa 1833-1834 trên núi Aih Amrak²¹ ở Đồng Nai Thượng. Để trốn thoát ra khỏi lao tù của Tây Sơn và nhà Nguyễn, vua Pô Cei Brei cũng đã chọn vùng cao bên cạnh người Kaho để ẩn náu từ 1786 đến 1795²². Và Tuan Phaow, trong cuộc nổi dậy chống quân xâm lược nhà Nguyễn vào năm 1876, cũng thành lập chiến khu ở vùng núi phía tây Bình Thuận. Người ta có thể đưa thêm nhiều ví dụ nữa bằng cách ngược dòng thời gian cho đến thế kỷ XIII, bởi vì trong những năm mà quân Mông Cổ xâm chiếm Champa, cũng tại các dãy núi phía tây đất nước này, tức là khu vực Tây Nguyên mà vua chúa Champa và quân lính của ngài đã làm chiến khu ẩn náu. Và cũng phát xuất từ khu vực Tây Nguyên mà lực lượng Champa tiến hành các cuộc du kích chiến chống lại quân xâm lược Mông Cổ²³. Chính vì thế, chúng tôi không ngạc nhiên cho lắm tại sao những hoạt động quân sự của Fulro thường diễn ra trong những tỉnh Darlac và Pleiku, nghĩa là trong vùng cao của Champa. Đặt những chiến khu đấu tranh ở vùng cao, Fulro chỉ áp dụng lại những chiến lược truyền thống đã từng xảy ra kể từ thế kỷ thứ XIII.

Ai cũng biết, Fulro không thể hình thành cuộc đấu tranh vũ trang nếu không có sự giúp đỡ của chính quyền Khờ Me, một quốc gia đã gặp phải bao sự đe dọa của đế quốc Việt Nam kể từ năm 1658²⁴. Champa và Campuchia là hai nước láng

²⁰ Chính trong khu vực trường sơn ở phía tây tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa và Bình Thuận mà Ja Thak Wa đã dùng làm mật khu đấu tranh vũ trang.

²¹ DNTLCB (XVI, tr. 120) gọi là «núi Chử Diên». Ngược lại, biên niên sử Champa gọi là *Cek Amrak* «núi con công».

²² Mohamad Zain Musa, *Contribution à l'histoire du Panduranga- Campa: La fuite du Po Cei Bei* (Luận văn của l'EPHE, IVe section), Paris, 1990.

²³ G. Maspero, 1928, Sdd., tr. 240-245.

²⁴ Mak Phoeun et Po Dharma, «La première intervention militaire vietnamienne au Cambodge (1658-1659)», in *BEFEO*, LXXIII, 1984, tr. 285-318.

Fulro: Biến cố nhất thời...

giềng cùng mang chung một số phận trước đũa Nam Tiến của Đại Việt. Một khi đã ý thức đến yếu tố lịch sử này, Campuchia thường bày tỏ tinh thần hữu nghị và tương thân tương trợ với dân tộc Champa, cũng là nạn nhân của cuộc Nam Tiến như họ. Chính vì thế, hậu thuẫn của chính quyền Nam Vang dành cho Fulro chỉ là một truyền thống lịch sử trong mối quan hệ giữa hai vương quốc Khờ Me và Champa kể từ thế kỷ XVII²⁵.

Riêng về công thức «chia để trị» mà chính quyền Sài Gòn và tổ chức cộng sản thường áp dụng để làm suy yếu Fulro và đập tan tổ chức này²⁶ chỉ là một sách lược cổ xưa đã được các vua Việt Nam sử dụng từ lâu đời để đẩy lui những phong trào nổi dậy chống Việt Nam xâm lược. Cũng cần nhắc lại, hoàng đế Minh Mạng cũng đã từng mua chuộc cựu quốc vương Champa là Pô Phaok The (1828-1832) để yểm trợ chính sách của triều đình Huế nhằm thay thế toàn diện những quan lại gốc Champa thời đó bằng quan lại Việt Nam, phải xa lánh phong trào chống chế độ Việt Nam của Katíp Sumat (1833-1834) và tuyên thệ không bao giờ tham gia vào phong trào đấu tranh của Ja Thak Wa (1834-1835). Mặc dù Pô Phaok The đã chấp nhận luôn cúi và phục tùng triều đình Huế, nhưng Minh Mạng vẫn kết tội tử hình Pô Phaok The vào năm 1835 một khi vua chúa Việt Nam không còn cần đến ông ta nữa²⁷. Ngay cả quốc vương

²⁵ Po Dharma, «Note sur les Camj du Cambodge. Aspects historiques», in *Seksa Khmer*, số 3-4, 1981, pp. 162-183.

²⁶ Paul Nử là thành viên quan trọng trong phong trào Bajaraka đã trở về hợp tác với chính quyền Sài Gòn vào năm 1966, trở thành bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc cuối năm 1967. Ngoài Paul Nử ra, có nhiều thành viên Fulro khác cũng trở thành nghị sĩ và dân biểu của chế độ Việt Nam Cộng Hòa (Nguyễn Trắc Dĩ, 1969, Sđd., tr. 30). Một số người khác thì theo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam như Abih Aléo (G. Hickey, 1982, Sđd, tr. 66, 86, 115-116).

²⁷ DNTLCB, tập XVI, tr. 279. Xem thêm tập XII, tr. 282; Sách Châm cổ số CM 29(1).

Fulro: Biến cố nhất thời...

Champa là Po Cei Brei (1783-1786) cũng bị truy nã bởi các quan lại mà chính quốc vương này đã phong chức làm việc trong triều đình Champa, vì họ là những người muốn luồn cúi và phục tùng phe nhóm Tây Sơn hay Nguyễn Ánh²⁸. Cũng cần nhắc lại rằng, trong suốt cuộc nội chiến ở Việt Nam từ năm 1771 đến 1802, hai phe đối nghịch Tây Sơn và Nguyễn Ánh cũng tìm cách chinh phục những quan lại Champa ngã về phe mình bằng cách dành cho họ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền một khi phe Tây Sơn hay Nguyễn Ánh thắng trận. Mưu lược «chia để trị» có mục tiêu duy nhất đó là phá tan ý thức hệ đoàn kết của dân tộc Champa để rồi dân tộc này không còn sức mạnh nhằm đấu tranh đòi độc lập nữa.

Sự ra đời của tổ chức Fulro còn phát xuất từ chính sách «đồng hóa» dân tộc Champa của chế độ Sài Gòn, dù dưới thời Ngô Đình Diệm, Nguyễn Khánh hay dưới thời Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Văn Thiệu đi nữa. Mục tiêu của chính sách «đồng hóa» là tập trung dân tộc Champa vào các “ấp chiến lược” kể từ năm 1961 hầu dễ dàng kiểm soát họ và biến họ thành một tập thể lai căng và mất nguồn gốc văn hóa²⁹. Cũng trong thời gian đó, các chế độ Sài Gòn ra lệnh trưng dụng và chiếm đoạt đất đai dân tộc Tây Nguyên để phân phối cho hàng trăm ngàn người Kinh đến định cư. Những mảnh đất này được nhanh chóng đo đạc lại, cắt xén để sát nhập vào đơn vị hành chính Việt Nam.

Dựa vào quyền lực của chính quyền và quân đội Sài Gòn trấn giữ khu vực Tây Nguyên, dân tộc Kinh ô ạt kéo nhau lên vùng cao lập nghiệp. Sau vài năm cư dân người Kinh trở

²⁸ Mohamad Zain Musa, 1990, Sdd.

²⁹ Về nội dung liên quan đến ấp chiến lược, xin tham khảo tác phẩm của M. E. Osborne, *Strategic Hamlets in South Viet-Nam: A Survey and a Comparison*, Data paper, N. 55, Ithaca, Cornell University Press, 1965.

Fulro: Biến cố nhất thời...

thành một cộng đồng đa số, thường bày tỏ bản chất của một dân tộc thẳng trắn, tìm cách biến dân tộc Tây Nguyên thành một tập thể nô lệ khốn cùng. Đây cũng là một «kịch bản đế quốc» của chế độ Việt Nam đã từng diễn ra trong quá khứ và lặp đi lặp lại trong lịch sử cận đại của Champa vào cuối thế kỷ XX này. Trọng tâm của «kịch bản đế quốc» này là «áp chiến lược» tức là mô hình thống trị nhằm phân chia đất đai Champa mà chính quyền Việt Nam đã từng áp dụng vào năm 1832-1833. Trong mô hình thống trị này, vua chúa Việt Nam thời đó phân chia làng Chăm thành nhiều thôn ấp trà trộn vào các thôn xóm người Việt để tiện việc giám sát và chế ngự cư dân Chăm. Sự định cư ô ạt của dân tộc Kinh trên Tây Nguyên do Ngô Đình Diệm và những người kế vị của ông ta đề xướng chỉ là chính sách củ rích mà Phủ Bình Thuận đã áp dụng kể từ năm 1694 và khuyếch đại thêm một cách tích cực hơn ở miền duyên hải của Panduranga kể từ cuối thế kỷ XVIII. Sự tước đoạt đất đai Champa trên cao nguyên để phân phối cho cư dân Việt kể từ năm 1955-1956 cũng là sự kế thừa của chính sách xâm chiếm đất đai của thổ dân Chăm bắt đầu từ năm 1695³⁰, càng phát triển tích cực hơn vào những năm 1800 và khuyếch đại thêm vào những năm 1830-1835³¹.

Chương trình đồng hóa dân tộc Champa thành người Kinh đã trở thành một quốc sách mà Mệnh Mạng đã thực hiện vào năm 1832-1834³². Thế thì chủ trương của chính quyền Sài Gòn nhằm chiếm đoạt đất đai trên cao nguyên vào những năm 1955-1975 chỉ là sự nối tiếp của bản chất bành trướng lãnh thổ về phương nam mà vua chúa nhà Nguyễn đã từng áp dụng. Vì không còn làm chủ định mệnh của mình, dân tộc Champa chỉ

³⁰ DNTLCB (tập XII), tr. 41.

³¹ Xem sách Chăm cổ số CM 29(1), câu 23, 130; CM 30 (15), tr. 119-120.

³² *Minh Mệnh Chính Yếu*, tập VI, Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, Saigon, 1974, tr. 43.

Fulro: Biến cố nhất thời...

còn giải pháp là vùng dẫy nhằm cởi bỏ ách nô lệ của chế độ Sài Gòn và giải phóng xứ sở Champa để tìm lại quyền tự do được sống và bảo tồn nhân phẩm của họ.

*

Sau ngày ra mắt bài khảo luận này, dân tộc Tây Nguyên đã tạo ra hai biến cố quan trọng ở miền trung Việt Nam.

Ngày 1 tháng 2 năm 2001 đã diễn ra một cuộc nổi dậy của dân tộc Tây Nguyên. Hàng nghìn người Radê, Jarai và các dân bản địa Đông Dương xuống đường trong các thành phố ở cao nguyên để đòi hỏi chính quyền Hà Nội thoả mãn những yêu sách của họ gồm bốn điểm sau đây:

1. Trả lại cho dân tộc Tây Nguyên những đất đai của họ mà người Kinh xâm chiếm một cách bất hợp pháp.
2. Chấm dứt chính sách Việt Nam hóa dân tộc Tây Nguyên
3. Chấm dứt việc di dân người Kinh lên cao nguyên.
4. Tôn trọng tuyệt đối phong tục tập quán Tây Nguyên và chấm dứt thái độ trịch thượng khinh khi người dân tộc bản địa.

Từ khi chế độ Sài Gòn bị sụp đổ vào năm 1975, đây là lần đầu tiên mà dân tộc Tây Nguyên dám đứng ra thách đố chính quyền Hà nội. Để trả lời cho cuộc đấu tranh này, chính quyền Việt Nam ra lệnh cho quân đội và công an trừng trị thẳng tay những người tham gia vào cuộc biểu tình này³³. Thế là chính sách đàn áp dân tộc Tây Nguyên lại tái diễn³⁴. Trước sự đe dọa

³³ *New Straits Times* : 2-2-2001 et Frédérique Martin, «Les paysans des minorités ethniques revendiquent leurs terres ancestrales. Hanoi face à la révolte des Montagnards», in *Figaro*, 9-2-2001.

³⁴ *New Straits Times*: 10-2-2001.

Fulro: Biến cố nhất thời...

này, một số nhân vật Tây Nguyên tìm đường chạy sang Campuchia lánh nạn. Nổi gót người đi đầu, hàng nghìn người Tây Nguyên khác cũng tìm cách chạy sang tỉnh Mondulkiri của Campuchia sau đó họ được phép sang Hoa Kỳ định cư³⁵.

Ba năm sau, tức là ngày 10-4-2004, lại xảy ra vụ biến động lần thứ hai trên Tây Nguyên. Hàng nghìn người Tây Nguyên dùng máy cày và xe mô tô chống lại lực lượng an ninh Việt Nam bằng cách hô hào những khẩu hiệu: «tự do tôn giáo, trả lại đất đai cho dân tộc Tây Nguyên, quốc gia Dega độc lập». Theo nguồn tin chính thức, cuộc biểu tình này đã gây thiệt hại táng mạng cho hai người Tây Nguyên và làm bị thương nhiều nhân viên công an và quân đội của chính quyền Hà Nội. Ngoài ra, có chừng ba trăm người Tây Nguyên biểu tình bị tổng giam vào lao tù³⁶.

Ngày 22-4-2004, thứ trưởng bộ ngoại giao của Hà Nội là Lê Công Phụng lên án kết tội tổ chức «Montagnard Foundation» tại Hoa Kỳ đã cổ vũ và chủ động cuộc biểu tình này³⁷.

Biến cố năm 2004 cũng như vào năm 2001, đã đưa hàng ngàn dân Tây Nguyên đi tìm một quốc gia thứ hai để lánh nạn. Quốc gia thứ hai này cũng là Campuchia, một vương quốc đã từng mở rộng bàn tay đón nhận dân tộc Champa trong quá trình lịch sử³⁸.

³⁵ *New Straits Times*: 24-3-2001.

³⁶ *Agence Reuters*, Hanoi, 11 avril 2004; *Press Release*, Roma, 10 avril 2004; Web “*Montagnard Foundation*”, 11 avril 2004; Fr. Tourane, «Vietnam, la jacquerie religieuse», in *Le Point*, 22-4-2004.

³⁷ Web *VNA*, 22 avril 2004; Web “*Champa Human Right*”, 22 avril 2004.

³⁸ Son Chhay, «*Courrier électronique au Prince Norodom Sihanouk*», Ref. SCO4/010, National Assembly, 11 avril 2004; Norodom Sihanouk, «*Statement*», in *Courrier électronique*, Pyongyang, 14 avril 2004.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia đối với Champa và các dân tộc miền núi

Ts. Mak Phoeun
(Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp)

Sở dĩ chính quyền Campuchia hay đúng hơn là một số nhân vật Khơ Mer có ảnh hưởng lớn trên bàn cờ chính trị và quân sự ở vương quốc này chấp nhận bảo trợ lực lượng Fulro từ ngày ra đời của nó cũng như mãi về sau, chỉ vì quốc gia Khơ Me, kể từ thế kỉ thứ XVII, cùng mang chung một số phận như Champa và dân tộc miền núi ở phía nam Đông Dương, tức là nạn nhân của cuộc Nam Tiến hay nói một cách khác nạn nhân của chính sách bành trướng lãnh thổ về phương nam của dân tộc Việt. Ngoài yếu tố trên, chúng tôi cũng không quên một vài dữ kiện khác có thể giải thích tại sao vương quốc Campuchia luôn luôn chung vai sát cánh với tổ chức Fulro. Chúng tôi muốn nghĩ đến mối liên hệ lịch sử rất là hữu nghị đã diễn ra hàng thế kỷ giữa Campuchia và Champa, cũng như giữa vương quốc Khơ Me và dân tộc miền núi sinh sống ở khu vực biên giới của Campuchia và Việt Nam.

Để trả lời cho những câu hỏi vừa nêu ra, chúng tôi thử phát họa sơ qua ở đây một tầm nhìn bao quát về lịch sử quan hệ giữa vương quốc Khơ Me và Champa cũng như các dân tộc miền núi ở phía đông sông Mékong hay ở phía đông biên giới Kampachia. Dựa trên tài liệu Khơ Me hay những thông tin nhận được ở Campuchia, chúng tôi cũng không quên làm sáng tỏ lại yếu tố chính trị và quân sự trong mối quan hệ giữa hai quốc gia chịu ảnh hưởng nền văn minh Ấn Độ Giáo ở Đông Dương cũng như một số sự kiện xã hội hiếm hoi đã xảy ra trong thời điểm đó.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

Dù chúng tôi nói đến biến cố đã xảy ra trong lịch sử cận đại của hai quốc gia này, nhưng chúng tôi chỉ nghiên cứu mối quan hệ của nó đến thế kỷ XIX mà thôi. Vào những năm bao quanh 1832, chúng tôi đặt lại vấn đề bang giao chính trị giữa Campuchia và Champa và vào những năm đầu của triều đại Norodom (1860-1904), chúng tôi đề cập những mối quan hệ giữa Campuchia và các dân tộc miền núi.

A. Mối quan hệ giữa Campuchia và Champa

Sau mấy thế kỉ vàng son của chính sách bang giao hữu nghị, nhà nước Campuchia và Champa bắt đầu trở thành hai đối tượng thù địch sau ngày ra đời thánh địa Angkor, nghĩa là vào thế kỷ thứ IX. Trong bất cứ cuộc chiến nào cũng có người thắng kẻ thua. Lúc ban đầu, Campuchia xua quân chiếm đóng Champa từ 1145 đến 1149. Tiếp theo Champa cũng tiến quân xâm chiếm thủ đô Khơ Me vào năm 1177. Và sau cùng vương quốc Campuchia ra quân đánh bại Champa và sát nhập lãnh thổ của quốc gia này vào địa bàn kiểm soát của triều đại Angkor gần 20 năm, tức là từ 1203 đến 1220. Sau thế kỷ XV, hai vương quốc này quyết định từ bỏ mọi chính sách thù địch để tái lập lại mối bang giao hữu nghị được cụ thể hóa qua nhiều phương cách đó là Campuchia luôn luôn mở rộng bàn tay đón nhận hàng trăm ngàn cư dân Champa sang lánh nạn trước sự bành trướng về phía nam của dân tộc Việt.

I. Thời kỳ tiền Angkor

Vào thế kỷ thứ VII, vương quốc Campuchia mà Trung Hoa gọi là Tchen-La có mối bang giao rất bình thường với Champa. Vào năm 600, Campuchia gửi một vị bộ trưởng đến Champa như một đại sứ toàn quyền để xác nhận “tình hữu nghị giữa hai quốc gia”. Sau đó, con trai của quốc vương Campuchia

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

cũng như những quốc vương kế tiếp trị vì ở Isanapura (Sambor Preikuk, Kampong Thom) vẫn tiếp tục áp dụng chính sách bang giao hữu nghị ấy. Vị quốc vương này đã dành cho hoàng tử Champa một cuộc đón tiếp rất nồng hậu ở Bavapura (Campuchia) và gả cho chính khách này công chúa của Campuchia. Sau ngày kết hôn, hai vợ chồng hoàng tộc sanh hạ được một hoàng tử, sau này trở thành quốc vương Champa vào năm 653 trị vì khoảng 30 năm. Biến cố lịch sử này đã chứng minh rằng suốt thế kỷ VII và chắc chắn là cả thế kỷ sau đó, Campuchia và Champa không những là hai quốc gia láng giềng mà là hai vương quốc có mối liên hệ rất là hữu nghị.

II. Thời kỳ Angkor

1. Từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ thứ XI

Sau ngày hoàn tất công trình xây dựng thánh địa Angkor vào đầu thế kỷ thứ IX, vấn đề bang giao giữa Campuchia và Champa lại bước vào một khúc quanh mới, đó là hai quốc gia này thường dùng vũ lực để giải quyết sự khác biệt giữa đôi bên. Những cuộc chiến ấy có lẽ bắt nguồn từ những khúc mắt trong gia đình hoàng tộc của hai vương quốc này, dù rằng người ta không hiểu rõ thế nào là chi tiết của sự khủng hoảng đó. Lúc ban đầu, hai quốc gia chỉ nghĩ đến một vài chiến tranh chinh phạt lẫn nhau. Nhưng về sau, họ lại bước vào cuộc chiến tương tàn vào giữa thế kỷ thứ X. Vào năm 950, vua Angkor tiến binh đánh phá Champa và biến một số thành phố của vương quốc này thành tro bụi. Những đoàn quân ấy đã từng xâm chiếm thánh địa Kauthara rồi tước đoạt cả pho tượng bằng vàng của đền Po Nagar ở Nha Trang.

Ngoài biến cố này, người ta không còn nhận thông tin gì nữa về sự quan hệ giữa hai vương quốc này trong những thế kỷ về sau. Ngược lại, vào năm 1051 có diễn ra nhiều sự xáo trộn

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

chính trị trong nội bộ ở Campuchia. Một khi bị đánh bại, vị chỉ huy của phe đối lập phải chạy sang Champa để ẩn náu. Vài chục năm sau, tức là vào năm 1060, Đại Việt xuất quân tấn công Champa. Vì thua trận, quốc vương Champa phải chạy sang tị nạn ở Campuchia nhưng bị quân Đại Việt bắt giữ. Năm 1075, Champa và Campuchia liên kết với nhau để tiến quân chống phá Thăng Long. Trong khi đó Trung Hoa cũng tính gửi đoàn quân viễn chinh trừng phạt chư hầu Đại Việt. Chính vì thế cường quốc miền bắc này lôi kéo Campuchia và Champa về phía của mình để tấn công Đại Việt. Quân đội của Campuchia và Champa tràn vào Nghệ An. Tiếc rằng sự thất bại của quân Trung Hoa ở bãi chiến trường buộc quân Khơ Me và Champa phải rút ra khỏi Bắc Việt. Mặc dù có sự liên hiệp chính trị giữa hai nước láng giềng, Campuchia và Champa vẫn là hai đối tượng thù địch. Sau một thời gian an bình và nhất là lợi dụng cơ hội Đại Việt đang đối phó với sự quấy nhiễu của Trung Hoa ở phương bắc, Champa lại tiến hành chiến tranh chống Campuchia vào năm 1080 ở khu vực Sambhupura (Sambor) mà những vết tích đến thờ bị phá hủy vẫn còn để lại dấu ấn cho đến hôm nay.

2. Nửa đầu thế kỷ XII

Sau ngày lên ngôi của một nhân vật đứng ra xây dựng thánh địa Angkor Vat vào năm 1113, mối quan hệ giữa Campuchia và Champa bước sang một kỷ nguyên mới mang tính chất hữu nghị hơn. Mối quan hệ này bắt nguồn từ sự thay đổi cán cân quân sự trong khu vực Đông Dương một khi Đại Việt thoát khỏi nền đô hộ của Trung Hoa để giành độc lập vào năm 939. Nhằm mở rộng chiến dịch quân sự chống phá Đại Việt, vương quốc Khơ Me tìm cách liên kết với Champa để tìm một chỗ dựa vững chắc. Vừa mới lên ngôi ở Angkor, vua Campuchia bắt đầu xua quân quấy nhiễu Đại Việt, một quốc

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

gia không ngừng chứa chấp những quân phiến loạn Khơ Me và Champa bị chính quyền họ truy nã. Vào năm 1128, Campuchia tổ chức một cuộc viễn chinh bằng đường bộ và đường biển cướp phá Đại Việt, thuyết phục được vương quốc Champa yểm trợ cho hạm đội hải quân Khơ Me. Cuộc viễn chinh không đưa đến kết quả mong muốn, bởi vì quân yểm trợ của Champa chỉ đến nơi hẹn ở Nghệ An một vài tháng sau khi lực lượng Khơ Me xuất quân lên đường. Ngoài ra, Campuchia thường hay liên kết với vương quốc Champa trong nhiều trận chiến khác chống Đại Việt.

Năm 1145, Campuchia lại xua quân tấn công thủ đô Vijaya và làm chủ đất nước Champa. Quốc vương Champa bị chết trong cuộc chiến này, tức là cuộc chiến giữa hai quốc gia láng giềng có mối quan hệ rất là mật thiết rất là lâu đời. Có chăng Campuchia mở chiến dịch chống Champa là vì để yểm trợ một dòng họ hoàng gia nào đó ở Champa bị lật đổ bởi một ông vua khác? Có chăng vì Champa từ chối giúp đỡ Campuchia để quấy phá Đại Việt vào năm 1138? Dù sao đi nữa, Campuchia đã chiếm đóng Champa từ năm 1145 đến 1149.

Năm 1147, tiểu vương quốc Panduranga tự tôn vinh một người bản địa của mình lên làm quốc trưởng Champa và xuất quân ra phương bắc chống lại vương quyền Champa mà người Khơ Me dựng nên tại Vijaya (Bình Định). Trong trận chiến này, quân đội Panduranga giết được vị vua Champa ở Vijaya do Campuchia tôn vinh, làm chủ tình hình trên toàn lãnh thổ Champa và chấm dứt cuộc xâm chiếm Khơ Me vào năm 1149.

3. Giữa thế kỷ thứ XII đến những thập niên đầu của thế kỷ thứ XIII.

a. Champa đốt phá thành Angkor vào năm 1177

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

Những trận chiến vừa diễn ra đã đưa mối bang giao giữa Campuchia và Champa vào một khúc quanh mới. Quốc vương Champa vừa chiếm quyền ở Vijaya từ năm 1166-1167 tìm cách dồn mọi nỗ lực vào cuộc chiến chống Campuchia. Nhằm đảm bảo sự an bình ở biên giới phía bắc, vua Champa gửi những quà biếu đến triều đình Đại Việt vào năm 1170. Sau đó Champa xuất quân tấn công vương quốc Angkor bằng đường bộ nhưng không gặt hái sự thành công. Vào năm 1177, dựa vào chiến lược của một sứ giả Trung Hoa, Champa xua quân chinh phạt Campuchia bằng cách dùng sông Mékong để tiến quân. Đến thủ đô Angkor, hạm đội Champa tiến hành đốt phá thánh địa này và giết được quốc vương Campuchia.

Trước tình thế này, vị quốc vương mới của Campuchia là Jayavarman VII (1181-1218), người đã từng sinh sống ở Champa vào những năm 1160, đã cứu vương quốc Campuchia ra khỏi vòng tâm tối và ngăn chặn mọi xâm lăng của Champa. Trước tiên, Jayavarman VII đánh bại quân viễn chinh Champa trong nhiều trận chiến ở Campuchia, nhất là chiến trận thủy binh trên sông Tonlé Sap và một chiến trận quyết liệt ở đền Preah Khan đã làm thiệt hại tánh mạng quốc trưởng Champa. Sau ngày thắng trận vào năm 1181, Jayavarman VII lên ngôi và làm chủ hoàn toàn trên toàn lãnh thổ Campuchia.

b. Champa trở thành một tỉnh của Campuchia

Năm 1190, hai quốc gia láng giềng Campuchia và Champa trở thành hai đối tượng thù địch. Đây cũng là giai đoạn chiến tranh dai dẳng nhất, nhưng vua Campuchia quyết định đương đầu cho tới cùng. Trước khi xuất quân chống Champa, Jayavarman VII giao quyền chỉ huy quân đội cho Vidhyanandana, một hoàng tử Champa trẻ tuổi được nhận làm con nuôi của vua Angkor từ năm 1182. Trong trận chiến này, đoàn quân của Vidhyanandana xâm chiếm Vijaya và bắt được

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

quốc trưởng Champa đưa sang Campuchia. Sau đó Jayavarman VII tôn vinh anh rể của mình lên làm vua ở Vijaya (Bình Định) và hoàng tử Champa Vidhyanandana đã từng sinh sống ở Angkor, làm quốc vương Champa ở phương nam, tức là tiểu vương quốc Panduranga.

Hai năm sau, dân chúng Champa ở Vijaya vùng dậy đánh đuổi anh rể của vua Khơ Me chạy về Campuchia. Để trả lời cho cuộc vùng dậy này, Jayavarman VII gửi đến Champa vào năm 1192 một đoàn quân hùng mạnh có sự hiện diện của cựu quốc vương Champa bị bắt, liên kết với đoàn quân của hoàng tử Vidhyanandana tức là vua Champa đóng đô ở Panduranpa để tấn công Vijaya. Lợi dụng ngày thắng trận này, hoàng tử Vidhyanandana tự xưng là quốc trưởng Champa, thống nhất đất nước và đặt mọi uy quyền quốc gia Champa vào trong bàn tay của mình. Để trả lời cho thái độ cướp ngôi này, Jayavarman VII gửi hai đoàn quân đến Champa vào năm 1193 và 1194, để chinh phạt hoàng tử Vidhyanandana, nhưng không thành công. Đến năm 1203, quốc trưởng Champa là Vidhyanandana bị trục xuất ra khỏi ngai vàng bởi một hoàng tử Champa khác, một nhân vật cũng thường sinh sống trong triều đình Campuchia. Thế là kể từ năm 1203 vương quốc Champa trở thành một đơn vị hành chính của Campuchia.

Cuộc chiến dai dẳng vào những năm 1190-1192 đã chia cắt Champa thành hai vương quốc lệ thuộc vào Campuchia và kể từ năm 1203 Champa bị sáp nhập vào vương quốc Khơ Me đã chứng minh rằng lịch sử Campuchia và Champa hay ít nhất lịch sử của các gia đình hoàng tộc thuộc hai vương quốc có sự giao lưu rất là sâu đậm¹.

¹ Theo J. Boisselier (*La statuaire du Champa*, Paris, Publ. de l'EFEO, 1963, tr. 316), yếu tố liên kết và sự liên hệ giống tộc trong cuộc kết hôn giữa những thành viên trong gia đình vua chúa của hai vương quốc Campuchia và Champa là một đề tài chưa ai nghiên cứu. Tuy nhiên người ta cũng khám

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

c. Quân đội Khơ Me rời khỏi Champa.

Sự sáp nhập lãnh thổ Champa vào vương quốc Khơ Me kéo dài gần 20 năm. Trong thời kỳ ấy, Angsaraja, một hoàng tử khác của Champa cũng được nhận làm con nuôi của vua chúa Angkor và trở thành quốc vương Champa vào năm 1226, lãnh đạo một đoàn quân Khơ Me – chắc chắn có sự hợp lực của quân lính Champa và thỉnh thoảng lại có cả người Miến điện và Xiêm – tiến quân chống phá Đại Việt. Trận chiến cuối cùng đã xảy ra vào năm 1216 và 1218.

Năm 1220, Campuchia chấm dứt hoàn toàn chính sách thống trị Champa, quyết định rút quân ra khỏi vương quốc này. Theo văn bia Champa đã ghi lại, những người Khơ Me “đi về xứ thánh” và dân tộc Champa lại “trở về xứ sở Vijaya”. Nếu biến cố này đã xảy ra, là vì Campuchia không thể bành trướng quá xa chính sách đế quốc của mình, trong khi đó tình hình nội bộ ở Campuchia lại gặp phải bao vấn đề khó khăn.

Nếu hai yếu tố chính trị và quân sự đã giữ một vai trò chủ chốt trong chính sách bang giao giữa hai quốc gia chịu ảnh hưởng nền văn minh Ấn Giáo, người ta cũng không quên rằng những yếu tố này đã gây ra một ảnh hưởng khá quan trọng trên nhiều lãnh vực khác ở hai vương quốc này. Chúng tôi muốn nói đến lãnh vực dân cư, kinh tế, nghệ thuật, kiến trúc, tôn giáo, v.v.

III. Thời kỳ hậu Angkor

phá được, trong một số trường hợp, mối dây liên hệ trong cuộc cưới hỏi này. Sự kiện đáng lưu ý là sự quyết định của vua chúa Khơ Me trong việc cưới hỏi là cả một sự chọn lọc, vì họ thích làm xuôi gia với gia đình của hoàng tử Champa này mà lại không thích liên kết với gia đình hoàng gia Champa khác.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

Trong suốt thời gian hậu Ang Kor, sự bang giao giữa Campuchia và Champa được thể hiện qua sự ra đi ô ạt của thần dân Champa sang lánh nạn ở Campuchia, một khi vương quốc của họ bị tấn công bởi quân xâm lăng Đại Việt. Để thoát khỏi ách nô lệ của dân tộc Việt, cư dân Champa chỉ còn cách là trốn khỏi xứ sở của mình để di tản đến Campuchia, một quốc gia sẽ cứu mang họ. Nói đến sự di tản của dân tộc Chăm sang Campuchia, thì người ta không thể bỏ quên vai trò chính trị và quân sự của nhóm người tị nạn này, vai trò không phải là thứ yếu mà chúng tôi sẽ giải thích trong phần sắp tới².

1. Từ thế kỷ thứ XIV đến thế kỷ thứ XVII

Kể từ thế kỷ XIV cho đến sự sụp đổ thủ đô Vijaya vào năm 1471, người ta không có tin tức gì về mối bang giao giữa hai vương quốc Campuchia và Champa nữa. Nhưng hậu quả tức thời của cuộc Nam Tiến là sự ra đi của nhiều người Chăm sang Campuchia lánh nạn, trong lúc đó, những người khác, theo biên niên sử Khơ Me, chạy lên miền Thượng, đặc biệt là xứ Rađê. Mặt khác, nhiều tiểu vương quốc Champa lại hình thành ở miền nam nơi mà Đại Việt chưa xâm chiếm. Tiếc rằng phong trào Nam Tiến của Đại Việt đã làm biến mất dần dần một số vương quốc như Kauthara chẳng hạn, để rồi vào cuối thế kỷ XVII,

² Liên quan đến cộng đồng người Chăm và Mã Lai ở Campuchia, xem Mak Phoeun, “La communauté cam au Cambodge du XVe au XIXe siècle. Historique de son implantation et son rôle dans la vie politique khmère”, in *Actes du séminaire organisé à l’Université de Copenhague le 23 mai 1987*, Paris, Travaux du CHCPI, 1988, tr. 83-93; Mak Phoeun, “La communauté malaise musulmane au Cambodge (de la fin du XVIe siècle jusqu’au roi musulman Ramadhipati I)”, in *Le monde indochinois et la péninsule malaise*, Kuala Lumpur, Contributions de la délégation française au Deuxième Congrès international sur la civilisation malaise, 1990, tr. 47-68.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

vương quốc Champa chỉ còn vồn vẹn trong lãnh thổ của tiểu vương quốc Panduranga, một lãnh thổ tự trị, nhưng đặt dưới quyền kiểm soát chính trị của triều đình Huế cho đến năm 1832.

Phải chờ đến cuối thế kỷ XVI mà tư liệu Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha lại nói đến sự bang giao giữa Campuchia và Champa. Những bản văn này cho biết là sau ngày xâm chiếm Campuchia của Xiêm La vào năm 1593-1594, quốc vương Khơ Me đóng đô ở Longvêk gửi hai vị chỉ huy quân sự đến Champa, chắc chắn là để tuyển một số quân lính Champa nhằm đối đầu với Xiêm La. Vào thập niên đầu của thế kỷ thứ XVII, biên niên sử Khơ Me lại đề cập đến Champa cho rằng xứ này buộc phải trả lại cho Campuchia đất đai của tỉnh Barea (Việt gọi Bà Rịa) và Daung Nay (Việt Đồng Nai) mà Champa đã chiếm đóng trong quá khứ.

Năm 1962-1963 đánh dấu một bước ngoặt mới trong lịch sử Champa, năm mà nhà Nguyễn xua quân chinh phạt Champa và xóa bỏ vương quốc này trên bản đồ Đông Dương. Vì không chấp nhận chính sách đế quốc của nhà Nguyễn, nhiều thành viên trong gia đình hoàng gia Champa với 5.000 gia đình người Chăm khác bỏ quê hương chạy sang Campuchia ở đó quốc trưởng Khơ Me dành cho họ một cuộc tiếp đón ân cần và phân phối cho họ đất đai gần thủ đô và trong các tỉnh để lập nghiệp.

2. Những thế kỷ XVIII và XIX

Sau biến cố 1962, biên niên sử hoàng gia Khơ Me không nhắc đến mối quan hệ với Champa nữa. Nói như thế không có nghĩa là dân tộc Champa không còn chạy sang Campuchia lánh nạn nữa.

Một nhân vật người Pháp tên là Pierre Poivre đã từng sống tại Nam Việt (Cochinchine) vào năm 1748-1750 có nêu ra nguyên nhân tại sao người Chăm lại bỏ quê hương chạy sang

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

lánh nạn ở Campuchia. Pierre Poivre kể rằng một khu vực ở Champa bị nhà Nguyễn xâm chiếm rồi sát nhập vào bản đồ hành chính Việt Nam mang tên là Nia Hang (?) tọa lạc ở phía tây nam của Phan Rí và Phan Rang. Nia Hang là lãnh thổ nằm trong biên giới vương quốc “Tsiampa” và thần dân của vương quốc này bị người Việt “đưa đây” sang Campuchia³. Ngoài ra, văn bản viết bằng tiếng Chăm cũng cho biết là Po Cei Brei (Po Ceng) là quốc vương đã cai trị Champa từ năm 1783 đến 1786, vì không chấp nhận chiến tranh tương tàn (1771-1802) do Tây Sơn và Nguyễn Anh gây ra phải bỏ quê hương vào năm 1795-1796 với những người trung thành của mình chạy sang Campuchia để ẩn náu. Một khi đến vương quốc này, ngài được phép định cư tại Roka Po Pram của tỉnh Thbaung Khmum (Kampong Chàm). Dựa vào nguồn tin từ Campuchia, J. Moura⁴ cho biết có một hoàng tử Champa có tên là Po Chung (hay là Pô Cei Brei hay Po Ceng?) được đức vua Khơ Me phong chức vào năm 1817 Ukanya Arajun, nghĩa là thống đốc tỉnh Thbaung Khmum, nơi tập trung nhiều đồng hương Chăm. Theo J. Moura, một sự di tản khác ồ ạt hơn của người Chăm sang Campuchia lại diễn ra vào năm 1835, tức là sau ngày vùng dậy của dân tộc Champa để đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi quê hương của họ. Đây không phải là một sự di cư tình nguyện mà là lệnh của triều đình Huế nhằm trục xuất những gia đình người Chăm có ảnh hưởng, nhất là những thành viên trong gia đình hoàng tộc, chúng tôi chưa kể đến hàng nghìn người Chăm khác bị đuổi ra khỏi đất đai của họ và bị buộc phải chạy sang lánh nạn ở Campuchia.

Mặc dù người ta không nhắc đến vai trò chính trị và quân sự của cộng đồng Chăm định cư tại Campuchia, nhưng ai cũng công nhận rằng Campuchia không bao giờ có ý định đồng

³ Pierre Poirre, *Voyages d'un philosophe*, Paris, Dupuis, an V (1797), tr. 165.

⁴ J. Moura, *Le royaume du Cambodge*, Paris, Leroux, 1883, 2 vol.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

hóa người Chăm thành dân tộc Khơ Me. Mặt khác, người Chăm ở vương quốc này càng ngày càng phát triển đông đúc và dân số đông hơn so với người Chăm ở Panduranga. Họ sinh sống nhịp nhàng luôn luôn tôn trọng dân cư bản địa và hưởng quyền công dân như dân tộc Khơ Me thật sự.

B. Sự quan hệ giữa Campuchia và các dân tộc thiểu số

Dân tộc thiểu số cư trú tại cao nguyên Campuchia, Lào và Việt Nam là tập thể cộng đồng định cư lâu đời nhất ở miền Nam Đông dương. Họ là người Mnong và Stieng thuộc hệ ngôn ngữ môn-Khơ Me, Jarai và Rađê thuộc hệ Mã Lai Đa Đảo.

Cùng chung sống trên địa bàn dân cư của người Khơ Me và Chăm, dân tộc cao nguyên này có nhiều mối quan hệ với họ trong quá trình lịch sử.

Trong thực tế, người ta không có những dữ kiện rõ ràng để giải thích thế nào là thể thức và mô hình quan hệ ấy. Một điều chắc chắn mà không ai chối cãi, đó là sự có mặt của dân tộc cao nguyên ở phía đông Campuchia từ thời kỳ xa xưa. Người ta còn nhận thấy, đặc biệt là vào thời kỳ cổ, có sự hiện diện của các viên chức và quân đội Khơ Me trên lãnh thổ của họ. Các viên chức này chủ yếu là phái bộ ngoại giao Khơ Me sang viếng thăm Champa, trong lúc đó quân đội Khơ Me thường dùng đường mòn cao nguyên để tiến quân chống lại vương quốc láng giềng là Champa.

I. Thời kỳ tiền AngKor

Nước Tchen-la (Campuchia) là hậu duệ của vương quốc Phù Nam kể từ nửa cuối thế kỷ thứ VI, có nhiều mối quan hệ với các tộc người cao nguyên phía đông sông Mékong. Trong

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

thời gian đó, phái bộ ngoại giao Khơ Me thường băng qua lãnh thổ của dân tộc miền núi để sang viếng thăm Champa. Chính vì thế, cao nguyên đã trở thành một gạch nối giữa hai vương quốc này.

II. Thời kỳ Angkor

1. Mối liên hệ giữa người Khơ Me và dân tộc miền núi nhìn qua các cuộc chiến tranh

Kể từ thế kỷ thứ IX, mối quan hệ giữa vương quốc Khơ Me và các dân tộc miền núi ở phía đông Campuchia không thay đổi gì trên vấn đề cơ bản. Nhưng mỗi lần có vấn đề trọng đại trong mối liên hệ giữa Campuchia và Champa thường đưa dân tộc miền núi vào khúc quanh mới.

Trước thế kỷ thứ IX, lãnh thổ miền núi là một khu vực hoà bình. Sau thế kỷ thứ IX, lãnh thổ cao nguyên trở thành một đường mòn chiến lược mà quân đội của Campuchia và Champa thường dùng đến để tiến quân chinh phạt lẫn nhau. Chính con đường mòn này mà vua Campuchia là Jayavarman II (802-835?) và những vị vua kế tiếp thường băng qua để tấn công Champa. Khu chiến lược này cũng được sử dụng bởi quân đội Khơ Me nhằm tràn sang Champa đốt phá thánh địa Kauthara (Nha Trang) vào năm 950; chinh phạt Champa vào năm 1145-1149 hay trận chiến chống Đại Việt vào năm 1128.

Mỗi lần Campuchia và Champa rơi vào chiến tranh chinh phạt lẫn nhau hay mỗi lần Campuchia tiến quân chống phá Đại Việt, lãnh thổ cao nguyên lúc nào cũng trở thành khu chiến lược mà những đoàn quân của ba quốc gia này phải chinh phục cho bằng được, trước khi tiến quân đánh phá đối phương. Chiến lược này đã trở thành một khẩu hiệu ưu việt của đoàn quân Khơ Me trong những năm mà Campuchia đã xâm chiếm Champa để sát nhập vào vương quốc Angkor. Trước năm 1191,

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

công trình xây dựng một trục giao thông và 57 trạm tiếp tế chạy dài từ thành phố Angkor đến thủ đô Champa là Vijaya mà vua Jayavarman VII đã thiết kế, càng tăng cường thêm mối quan hệ giữa những người Khơ Me và dân tộc miền núi. Bởi vì trục giao thông này dĩ nhiên phải băng qua khu vực cao nguyên nối liền lãnh thổ Campuchia với Champa.

2. Tư liệu bia đá và hình ảnh khắc họa

Ai cũng biết, tin tức nói về mối quan hệ giữa dân tộc miền núi và xứ Tchen-la (Campuchia) hay vương quốc Angkor thời đó rất là khan hiếm. Ngược lại, bia đá Khơ Me⁵ lại cung cấp một số ngôn từ để ám chỉ dân tộc miền núi này. Sự kiện này đã chứng minh có sự hiện diện của họ trong biên giới của vương quốc Khơ Me hay nước láng giềng gần nhất đó là Champa. Trên bia khắc, người ta có ngôn từ như *Kirata* (gốc Phạn ngữ) ám chỉ dân tộc bộ lạc miền núi, *Vnang* tức là ngôn từ phiên âm từ Pnong, *Vrau* chỉ tộc người miền núi mà người ta thường nghĩ đến người Brau, định cư trên cao nguyên nằm giữa sông Sesan và Srépok.

Bên cạnh bia đá mà chúng tôi vừa trình bày, hình ảnh khắc họa trên tường Angkor Vat cung cấp hàng nghìn vũ nữ (apsara) gốc dân tộc Khơ Me, trong đó có một vài vũ nữ ăn mặc giống như dân tộc cao nguyên ở miền nam Đông Dương. Một vài vũ nữ lại ăn mặc theo kiểu áo của một số tộc người rất là đặc biệt hoàn toàn khác lạ với kiểu mẫu của dân tộc miền núi lân cận ở miền nam Đông Dương hôm nay. Lối điêu khắc này cho phép chúng tôi kết luận rằng người Khơ Me đã tiếp xúc với dân tộc miền núi định cư trong biên giới của Campuchia từ lâu

⁵ Muốn hiểu thêm nội dung của bia đá này, xem G. Coedès, *Inscriptions du Cambodge*, Hanoi, EFEO (Collection de Textes et Documents sur l'Indochine), 1937-1966, 8 vol.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

đời. Chính vì thế mà các nhà điêu khắc thời Angkor mới chi tiết hóa các hình tượng minh họa của các vũ nữ dân tộc miền núi trong tác phẩm điêu khắc của mình⁶. Những hình ảnh như thế đã chứng minh dân tộc Khơ Me thời Angkor biết một cách rõ rệt nguồn gốc xuất xứ của dân tộc miền núi này và có mối liên hệ rất chặt chẽ với họ. Bởi vì những y phục và nữ trang của các vũ nữ thời Angkor Vat rất là phong phú và đa dạng, phản ảnh những tập quán y phục của các dân tộc miền núi khác nhau ở Campuchia⁷. Mặt khác, một số hình ảnh điêu khắc trên tường Angkor Vat cũng cho thấy những gia nô thuộc hạng hạ đẳng tức là những người khuân vác hay nô lệ chỉ mặc một tấm khố khá rất gần gũi với tấm khố của vài tộc người miền núi hôm nay⁸.

3. Ký sự của Tcheou Ta-Kouan

Vào cuối thế kỷ thứ XIII, Tcheou Ta-Kouan là một nhà du hành Trung Hoa có đề cập đến sự hiện diện ở vương quốc Angkor một cộng đồng tộc người mà ông ta gọi là “những người man rợ” hay “những người cô độc miền núi”. Tcheou Ta-Kouan chia cộng đồng tộc người ấy ra thành hai nhóm riêng biệt. Nhóm thứ nhất, hiểu và nói được tiếng phổ thông, là nhóm “nô lệ” mà người ta có thể đem ra bán ở các thành thị. Nhóm thứ hai không biết “nền văn minh” là gì, không xây dựng nhà cửa, là nhóm du mục thường di chuyển nơi này sang nơi khác với gia đình, lúc nào cũng mang theo hủ lớn để làm rượu cần và thường định cư trên những sườn núi. Vũ khí của họ là ná hay giáo mác, sống nhờ săn bắn và thuốc độc dùng để săn bắn của họ rất nguy

⁶ J. Boulbet, “Des femmes Bu Dih à quelques apsaras originales d’Angkor Vat”, in *Arts Asiatiques*, 1968, t. XVII, tr. 209-218.

⁷ M. Giteau, *Histoire d’Angkor*, Paris, Ed. Kailash, 1996, tr. 63.

⁸ J. Boisselier, *La statuaire khmère et son évolution*, Saigon, Publ. de l’EFEO, 1955, tr. 77.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

hiếm. Tập thể của họ có bản tính rất là can đảm và khuất phục. Họ có thể chém giết lẫn nhau trong nhóm của họ⁹. Như thế, người ta thấy là ở các thời kỳ cổ xưa, dân tộc miền núi được phân thành nhóm phục tùng vương quốc Campuchia và nhóm độc lập không đặt dưới quyền kiểm soát của vương quốc này.

Theo Tcheou Ta-Kouan, sản phẩm quý ở vương quốc Angkor gồm có ngà voi, sừng tê giác do dân tộc miền núi cung cấp. Và ông ta còn nói thêm rằng chỉ có “những cư dân miền núi lạc hậu” mới có thể làm nghề đi tìm ngà voi. Tiếc rằng không có tư liệu nào cho biết những sản phẩm này là thuế vụ bằng hiện vật mà dân tộc miền núi phải đóng hàng năm cho nhà nước Angkor hay đấy chỉ là sản phẩm thu nhận qua sự trao đổi hàng hóa bằng hiện vật.

III. Thời kỳ hậu Angkor

Sự rút quân của Campuchia ra khỏi Champa vào năm 1220 cũng là năm chấm dứt hoàn toàn mối quan hệ giữa người Khơ Me và dân tộc miền núi ở phía đông của Tây Nguyên. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa người Khơ Me và dân tộc miền núi ở phía tây vẫn còn tiếp tục diễn tiến ngay trong thời kỳ mà Campuchia không còn làm chủ lãnh thổ ở thượng nguồn và trung nguồn Mékong nữa hay vào lúc mà vương quốc này dời thủ đô Angkor đến một nơi khác ở miền nam vào năm 1432.

1. Từ thời kỳ tiền sử đến thế kỷ thứ XVI

Biên niên sử hoàng gia Campuchia ít khi đề cập đến dân tộc miền núi ở vương quốc này. Vào thời kỳ tiền sử, chỉ có

⁹ P. Pelliot, *Mémoires sur les coutumes du Cambodge de Tcheou Ta-kouan. Version nouvelle suivie d'un commentaire inachevé*, Paris, Adrien-Maisonneuve, 1951.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

biên niên sử gọi là Vatt Dit (DV) cung cấp tên gọi một vài tộc người dân miền núi như Pnong, Stiêng, Radê được xem như là thân dân phục tùng oai quyền vua chúa Campuchia.

Bước vào thời kỳ lịch sử, biên niên sử mang mã số là Ang En (AE)¹⁰, bản dịch sang tiếng Xiêm La, cho biết vào thế kỷ thứ XV, dân tộc miền núi gồm có nhóm người Kuoy và Karieng công khai xen lấn vào việc nội bộ của người Khơ Me, nhân có sự tranh chấp quyền lực giữa ba hoàng tử Campuchia. Biến cố này đã trở thành một vấn đề nan giải, vì những biên niên sử khác viết bằng những chữ Khơ Me không bao giờ nói đến. Bước qua thêm thế kỷ thứ XVI, một đoạn biên niên sử (F1170) cũng là bản dịch sang tiếng Xiêm La có nêu ra sự dấy loạn của người Khơ Me-Chông, tức là tộc người miền núi sống ở tây nam Campuchia, thường tuyển mộ quân du kích trong cộng đồng dân tộc miền núi khác. Tiếc rằng biên niên sử khác viết bằng tiếng Khơ Me không bao giờ nhắc đến sự tham gia của dân tộc miền núi vào sự phiến loạn này.

2. Thế kỷ thứ XVII

Vào thế kỷ thứ XVII, có rất nhiều tư liệu bàn về mối quan hệ giữa Campuchia và dân tộc miền núi ở phía đông sông Mékong. Trong kho tàng tư liệu này, chúng tôi không quên nhắc đến biên niên sử hoàng gia DV, luật tục Campuchia, ký sự của các thương gia phương tây và lịch sử chùa Sambok. Thế kỷ XVII này cũng đánh dấu năm lên ngôi của Paramaraja VII (1602-1619), một quốc vương Campuchia dành mọi ưu tiên cho chính sách ổn định chính trị và phục hưng quyền lực nhà vua.

¹⁰ Về biên niên sử này và lịch sử Campuchia từ thế kỷ XVI đến XVIII, xem Mak Phocun, *Histoire du Cambodge*, Paris, Presses de l'EFEO (Monographies số 176), 1995.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

Qua các cuộc hành quân nhằm bình định xứ sở mà biên niên sử hoàng gia DV đã đưa ra một số chi tiết liên quan đến sự quan hệ giữa người Khơ Me và dân tộc miền núi. Đó là việc thăng chức cho một người Pnong mà trước kia ông ta chỉ là người nô lệ khi còn trẻ. Mặt khác, lịch sử chùa Sambok cũng nhắc đến mối quan hệ giữa vua Khơ Me và các Vua Lửa và Vua Nước của dân tộc Jarai.

a. Biên niên sử hoàng gia DV

Biên niên sử này kể rằng vào thế kỷ XVII, Ukanya Tejo “Yat”, một vị tỉnh trưởng nổi tiếng là nhân vật xuất thân từ dân tộc Pnong. Được mua như một người nô lệ bởi Ukanya Tejo Purajaj “Mas”, tỉnh trưởng của tỉnh Kampong Svay và cũng là tổng tư lệnh quân đội hoàng gia thời đó. Khi còn trẻ, Ukanya Tejo “Yat” được người chủ nuôi dưỡng và giáo dục có trường lớp. Bám theo chủ và giúp đỡ chủ ở mọi nơi, Ukanya Tejo “Yat” nổi bật lên trong nhiều trận chiến để tái lập hoà bình trong vương quốc. Khi Ukanya Tejo Purajaj “Mas” qua đời, mặc dù xuất xứ là dân tộc Pnong, ông ta được nhà vua tín nhiệm để lên thay thế chức vụ của người chủ. Với những thành tích chiến trận, ông ta cưới một người vợ xuất thân từ gia đình trung lưu và được quốc vương làm lễ ban phước lành vì cảm phục tài năng của ông ta. Theo A. Leclère¹¹, vào cuối thế kỷ thứ XIX, người ta tìm thấy ba tượng nhỏ điêu khắc trên một khối đá mà dân chúng thờ phượng trong chùa ở Kampong Thom. Bức tượng này là biểu tượng của “Dé chou Peunong”, hay là thần Tejo Pnong.

¹¹ A. Leclère, *Cambodge. Contes et légendes recueillis et publiés en français*, Paris, E. Bouillon, 1895, tr. 52, ct. 1.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

b. Luật tục Campuchia

Những sách luật tục Campuchia¹² được biên soạn vào thế kỷ thứ XVII, thường có một phần mở đầu nói về những hoàn cảnh dẫn đến sự biên soạn đó. Tác giả của phần mở đầu này là quốc vương Campuchia. Trong phần này, quốc vương thường đề cập đến chính sách yên dân, hoà bình, ổn định và nhất mong muốn “không gây khổ sở, không làm phiền hà quốc dân, những người lao động cực nhọc hay những người Kuoy và Pear khác”. Cũng nhờ bộ luật tục này mà người ta biết dân tộc miền núi trong nước cũng được các nhà soạn luật quan tâm. Mặt khác, những đạo luật liên quan đến các nô lệ ghi rằng những người Pnong, Radê và những thành viên khác của các tộc người miền núi, có con sanh tại Campuchia, thì các đứa trẻ này sẽ được xem như là thân dân Campuchia “thuộc thế hệ thứ ba và cả thứ hai”.

c. Lịch sử chùa Sambok

Lịch sử chùa Sambok viết vào đầu tháng 2 năm 1602, đề cập đến những mối quan hệ giữa các vua chúa Campuchia và hai vị vua Jarai gọi là “Vua lửa” (Stec Bhloen) và “Vua nước” (Stec Dik). Tư liệu này có nhắc đến những quà biếu mà quốc vương Campuchia phải gửi đến Vua Lửa và Vua Nước của dân tộc Jarai và nhất là lễ nghi cần thể hiện trong trường hợp một trong hai vị vua này qua đời. Văn bản này cũng nói rõ là theo tập quán xưa kia, cứ ba năm, vua chúa Campuchia phải tìm cách biết tin tức về hai vị vua Jarai. Nhưng vì có nhiều sự xáo trộn trong vương quốc, thành ra tập quán này đã bị quên lãng. Nếu tính ra, người ta có thể đoán rằng tục lệ này không còn hiện hành nữa kể từ triều đại của Norodom (1860-1904).

¹² A. Leclère, *Les codes cambodgiens*, 1898, 2 vol.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

Cũng theo lịch sử chùa Sambok, đức vua Campuchia thường tôn vinh Vua Lửa và Vua Nước, dưới danh xưng là “người cháu” và thường giao cho hai vị vua này quyền uy để cai trị xứ sở Radê, Jarai và Pnong thích nghi với truyền thống của họ. Mặt khác, vua Khơ Me cũng giao cho Vua Lửa và Vua Nước hai trách nhiệm đặc biệt: trách nhiệm giữ gìn “thay cho người chú” (vua Khơ Me), thanh kiếm thiêng liêng (Brah Khan) và kiểm soát chặt chẽ những trục giao thông trong khu vực rừng núi nhằm chống lại mọi sự phá hoại của kẻ thù”.

Theo biên niên sử hoàng gia DV, thanh kiếm thiêng liêng xưa kia là bảo vật của Brahm Kil, vị vua huyền thoại trị vì tại Angkor. Nhưng khi mất, vị vua này sang cư ngụ ở đất nước của Vua Lửa và Vua Nước, hai vương quốc đang bảo vệ cho vị Dhammikaraj tương lai. Theo truyền thuyết, trước khi nhắm mắt, Brahm Kil đã có những lời nhắn nhủ với các vị vua tương lai như sau: cứ mỗi ba năm một lần, quốc vương Campuchia phải gửi lời chúc mừng đến Vua Lửa và Vua Nước kèm theo những tặng phẩm mà đức vua Brahm Kil đã ghi sẵn trong một danh sách cũng như các hiện vật mà Vua Lửa và Vua Nước gửi tặng trở lại. Những người Jarai và các tộc người khác cũng có truyền thuyết tương tự, dù một số tình tiết có biến đổi tùy theo dân tộc¹³. Truyền thuyết ấy nói rằng Pô Thê (?) giao thanh kiếm cho Vua Lửa để giữ gìn và khuyên nhủ người Jarai nên ăn ở hòa hợp với người Campuchia, vì họ là người đang giữ võ của thanh kiếm này. Một khi đấng thần linh đã giao thanh kiếm cho người Jarai và võ kiếm cho người Khơ Me, thế thì hai dân tộc này phải sống hòa hợp với nhau.

Vua Brahm Kil cũng nhấn nhủ rằng Jarai là dân tộc có trách nhiệm canh giữ cẩn thận những trục giao thông và lãnh thổ miền núi chống lại các kẻ thù, có nghĩa là những kẻ thù từ phía đông (Champa hay Đại Việt). Vì rằng, vào thời Angkor

¹³ H. Maitre, *Les jungles Mqi*, Paris, E. Larose, 1912.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

quân đội Champa đã từng đánh phá Campuchia và Việt Nam thường xua quân tấn công vương quốc này từ 1658 đến 1659.

d. Tư liệu có nguồn gốc từ phương tây

Thương thuyền G. Van Wuysthoff gốc Hòa Lan là người phương Tây cung cấp lần đầu tiên những thông tin về quan hệ giữa Campuchia và các dân tộc miền núi. Sang nước Lào bằng đường Mékong vào tháng 7 và 8 năm 1641, ông G. Van Wuysthoff, vị đại diện của VOC (Vereenigde de Oost Indische Compagnie) ở lại với các người đồng nghiệp của mình từ ngày 6 đến 10 tháng 8 tại Sambor và thu thập nhiều tin tức rất chính xác về khu vực này¹⁴. Ông ta ghi nhận rằng dân chúng Khơ Mer ở Sambor thường đến vùng Attopeu ở nước Lào và cũng đến tận xứ Pnong để tìm vàng, sừng tê giác và ngà voi, mà họ đổi với muối, sắt, những chiêng nhỏ bằng đồng và những sản phẩm khác ít giá trị. G. Van Wuysthoff cũng nói thêm rằng một phần lãnh thổ của xứ Pnong đặt dưới quyền kiểm soát của Campuchia và một phần còn lại mà qui chế không được ghi rõ, là lãnh thổ riêng biệt trải dài đến bờ biển Champa. Thương thuyền Hòa Lan còn cho biết là vào năm 1621, vua Khơ Me Jayajettha II đã gửi đến xứ Thượng thuộc vùng Attopeu một đoàn thám hiểm để tìm vàng. Sự kiện này đã chứng minh là vào đầu thế kỷ XVII, lãnh thổ Campuchia bắt nguồn từ vùng núi non, bao gồm thượng nguồn của Sékong và Nam Noy, và vương quốc này luôn luôn giữ mối quan hệ với các dân tộc miền núi cư trú trong khu vực này.

¹⁴ J.-Cl. Lejosne, *Le journal de voyage de Gerrit van Wuysthoff et de ses assistants au Laos (1641-1642)*. Seconde édition, revue et complétée, [Metz], Centre de documentation et d'information sur le Laos, 1993.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

3. Thế kỷ XVIII và XIX

Trên thực tế, biên niên sử hoàng gia Campuchia không nhắc đến dân tộc miền núi trong suốt hai thế kỷ XVIII và XIX, ngoại trừ những tin tức liên quan đến dân tộc Samrê (miền Tây Campuchia), Kuoy và Stiêng. Theo biên niên sử này, dân tộc Samrê có đã tham gia vào cuộc nổi dậy năm 1702-1703 ở Pursat, nơi mà triều đình nhà vua vừa đặt thủ đô mới hầu né tránh những cuộc tấn công của Việt Nam. Dân tộc Samrê cũng đã tham gia vào cuộc tranh chấp năm 1714 giữa hai hoàng tử Campuchia tìm cách tranh giành ngôi báu. Mãi cho đến triều đại Norodom (1860-1904) biên niên sử hoàng gia Campuchia mới bắt đầu nêu ra vấn đề dân tộc miền núi. Theo biên niên sử này, vào năm 1860, những người Stieng, Knoy và người Khơ Me ở vùng cao thường tham gia vào cuộc phản loạn. Khu vực dân tộc miền núi ở phía đông (vùng người Stieng) được sử dụng nhiều lần như là nơi ẩn náu vững chắc cho những quân phiến loạn Khơ Me chống lại uy quyền vua chúa Campuchia, kể cả những thành viên theo hoàng tử trẻ cùng cha khác mẹ với vua Norodom, tức là hoàng tử Si Votha.

Trước những công trình khám phá khoa học được thực hiện trong thời Pháp thuộc và tiếp theo đó, có những nhóm thám hiểm người Pháp, kể từ thế kỷ XVIII đã viếng thăm nhiều khu vực thuộc lãnh thổ của dân tộc miền núi. Vào thế kỷ XIX, P. Bouillevaux¹⁵, vào tháng 9 năm 1851, sang viếng thăm người Pnong, dân tộc thường gia nhập vào tổ chức phiến loạn, chứ không phải qui phục nhà vua Campuchia. Nơi đây, ông ta đã gặp nhiều người Campuchia trốn tránh vì tội chống đối chính quyền và thường lập gia đình với dân tộc miền núi. Năm 1859,

¹⁵ C. E. Bouillevaux, *Voyage dans l'Indo-chine, 1848-1856*, Paris, Palmé, 1858.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

H. Mouhot sang viếng thăm người Stieng¹⁶ viết rằng người Campuchia, cũng như người Lào và Việt Nam, thường buộc người Stieng phải nộp thuế cho họ cứ ba năm một lần. Ông ta cũng ghi lại rằng vua Campuchia cũng rất mong muốn đưa những người Stieng đến lập nghiệp trong những tỉnh rất thưa người. Nói đến tình trạng trao đổi những quà biếu giữa vua chúa Campuchia và vua Jarai, bị gián đoạn vào thời kỳ Norodom, Đại úy Cupet¹⁷ đã từng đi từ Kratié đến Kontum vào năm 1891, khẳng định rằng những người Jarai thân cận với Vua Lửa vẫn còn trông chờ những quà biếu của vua Khơ Me gửi sang. Theo phong tục người Khơ Me ở Sambok, dù không còn nghi thức trao đổi quà biếu nữa, người ta vẫn còn tổ chức những lễ tục ở Sambok để chúc mừng thánh thần địa phương mang tên là Vua Lửa và Vua Nước.

Những nhánh sông ngòi ở phía đông sông Mékong là trục giao thông thủy lợi rất tự nhiên. Từ đó có nhiều ghe và thuyền độc mộc đi lại chở theo những người Khơ Me và dân tộc miền núi như người Brao, Tampuon và Jarai ở phía bắc và dân Mnong, Rađê và Stieng xa hơn về phía nam. Mặt khác, tư liệu cũng nói đến những trục giao thông bằng xe bò dọc theo bờ sông lớn dẫn đến cao nguyên băng qua một khu vực mênh mông rộng lớn ở Tây Nguyên. Những điều kiện di chuyển như thế tạo nhiều thuận lợi để những người Khơ Me và các dân tộc thiểu số giao lưu với nhau. Khoảng năm 1960, mặc dù có sự cạnh tranh của những người mới đến, người bán rong Khơ Me vẫn tiếp tục theo truyền thống cũ, di chuyển khắp nơi trên miền núi và đến tận thôn xóm Jarai để bán và đổi chác các loại cây

¹⁶ H. Mouhot, *Voyage dans les royaumes de Siam, de Cambodge, de Laos et autres parties centrales de l'Indo-Chine*, Paris, Hachette, 1868.

¹⁷ Cupet, "Voyage au Laos et chez les sauvages du Sud-Est de l'Indo-chine", in A. Pavié, *Mission Pavié. 1879-1895. Géographie et voyages III*, Paris, Ernest Leroux, 1900.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

cối y dược, những bùa phép, những bô đực cũng như các sản phẩm khác¹⁸. Một số cốt truyện truyền khẩu của dân tộc miền núi cũng thường nhắc đến dân tộc Khơ Me và vương quốc Campuchia. Sự kiện ấy chứng tỏ có sự liên tục trong vấn đề tiếp cận, liên hiệp thông gia, giao lưu văn hóa và nhất là trao đổi buôn bán giữa người Khơ Me và dân tộc miền núi ở phía đông. Trong quá khứ, chắc chắn là dân tộc Khơ Me và dân tộc miền núi phải có những cuộc tranh chấp và cướp bóc lẫn nhau, nhưng dân tộc miền núi không còn giữ một kỷ niệm nào liên quan đến các trận chiến chống lại người Campuchia. Và người Khơ Me cũng không bao giờ nói rằng dân tộc miền núi là đối tượng thù địch của họ.

*

Người Chăm cũng như các dân tộc miền núi ở phía đông sông Mékong đã sống kề cận và tiếp xúc thường xuyên với những người Khơ Me từ nhiều thế kỷ nay. Họ thường giao lưu với nhau trên bình diện nhân văn, văn hoá và thương mại. Mỗi nhóm trong ba cộng đồng tộc người này đều là nạn nhân của cuộc Nam Tiến của người Việt. Trước hết là dân tộc Champa mà đa số đã thoát khỏi sự tàn sát gây ra bởi chiến tranh, đã tìm nơi ẩn náu ở xứ sở Khơ Me. Kế tiếp, từ thế kỷ XVII trở đi, vương quốc Campuchia cũng bị quân đội Huế đánh phá và tìm cách xâm chiếm miền nam và miền đông nam của vương quốc này. Cuối cùng đến lượt những dân tộc miền núi. Lúc ban đầu, dân tộc miền cao không bao giờ nghe đến cuộc Nam Tiến, vì người Việt Nam không giám phiêu lưu trên vùng đất cao. Sau năm 1955 trở đi, cuộc chiến tương tàn giữa Bắc Việt và Nam

¹⁸ P.-B. Lafont, *Toloi Djuat. Coutumier de la tribu Jarai*, Paris, Publ. de l'EFEO LI, 1963.

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

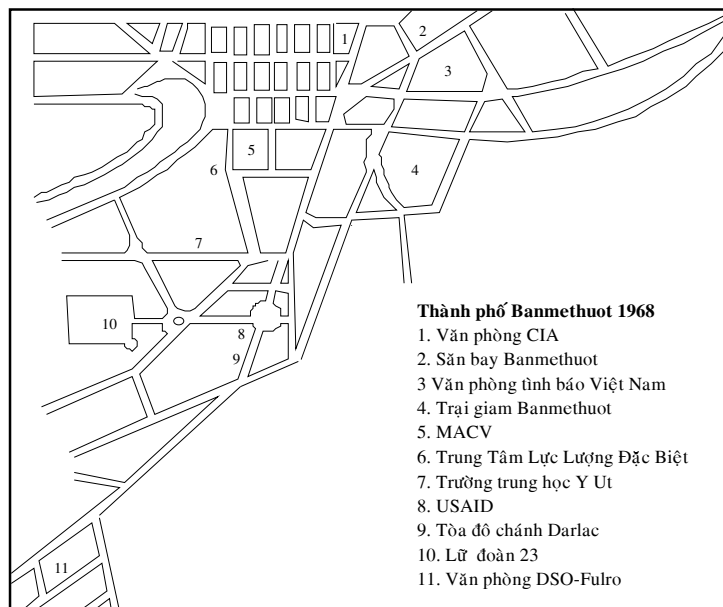
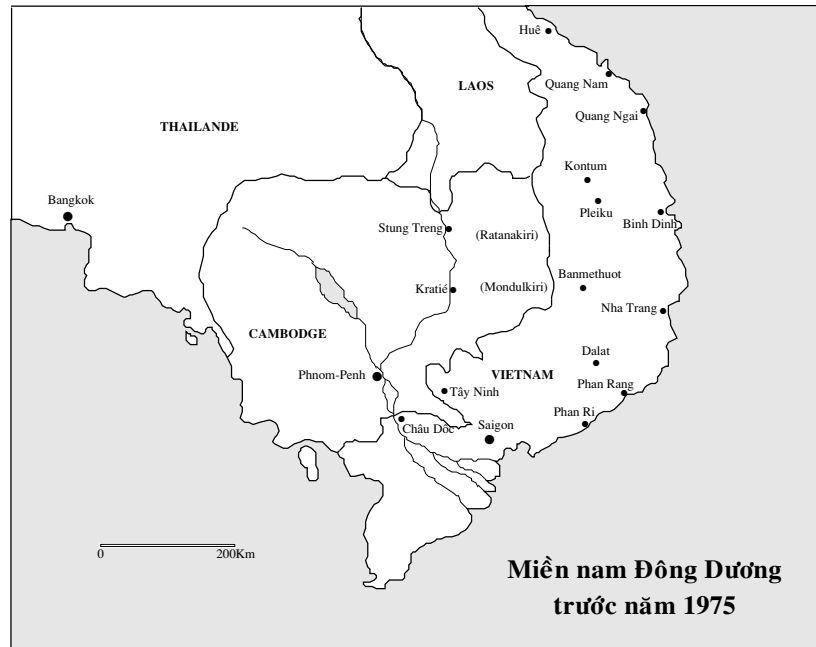
Việt đã đưa dân tộc Việt di cư ô ạt lên Tây Nguyên, xua đuổi những dân bản xứ ra khỏi đất đai mà tổ tiên của họ đã để lại.

Paris, tháng 3 năm 2005

Nhìn lại mối quan hệ của Campuchia

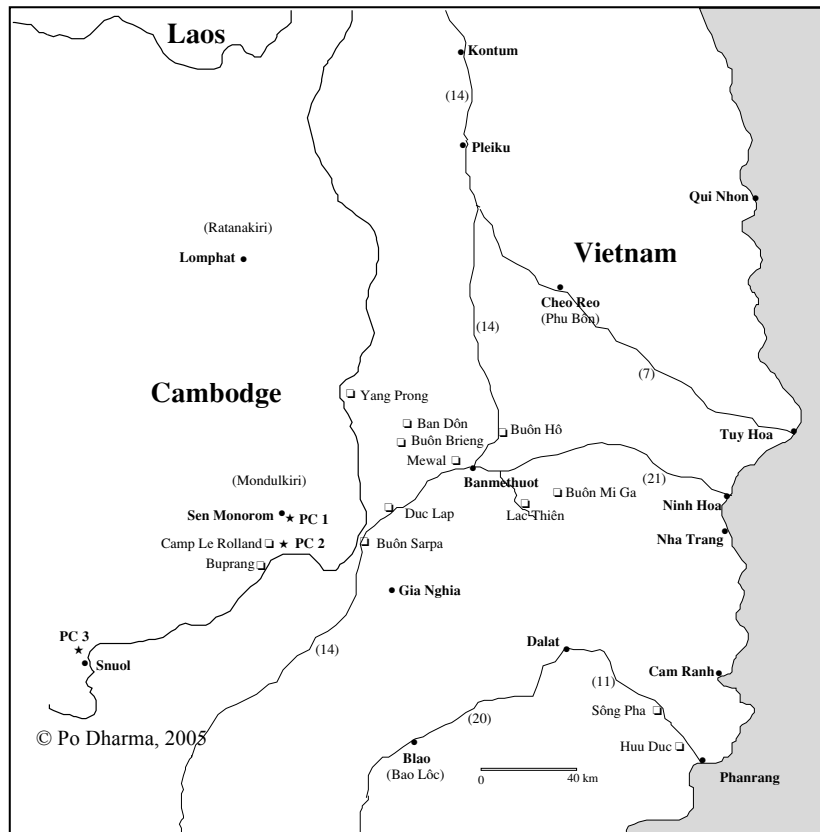
Trang Khong

Bản đồ



Bản đồ

Bản đồ tổng quát khu vực 3 biên giới



Chú thích: ● = thành phố □ = nơi gọi ☆ = mật khu Fulro (14) = quốc lộ